

Số: 5161 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp mạng lưới các cơ sở
giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026 - 2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương;

Căn cứ Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;



Căn cứ Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Công văn số 6563/VPCP-TCCV ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục - đào tạo;

Căn cứ Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà tại cuộc họp về tình hình triển khai sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 1186/KH-BGDDT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập;

Căn cứ Công văn số 4054/BGDDT-GDPT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Công văn số 4319/BGDDT-GDPT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn số 4952-CV/VPTU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy về việc triển khai thực hiện Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 3788-CV/ĐU ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Công văn số 4952-CV/VPTU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy về việc triển khai thực hiện Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 440-TB/VPTU ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh Thông báo Kết luận của Đồng chí Văn Thị Bạch Tuyết, Phó Bí thư Thành ủy tại buổi làm việc về công tác sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kết luận số 1288-KL/TU ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về Phương án tổng thể sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 8327/TTr-SGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2026.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Phương án tổng thể sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- BTT UBMTTQVN Thành phố;
- Sở GD&ĐT; Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính; Sở Xây dựng;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (VX/Đn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Cường

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ

**Sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông,
giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

CHƯƠNG I SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết xây dựng phương án

Sau sáp nhập, Thành phố Hồ Chí Minh có mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên lớn nhất cả nước, với **2.188** cơ sở giáo dục công lập, tuy nhiên nhiều trường còn có quy mô nhỏ, manh mún chưa phù hợp với không gian phát triển và quy mô dân số của đơn vị hành chính mới.

Thực hiện Thông báo kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/5/2026 của Chính phủ về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới; Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương;

Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với chủ trương chuyển mạnh từ tư duy “*quản lý giáo dục*” sang “*quản trị phát triển giáo dục*”; chuyển trọng tâm từ giảm đầu mỗi cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục;

Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mối quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”; thực hiện thí điểm mô hình một trường chính, có các phân hiệu, điểm trường; hợp nhất các đầu mối quản lý để hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô lớn.

Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; tăng quy mô, mạng lưới trường mầm non, trung học phổ thông, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3, 4 tuổi; có ít nhất 85% người

trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

Việc sắp xếp mạng lưới với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý không chỉ nhằm giảm đầu mối một cách cơ học, mà còn gắn với đổi mới quản trị nhà trường, tăng cường phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Phương án sẽ là cơ sở quan trọng để giao quyền tự chủ cho cấp cơ sở thực thi việc sáp nhập, bảo đảm tiến độ của Trung ương và bảo vệ quyền tiếp cận giáo dục của người học.

2. Căn cứ pháp lý

2.1. Các văn bản của Đảng và Trung ương

Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026–2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội và Chính phủ

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15.

Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15.

Luật Giáo dục sửa đổi số 123/2025/QH15.

Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức.

Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Công văn số 6563/VPCP-TCCV ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục - đào tạo.

Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Căn cứ Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà tại cuộc họp về tình hình triển khai sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập.

2.3. Các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ

Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026 về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục.

Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30 tháng 6 năm 2026 về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Công văn số 4319/BGDĐT-GDPT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ.

2.4. Các văn bản của Thành phố Hồ Chí Minh

Công văn số 4952-CV/VPTU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy về việc triển khai thực hiện Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Công văn số 3788-CV/ĐU ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Công văn số 4952-CV/VPTU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy về việc triển khai thực hiện Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông báo số 440-TB/VPTU ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh thông báo Kết luận của Đồng chí Văn Thị Bạch Tuyết, Phó Bí thư Thành ủy tại buổi làm việc về công tác sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận số 1288-KL/TU ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về Phương án tổng thể sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP.

Công văn số 5433/UBND-VX ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Thông báo số 1203-TB/TU ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông báo số 863/TB-VP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về Kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Mạnh Cường tại buổi làm việc nghe báo cáo sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công văn số 20119/VP-VX ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà tại cuộc họp về tình hình triển khai sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC HIỆN NAY

1. Quy mô mạng lưới các cơ sở giáo dục hiện nay

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục đặc biệt quan trọng. Để đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, Thành phố hiện đang duy trì một mạng lưới cơ sở giáo dục công lập có quy mô rất lớn, bao phủ đa dạng các cấp học, loại hình, từ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cho đến các trường liên cấp phổ thông và hệ thống các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên với tổng cộng **2.188** cơ sở giáo dục. Cụ thể:

- Trường mầm non: 694 trường.
- Trường tiểu học: 778 trường.
- Trường trung học cơ sở: 449 trường.

- Trường trung học phổ thông: 159 trường
- Trường tiểu học và trung học cơ sở: 14 trường.
- Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông: 14 trường.
- Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông: 02 trường.
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên: 41 Trung tâm.
- Trường chuyên biệt: 37 trường.

(Đính kèm Phụ lục 1 Danh sách các đơn vị sự nghiệp)

Về cơ bản, trong những năm qua, mạng lưới trường lớp của Thành phố đã phát huy vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của con em nhân dân, góp phần hoàn thành xuất sắc các mục tiêu phổ cập giáo dục các cấp. Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XIII và Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ, việc duy trì nhiều trường còn có quy mô nhỏ, manh mún chưa phù hợp với không gian phát triển và quy mô dân số của đơn vị hành chính mới.

2. Những mặt hạn chế, bất cập của mạng lưới trường lớp hiện nay

- **Quy mô của nhiều cơ sở giáo dục còn nhỏ lẻ, phân tán:** Sự phát triển nhiều trường còn có quy mô nhỏ, phân tán chưa phù hợp với không gian phát triển và quy mô dân số của đơn vị hành chính mới.

- **Thách thức đối với năng lực quản lý nhà nước của tuyến cơ sở:** Việc tiếp nhận và quản lý trực tiếp sẽ tạo ra áp lực hành chính vượt quá khả năng điều hành của chính quyền tuyến cơ sở.

Đánh giá một cách tổng thể, thực trạng mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố hiện nay đang đòi hỏi phải có sự tái cấu trúc mạnh mẽ. Chuyển đổi mô hình quản trị nhà trường, nâng cao hiệu suất đầu tư, tập trung nguồn lực phát triển đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu chuyển giao quản lý theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

CHƯƠNG III QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH SẮP XẾP

1. Quan điểm

Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương

hai cấp; chuyển trọng tâm từ giảm đầu mỗi cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bổ dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mỗi quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”; thực hiện thí điểm mô hình một trường chính, có các phân hiệu, điểm trường; hợp nhất các đầu mỗi quản lý để hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô lớn.

Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; tăng quy mô, mạng lưới trường mầm non, trung học phổ thông, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3, 4 tuổi; có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập theo hướng tinh gọn, khắc phục triệt để tình trạng nhiều điểm nhỏ, lẻ. Chuyển trọng tâm từ *"quản lý hành chính"* sang *"quản trị nhà trường"*; “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”, nhằm tối ưu hóa nguồn lực đầu tư công và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2.2. Mục tiêu

- Bảo đảm tinh gọn, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển của từng địa phương.
- Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mỗi quản lý, cơ cấu lại đội ngũ.
- Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân.

3. Nguyên tắc

Để bảo đảm sự đồng thuận của dư luận xã hội và tính khoa học trong giáo dục, việc sáp nhập tuân thủ các nguyên tắc:

3.1. Nguyên tắc sắp xếp chung

- Việc rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố phải lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo chuyên môn, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt, bền vững; không thực hiện sắp xếp một cách cơ học chỉ



nhằm giảm đầu mối; tuyệt đối không để học sinh do hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường.

- Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục - đào tạo.

- Lấy người học làm trung tâm. Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh thêm rào cản địa lý và chi phí; tuyệt đối không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục.

- Hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh.

- Việc sắp xếp các cơ sở giáo dục phải gắn với đảm bảo các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026 - 2027.

3.2. Nguyên tắc sắp xếp bổ sung

Từ thực tiễn giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, phương án sắp xếp bổ sung một số nguyên tắc đặc thù. Các nguyên tắc này được đúc kết từ chính thực tiễn giáo dục và không gian đô thị của Thành phố, làm cơ sở xuyên suốt để bảo vệ quyền lợi người học và giữ vững chất lượng giáo dục, cụ thể:

- Không sắp xếp các trường chuyên, trường chuyên biệt;

- Không sáp nhập các trường mầm non, phổ thông đang thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế theo Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố (ngoại trừ 2 cơ sở có vị trí liên kề).

- Không sáp nhập các trường mầm non chuẩn bị tham gia thí điểm Chương trình Giáo dục mầm non mới năm học 2026-2027 theo Công văn số 2595/BGDĐT-GDMN ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ưu tiên sáp nhập các cơ sở giáo dục mầm non có quy mô dưới 10 nhóm/lớp, trường phổ thông dưới 28 lớp. Sau sáp nhập các trường mầm non có tối đa không quá 30 nhóm/lớp, các trường phổ thông có tối đa không quá 100 lớp và không quá 3 điểm trường.

- Sáp nhập các cơ sở giáo dục mầm non có quy mô lớn với quy mô nhỏ để cùng phát triển.

- Các đơn vị sau sáp nhập tiếp tục thực hiện ổn định, xuyên suốt các nhiệm vụ chuyên môn, các đề án của thành phố theo sự hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Việc sắp xếp cần quan tâm đến các trường được xây dựng mới (bao gồm các cơ sở được đầu tư xây dựng mới, trụ sở dời dư sau sắp xếp).

- Các trường nằm trên địa bàn giáp ranh giữa các phường, xã, địa phương cần lấy ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo về phương án sáp nhập.

- Ưu tiên sắp xếp trường cùng cấp học quy mô lớn có các phân hiệu. Tùy theo tình hình địa phương, khoảng cách giữa các điểm trường không quá 2 km.

- Cân nhắc khi thực hiện sắp xếp trường phổ thông nhiều cấp học, xem xét sắp xếp các trường gần nhau trong 1 khu đất giáo dục hoặc liền vách.

- Việc rà soát, lựa chọn các cơ sở giáo dục đưa vào phương án sáp nhập phải tiến hành thẩm định chặt chẽ hồ sơ pháp lý về nguồn gốc đất đai.

- Tên gọi của cơ sở giáo dục sau sáp nhập phải bảo đảm tính khoa học, chuẩn hóa, có ý nghĩa giáo dục, phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương.

4. Mô hình trường học sau sắp xếp

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 4319/BGDĐT-GDPT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất áp dụng 02 mô hình quản trị tiên tiến đối với các trường sau sáp nhập:

- Mô hình 1: Trường một cấp học quy mô lớn (hoặc Trung tâm giáo dục thường xuyên) có các phân hiệu: Cấu trúc gồm 01 trường chính có các điểm trường. Cơ cấu nhân sự gồm: 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, 01 bộ phận hành chính – nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với phân hiệu, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi phân hiệu có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để bảo đảm chất lượng giáo dục.

- Mô hình 2 - Trường phổ thông nhiều cấp học quy mô lớn: Mô hình này được thực hiện tại 1 địa điểm hoặc các địa điểm khác nhau. Cấu trúc gồm 01 trường chính, có các điểm trường với nhiều cấp học. Cơ cấu nhân sự gồm: 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, bộ phận hành chính – nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với cấp học, phân hiệu, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về cấp học, quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi phân hiệu có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để bảo đảm chất lượng giáo dục.

CHƯƠNG IV

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố; trên cơ sở đánh giá thực trạng mạng lưới trường lớp và các nguyên tắc sắp xếp, Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng các phương án sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

1. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trực thuộc Ủy ban nhân dân phường/xã và đặc khu

Mỗi đơn vị hành chính cấp xã phải đảm bảo tối thiểu 01 cơ sở giáo dục mầm non, 01 cơ sở giáo dục phổ thông cung ứng đủ cấp tiểu học, trung học cơ sở, bảo đảm linh hoạt, theo lộ trình, phù hợp với tình hình thực tế địa phương trong tổng thể khu vực; ưu tiên mô hình trường phổ thông có nhiều cấp học tại các khu vực dân cư thưa thớt hoặc nơi có điều kiện đi lại khó khăn.

(Đính kèm Phụ lục 2)

2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Sắp xếp các đơn vị theo loại hình, phù hợp với các quy định hiện hành.

(Đính kèm Phụ lục 3)

3. Tiến độ thực hiện

- **Từ ngày 01/8/2026 đến 05/8/2026:** trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn Thành phố.

- **Từ ngày 06/8 đến 20/8/2026:** Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị trực thuộc xây dựng đề án và thực hiện theo phương án tổng thể sắp xếp đã được phê duyệt. Hoàn thành xong trước **20/8/2026**.

- Về công tác nhân sự và hồ sơ giáo dục: Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các cơ sở giáo dục trực thuộc tiến độ thực hiện theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; Hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 8617/BNV-TCBC ngày 08 tháng 8 năm 2026 về giải quyết chính sách đối với viên chức lãnh đạo, quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục tại các cơ sở

giáo dục; việc chỉnh lý, quản lý bàn giao hồ sơ, tài liệu lưu trữ khi sắp xếp cơ sở giáo dục và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

- **Trước ngày 30/12/2026:** Đánh giá toàn diện các đối tượng tác động, rút kinh nghiệm công tác sắp xếp; hình thành mô hình quản lý; ổn định công tác quản trị, tài chính, tài sản công; bảo đảm toàn hệ thống vận hành đồng bộ, thông suốt và không gây bất cứ ảnh hưởng nào đến hoạt động chuyên môn dạy và học tại các điểm trường.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư Pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Phương án tổng thể; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực thi tại tuyến cơ sở. Kịp thời chấn chỉnh các phương án "*sáp nhập cơ học*" vi phạm nguyên tắc.

- Giao tổng hợp báo cáo đề án sắp xếp của các phường, xã; trình kết quả báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Căn cứ thẩm quyền được giao, khẩn trương hoàn thiện việc rà soát và ra Quyết định sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở (bao gồm trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên), bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/8/2026.

4.2. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

- Trên cơ sở Phương án tổng thể đã được phê duyệt, xây dựng Đề án và quyết định sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn cấp xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, Luật Giáo dục sửa đổi số 123/2025/QH15 và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu để xảy ra sai phạm trong quản lý tài sản, gây xáo trộn tiêu cực đến tâm lý đội ngũ hoặc làm phát sinh tình trạng học sinh không thể đến trường do sắp xếp.

- Bố trí, sắp xếp đội ngũ, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền quản lý sau sắp xếp theo các quy định hiện hành.

- Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát các cơ sở giáo dục theo thẩm quyền quản lý thuộc diện sắp xếp trên địa bàn thực hiện đầy đủ công tác kiểm kê, bàn giao toàn bộ tài chính, tài sản công, đất đai, các khoản nợ phải thu và nợ phải trả theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, không làm thất thoát tài sản nhà nước.

4.3. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định phương án sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hướng dẫn mẫu đề án sắp xếp, hướng dẫn việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Hướng dẫn chuyên môn về thẩm định Đề án vị trí việc làm mới.

- Tham mưu, đề xuất các chính sách đặc thù bảo vệ quyền lợi, bảo lưu chế độ phụ cấp chức vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý dôi dư sau sắp xếp, tạo sự đồng thuận trong hệ thống.

4.4. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định phương án sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.5. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm kê, bàn giao tài sản, tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện điều chuyển tài sản công sau khi nhận đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 37 Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4.6. Sở Xây dựng

Nghiên cứu, đề xuất phương án thiết kế, tổ chức kết nối không gian giáo dục của các điểm trường sau sáp nhập, bảo đảm hệ thống hạ tầng dùng chung được khai thác liên thông, an toàn và tối đa hóa hiệu suất.

4.7. Các cơ sở giáo dục thuộc diện sắp xếp

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ em, học sinh cha mẹ học sinh để tạo sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện.

- Duy trì và bảo đảm chất lượng giáo dục, xây dựng phương án hỗ trợ để không làm gián đoạn hoạt động giáo dục của trẻ em, học sinh.

- Thực hiện đầy đủ công tác kiểm kê, bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất, nhân sự khi sắp xếp theo đúng quy định của pháp luật. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát, tiêu cực hoặc lãng phí cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, hồ sơ trong quá trình hợp nhất pháp nhân./.



Phụ lục 1
MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC
THƯỜNG XUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1	Đặc khu Côn Đảo	Trường Mầm Non Sen Hồng	Mầm non
2	Đặc khu Côn Đảo	Mầm Non Hướng Dương	Mầm non
3	Đặc khu Côn Đảo	Mầm Non Tuổi Thơ	Mầm non
4	Đặc khu Côn Đảo	Tiểu học Cao Văn Ngọc	Tiểu học
5	Đặc khu Côn Đảo	Trường THCS Lê Hồng Phong	THCS
6	Phường An Đông	MN Hoàng Yên	Mầm non
7	Phường An Đông	MN 8	Mầm non
8	Phường An Đông	MN 9	Mầm non
9	Phường An Đông	MN Sơn Ca	Mầm non
10	Phường An Đông	TH Huỳnh Mẫn Đạt	Tiểu học
11	Phường An Đông	TH Chương Dương	Tiểu học
12	Phường An Đông	TH Phạm Hồng Thái	Tiểu học
13	Phường An Đông	TH Huỳnh Kiến Hoa	Tiểu học
14	Phường An Đông	TH Trần Quốc Toàn	Tiểu học
15	Phường An Đông	THCS Kim Đồng	THCS
16	Phường An Đông	THCS Lý Phong	THCS
17	Phường An Hội Đông	Trường MN Mai Vàng (CL	Mầm non
18	Phường An Hội Đông	Trường MN Sen Hồng (CL	Mầm non
19	Phường An Hội Đông	Trường MN Hoa Sen (CL	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
20	Phường An Hội Đông	Trường MN Hoàng Yến (CL	Mầm non
21	Phường An Hội Đông	Trường MN Ngọc Lan (CL	Mầm non
22	Phường An Hội Đông	TH Lê Thị Hồng Gấm	Tiểu học
23	Phường An Hội Đông	TH Lê Hoàn	Tiểu học
24	Phường An Hội Đông	TH Phan Chu Trinh	Tiểu học
25	Phường An Hội Đông	TH Võ Thị Sáu	Tiểu học
26	Phường An Hội Đông	TH Lê Đức Thọ	Tiểu học
27	Phường An Hội Đông	TH Lê Văn Thọ	Tiểu học
28	Phường An Hội Đông	THCS Phan Tây Hồ	THCS
29	Phường An Hội Đông	THCS Lý Tự Trọng	THCS
30	Phường An Hội Đông	THCS Nguyễn Trãi	THCS
31	Phường An Hội Tây	Trường MN Sóc Nâu (CL	Mầm non
32	Phường An Hội Tây	Trường MN Hương Dương (CL	Mầm non
33	Phường An Hội Tây	TH Đặng Thùy Trâm	Tiểu học
34	Phường An Hội Tây	TH Lam Sơn	Tiểu học
35	Phường An Hội Tây	TH Lê Quý Đôn	Tiểu học
36	Phường An Hội Tây	THCS Tân Sơn	THCS
37	Phường An Hội Tây	THCS Huỳnh Văn Nghệ	THCS
38	Phường An Khánh	MN An Khánh	Mầm non
39	Phường An Khánh	MN 19/5	Mầm non
40	Phường An Khánh	MN Bình An	Mầm non
41	Phường An Khánh	MN Thảo Điền	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
42	Phường An Khánh	MN An Bình	Mầm non
43	Phường An Khánh	TH Nguyễn Thị Tư	Tiểu học
44	Phường An Khánh	THCS Bình An	THCS
45	Phường An Khánh	TH An Khánh	Tiểu học
46	Phường An Khánh	TH Huỳnh Văn Ngõ	Tiểu học
47	Phường An Khánh	TH An Bình	Tiểu học
48	Phường An Khánh	THCS An Phú	THCS
49	Phường An Lạc	Trường Mầm non 19 tháng 5	Mầm non
50	Phường An Lạc	Trường Mầm non Thiết Mộc Lan	Mầm non
51	Phường An Lạc	Trường Mầm non Hoa Hồng	Mầm non
52	Phường An Lạc	Trường Mầm non Dạ Lý Hương	Mầm non
53	Phường An Lạc	Trường Mầm non Hương Sen	Mầm non
54	Phường An Lạc	Trường Mầm non Hoàng Anh	Mầm non
55	Phường An Lạc	Trường Mầm non Hoa Đào	Mầm non
56	Phường An Lạc	Trường Mầm non 20-10	Mầm non
57	Phường An Lạc	Trường Mầm non Bình Trị Đông B	Mầm non
58	Phường An Lạc	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Tiểu học
59	Phường An Lạc	Trường Tiểu học Đinh Công Tráng	Tiểu học
60	Phường An Lạc	Trường Tiểu học Bùi Hữu Nghĩa	Tiểu học
61	Phường An Lạc	Trường Tiểu học An Lạc 1	Tiểu học
62	Phường An Lạc	Trường Tiểu học An Lạc 2	Tiểu học
63	Phường An Lạc	Trường Tiểu học An Lạc 3	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
64	Phường An Lạc	Trường Tiểu học Bình Trị 2	Tiểu học
65	Phường An Lạc	Trường Tiểu học Lê Công Phép	Tiểu học
66	Phường An Lạc	Trường trung học cơ sở Bình Trị Đông B	THCS
67	Phường An Lạc	Trường trung học cơ sở An Lạc	THCS
68	Phường An Lạc	Trường trung học cơ sở Bình Tân	THCS
69	Phường An Lạc	Trường trung học cơ sở Lê Tấn Bê	THCS
70	Phường An Nhon	Trường MN Hòa Mi (CL	Mầm non
71	Phường An Nhon	Trường MN An Nhon (CL	Mầm non
72	Phường An Nhon	Trường MN Hoa Phượng Đỏ (CL	Mầm non
73	Phường An Nhon	TH Nguyễn Viết Xuân	Tiểu học
74	Phường An Nhon	TH Hoàng Văn Thụ	Tiểu học
75	Phường An Nhon	THCS An Nhon	THCS
76	Phường An Nhon	THCS Nguyễn Văn Nghi	THCS
77	Phường An Phú	Trường MN Hoa Cúc 10	Mầm non
78	Phường An Phú	Trường MN Hoa Mai 5	Mầm non
79	Phường An Phú	Trường TH An Phú 3	Tiểu học
80	Phường An Phú	Trường TH An Phú	Tiểu học
81	Phường An Phú	Trường TH Tuy An	Tiểu học
82	Phường An Phú	Trường TH Lê Thị Trung	Tiểu học
83	Phường An Phú	Trường TH An Phú 2	Tiểu học
84	Phường An Phú	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	THCS
85	Phường An Phú Đông	MN 1 tháng 4	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
86	Phường An Phú Đông	MN Bông Sen	Mầm non
87	Phường An Phú Đông	MN Bông Hồng	Mầm non
88	Phường An Phú Đông	MN Sơn Ca 8	Mầm non
89	Phường An Phú Đông	TH Phạm Văn Chiêu	Tiểu học
90	Phường An Phú Đông	TH Hà Huy Giáp	Tiểu học
91	Phường An Phú Đông	TH Võ Thị Thù	Tiểu học
92	Phường An Phú Đông	THCS An Phú Đông	THCS
93	Phường An Phú Đông	THCS Trần Hưng Đạo	THCS
94	Phường Bà Rịa	MN Hoàng Oanh	Mầm non
95	Phường Bà Rịa	MN Phước Hiệp	Mầm non
96	Phường Bà Rịa	MN Sơn Ca	Mầm non
97	Phường Bà Rịa	MN Họa Mi	Mầm non
98	Phường Bà Rịa	MN Phước Nguyên	Mầm non
99	Phường Bà Rịa	Tiểu học Lê Thành Dục	Tiểu học
100	Phường Bà Rịa	THCS Phước Hưng	THCS
101	Phường Bà Rịa	Tiểu học Nguyễn Thanh Đăng	Tiểu học
102	Phường Bà Rịa	THCS Kim Đồng	THCS
103	Phường Bà Rịa	Tiểu học Trường Sơn	Tiểu học
104	Phường Bà Rịa	THCS Phước Nguyên	THCS
105	Phường Bà Rịa	Tiểu học Điện Biên	Tiểu học
106	Phường Bà Rịa	THCS Nguyễn Du	THCS
107	Phường Bà Rịa	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
108	Phường Bà Rịa	THCS Long Toàn	THCS
109	Phường Bàn Cờ	Mầm Non 1	Mầm non
110	Phường Bàn Cờ	Mầm Non 2	Mầm non
111	Phường Bàn Cờ	Mầm Non 3	Mầm non
112	Phường Bàn Cờ	Mầm Non 5	Mầm non
113	Phường Bàn Cờ	Mầm Non 4	Mầm non
114	Phường Bàn Cờ	TH Lương Định Của	Tiểu học
115	Phường Bàn Cờ	TH Nguyễn Sơn Hà	Tiểu học
116	Phường Bàn Cờ	THCS Bàn Cờ	THCS
117	Phường Bàn Cờ	TH Nguyễn Thiện Thuật	Tiểu học
118	Phường Bàn Cờ	THCS Phan Sào Nam	THCS
119	Phường Bàn Cờ	TH Phan Đình Phùng	Tiểu học
120	Phường Bàn Cờ	TH Phan Văn Hân	Tiểu học
121	Phường Bàn Cờ	THCS Thăng Long	THCS
122	Phường Bàn Cờ	THCS Kiến Thiết	THCS
123	Phường Bảy Hiền	MN 10	Mầm non
124	Phường Bảy Hiền	MN 10A	Mầm non
125	Phường Bảy Hiền	MN Họa Mi	Mầm non
126	Phường Bảy Hiền	MN 11	Mầm non
127	Phường Bảy Hiền	MN Phú Hòa	Mầm non
128	Phường Bảy Hiền	MN 12	Mầm non
129	Phường Bảy Hiền	TH Phú Thọ Hoà	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
130	Phường Bảy Hiền	TH Lê Thị Hồng Gấm	Tiểu học
131	Phường Bảy Hiền	TH Nguyễn Văn Trỗi	Tiểu học
132	Phường Bảy Hiền	TH Lạc Long Quân	Tiểu học
133	Phường Bảy Hiền	THCS Trần Văn Quang	THCS
134	Phường Bảy Hiền	TH Cách Mạng Tháng Tám	Tiểu học
135	Phường Bảy Hiền	TH Nguyễn Khuyến	Tiểu học
136	Phường Bảy Hiền	TH Trần Quốc Tuấn	Tiểu học
137	Phường Bảy Hiền	THCS Võ Văn Tần	THCS
138	Phường Bảy Hiền	THCS Ngô Quyền	THCS
139	Phường Bảy Hiền	THCS Trường Chinh	THCS
140	Phường Bến Cát	Trường Mầm non 28.7	Mầm non
141	Phường Bến Cát	Trường Mầm non Hướng Dương	Mầm non
142	Phường Bến Cát	Trường Mầm non Tân Hưng	Mầm non
143	Phường Bến Cát	Trường Mầm non Hoa Mai	Mầm non
144	Phường Bến Cát	Trường TH Kim Đồng	Tiểu học
145	Phường Bến Cát	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Tiểu học
146	Phường Bến Cát	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Tiểu học
147	Phường Bến Cát	Trường Tiểu học Mỹ Phước	Tiểu học
148	Phường Bến Cát	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Tiểu học
149	Phường Bến Cát	Trường THCS Mỹ Phước	THCS
150	Phường Bến Cát	Trường TH Lai Hưng	Tiểu học
151	Phường Bến Cát	Trường TH Tân Hưng	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
152	Phường Bến Cát	Trường THCS Lai Hưng	THCS
153	Phường Bến Cát	Trường THCS Lê Quý Đôn	THCS
154	Phường Bến Cát	Trường THCS Mỹ Thạnh	THCS
155	Phường Bến Thành	MN Nguyễn Thái Bình	Mầm non
156	Phường Bến Thành	MN Tuổi Hồng	Mầm non
157	Phường Bến Thành	MN Phạm Ngũ Lão	Mầm non
158	Phường Bến Thành	MN Tuổi Thơ	Mầm non
159	Phường Bến Thành	MN Bến Thành	Mầm non
160	Phường Bến Thành	TH Kết Đoàn	Tiểu học
161	Phường Bến Thành	TH Lê Ngọc Hân	Tiểu học
162	Phường Bến Thành	TH Khai Minh	Tiểu học
163	Phường Bến Thành	THCS Đồng Khởi	THCS
164	Phường Bến Thành	TH Nguyễn Thái Học	Tiểu học
165	Phường Bến Thành	TH Nguyễn Thái Bình	Tiểu học
166	Phường Bến Thành	TH Nguyễn Huệ	Tiểu học
167	Phường Bến Thành	THCS Nguyễn Du Q1	THCS
168	Phường Bình Cơ	Trường MN Hoa Cúc	Mầm non
169	Phường Bình Cơ	TRƯỜNG MN HỘI NGHĨA - CÔNG LẬP	Mầm non
170	Phường Bình Cơ	Trường TH Bình Mỹ	Tiểu học
171	Phường Bình Cơ	Trường TH Hội Nghĩa	Tiểu học
172	Phường Bình Cơ	Trường THCS Hội Nghĩa	THCS
173	Phường Bình Đông	MN 19/5	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
174	Phường Bình Đông	MN Tuổi Ngọc	Mầm non
175	Phường Bình Đông	MN Tuổi Thơ	Mầm non
176	Phường Bình Đông	MN Thỏ Ngọc	Mầm non
177	Phường Bình Đông	TH Bông Sao	Tiểu học
178	Phường Bình Đông	TH Phan Đăng Lưu	Tiểu học
179	Phường Bình Đông	THCS Phú Lợi	THCS
180	Phường Bình Đông	TH Bùi Minh Trực	Tiểu học
181	Phường Bình Đông	THCS Phan Đăng Lưu	THCS
182	Phường Bình Đông	TH An Phong	Tiểu học
183	Phường Bình Đông	TH Nguyễn Trung Ngạn	Tiểu học
184	Phường Bình Đông	TH Hoàng Minh Đạo	Tiểu học
185	Phường Bình Đông	THCS Sương Nguyệt Anh	THCS
186	Phường Bình Đông	THCS Bình An	THCS
187	Phường Bình Dương	Trường MN Hoa Mai	Mầm non
188	Phường Bình Dương	TRƯỜNG MN PHÚ CHÁNH	Mầm non
189	Phường Bình Dương	Trường MN Hòa Phú	Mầm non
190	Phường Bình Dương	Trường MN Phú Tân	Mầm non
191	Phường Bình Dương	Trường TH Phú Mỹ	Tiểu học
192	Phường Bình Dương	Trường TH Hòa Phú	Tiểu học
193	Phường Bình Dương	Trường TH Phú Tân	Tiểu học
194	Phường Bình Dương	Trường TH Phú Chánh	Tiểu học
195	Phường Bình Dương	Trường THCS Hòa Phú	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
196	Phường Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	THCS
197	Phường Bình Dương	Trường THCS Phú Chánh	THCS
198	Phường Bình Hòa	Trường MN Hoa Cúc 9	Mầm non
199	Phường Bình Hòa	Trường MN Hoa Cúc 6	Mầm non
200	Phường Bình Hòa	Trường MN Bình Hòa	Mầm non
201	Phường Bình Hòa	Trường TH Bình Hòa	Tiểu học
202	Phường Bình Hòa	Trường TH Bình Hòa 2	Tiểu học
203	Phường Bình Hòa	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	THCS
204	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Mầm non Nguyệt Quế	Mầm non
205	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Mầm non Hoa Phượng Vỹ	Mầm non
206	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Mầm non Ánh Mai	Mầm non
207	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Mầm non Trúc Đào	Mầm non
208	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Mầm non Đỗ Quyên	Mầm non
209	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Lê Hữu Trác	Tiểu học
210	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Huỳnh Thúc Kháng	Tiểu học
211	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Triệu Quang Phục	Tiểu học
212	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	Tiểu học
213	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Bình Thuận	Tiểu học
214	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Bình Long	Tiểu học
215	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	Tiểu học
216	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Phù Đổng	Tiểu học
217	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
218	Phường Bình Hưng Hòa	Trường Tiểu học Lạc Hồng	Tiểu học
219	Phường Bình Hưng Hòa	Trường trung học cơ sở Trần Quốc Toản	THCS
220	Phường Bình Hưng Hòa	Trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi	THCS
221	Phường Bình Hưng Hòa	Trường trung học cơ sở Lạc Long Quân	THCS
222	Phường Bình Lợi Trung	MN 5	Mầm non
223	Phường Bình Lợi Trung	MN 6	Mầm non
224	Phường Bình Lợi Trung	MN 11A	Mầm non
225	Phường Bình Lợi Trung	MN 11B	Mầm non
226	Phường Bình Lợi Trung	Mầm non 13	Mầm non
227	Phường Bình Lợi Trung	TH Yên Thế	Tiểu học
228	Phường Bình Lợi Trung	TH Bình Lợi Trung	Tiểu học
229	Phường Bình Lợi Trung	THCS Yên Thế	THCS
230	Phường Bình Lợi Trung	TH Nguyễn Bá Ngọc	Tiểu học
231	Phường Bình Lợi Trung	TH Phan Văn Trị	Tiểu học
232	Phường Bình Lợi Trung	THCS Nguyễn Văn Bé	THCS
233	Phường Bình Lợi Trung	THCS Bình Lợi Trung	THCS
234	Phường Bình Phú	MN Rạng Đông Quận	Mầm non
235	Phường Bình Phú	MN Rạng Đông 10	Mầm non
236	Phường Bình Phú	Mầm Non Rạng Đông 11	Mầm non
237	Phường Bình Phú	MN Rạng Đông 11A	Mầm non
238	Phường Bình Phú	TH Phú Định	Tiểu học
239	Phường Bình Phú	TH Phù Đồng	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
240	Phường Bình Phú	TH Nguyễn Văn Luông	Tiểu học
241	Phường Bình Phú	THCS Nguyễn Thái Bình	THCS
242	Phường Bình Phú	THCS Phú Định	THCS
243	Phường Bình Phú	THCS Nguyễn Văn Luông	THCS
244	Phường Bình Phú	THCS Lam Sơn	THCS
245	Phường Bình Quới	MN 27	Mầm non
246	Phường Bình Quới	MN 28	Mầm non
247	Phường Bình Quới	TH Thanh Đa	Tiểu học
248	Phường Bình Quới	TH Bình Quới Tây	Tiểu học
249	Phường Bình Quới	THCS Bình Quới Tây	THCS
250	Phường Bình Quới	THCS Thanh Đa	THCS
251	Phường Bình Quới	THCS Cù Chính Lan	THCS
252	Phường Bình Tân	MNCL Sen Hồng	Mầm non
253	Phường Bình Tân	MNCL 30-4	Mầm non
254	Phường Bình Tân	MNCL Hoa Phượng	Mầm non
255	Phường Bình Tân	TH Trần Cao Vân	Tiểu học
256	Phường Bình Tân	TH Hoàng Văn Thụ	Tiểu học
257	Phường Bình Tân	TH Tân Tạo	Tiểu học
258	Phường Bình Tân	TH Ngô Quyền	Tiểu học
259	Phường Bình Tân	TH Kim Đồng	Tiểu học
260	Phường Bình Tân	TH Trần Văn Ơn	Tiểu học
261	Phường Bình Tân	THCS Lê Ngọc Hân	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
262	Phường Bình Tân	THCS Hồ Văn Long	THCS
263	Phường Bình Tân	THCS Bình Hưng Hòa	THCS
264	Phường Bình Tân	THCS Tân Tạo	THCS
265	Phường Bình Tân	THCS Huỳnh Văn Nghệ	THCS
266	Phường Bình Tây	MN Rạng Đông 2	Mầm non
267	Phường Bình Tây	MN Rạng Đông 5	Mầm non
268	Phường Bình Tây	Mầm non Rạng Đông 5A	Mầm non
269	Phường Bình Tây	MN Rạng Đông 6	Mầm non
270	Phường Bình Tây	MN Rạng Đông 9	Mầm non
271	Phường Bình Tây	TH Chi Lăng	Tiểu học
272	Phường Bình Tây	TH Châu Văn Liêm	Tiểu học
273	Phường Bình Tây	TH Nguyễn Thiện Thuật	Tiểu học
274	Phường Bình Tây	TH Lê Văn Tám	Tiểu học
275	Phường Bình Tây	THCS Nguyễn Đức Cảnh	THCS
276	Phường Bình Tây	TH Võ Văn Tần	Tiểu học
277	Phường Bình Tây	TH Bình Tiên	Tiểu học
278	Phường Bình Tây	THCS Hậu Giang	THCS
279	Phường Bình Tây	THCS Hoàng Lê Kha	THCS
280	Phường Bình Thạnh	MN 12	Mầm non
281	Phường Bình Thạnh	MN 14	Mầm non
282	Phường Bình Thạnh	MN 24A	Mầm non
283	Phường Bình Thạnh	MN 24B	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
284	Phường Bình Thạnh	MN 26	Mầm non
285	Phường Bình Thạnh	TH Bình Hòa	Tiểu học
286	Phường Bình Thạnh	TH Trần Quang Vinh	Tiểu học
287	Phường Bình Thạnh	THCS Rạng Đông	THCS
288	Phường Bình Thạnh	TH Nguyễn Đình Chiểu	Tiểu học
289	Phường Bình Thạnh	TH Chu Văn An	Tiểu học
290	Phường Bình Thạnh	TH Tầm Vu	Tiểu học
291	Phường Bình Thạnh	TH Bạch Đằng	Tiểu học
292	Phường Bình Thạnh	THCS Lê Văn Tám	THCS
293	Phường Bình Thới	Trường mầm non Hoa Sen	Mầm non
294	Phường Bình Thới	Trường mầm non Bé Ngoan	Mầm non
295	Phường Bình Thới	Trường mầm non Hoa Mai	Mầm non
296	Phường Bình Thới	Trường mầm non Tuổi Ngọc	Mầm non
297	Phường Bình Thới	Trường mầm non Tuổi Hồng	Mầm non
298	Phường Bình Thới	TH Lạc Long Quân	Tiểu học
299	Phường Bình Thới	TH Hàn Hải Nguyên	Tiểu học
300	Phường Bình Thới	THCS Chu Văn An	THCS
301	Phường Bình Thới	THCS Nguyễn Văn Phú	THCS
302	Phường Bình Thới	TH Nguyễn Bá Ngọc	Tiểu học
303	Phường Bình Thới	TH Thái Phiên	Tiểu học
304	Phường Bình Thới	TH Phùng Hưng	Tiểu học
305	Phường Bình Tiên	MN Rạng Đông 1	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
306	Phường Bình Tiên	MN Rạng Đông 4	Mầm non
307	Phường Bình Tiên	MN Rạng Đông 3	Mầm non
308	Phường Bình Tiên	MN Rạng Đông 7	Mầm non
309	Phường Bình Tiên	MN Rạng Đông 8	Mầm non
310	Phường Bình Tiên	TH Phạm Văn Chí	Tiểu học
311	Phường Bình Tiên	TH Kim Đồng	Tiểu học
312	Phường Bình Tiên	TH Nguyễn Huệ	Tiểu học
313	Phường Bình Tiên	TH Nhật Tảo	Tiểu học
314	Phường Bình Tiên	THCS Văn Thân	THCS
315	Phường Bình Tiên	TH Hùng Vương	Tiểu học
316	Phường Bình Tiên	THCS Phạm Đình Hổ	THCS
317	Phường Bình Tiên	THCS Bình Tây	THCS
318	Phường Bình Trị Đông	MNCL Cẩm Tú	Mầm non
319	Phường Bình Trị Đông	MNCL Bình Trị Đông	Mầm non
320	Phường Bình Trị Đông	TH Nguyễn Công Trứ	Tiểu học
321	Phường Bình Trị Đông	THCL Thoại Ngọc Hầu	Tiểu học
322	Phường Bình Trị Đông	THCL Trần Nhân Tông	Tiểu học
323	Phường Bình Trị Đông	TH Bình Trị 1	Tiểu học
324	Phường Bình Trị Đông	TH Bình Trị Đông A	Tiểu học
325	Phường Bình Trị Đông	TH Bình Trị Đông	Tiểu học
326	Phường Bình Trị Đông	THCS Bình Trị Đông	THCS
327	Phường Bình Trị Đông	THCS Bình Trị Đông A	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
328	Phường Bình Trị Đông	THCS Lý Thường Kiệt	THCS
329	Phường Bình Trưng	Trường mầm non Rạch Chiếc	Mầm non
330	Phường Bình Trưng	Trường mầm non Bình Trưng Đông	Mầm non
331	Phường Bình Trưng	Trường mầm non Hoà Mi	Mầm non
332	Phường Bình Trưng	Trường mầm non Măng Non	Mầm non
333	Phường Bình Trưng	Trường mầm non Vườn Hồng	Mầm non
334	Phường Bình Trưng	Trường mầm non Sen Hồng	Mầm non
335	Phường Bình Trưng	Trường mầm non An Phú	Mầm non
336	Phường Bình Trưng	Trường mầm non Vành Khuyên	Mầm non
337	Phường Bình Trưng	TH An Phú	Tiểu học
338	Phường Bình Trưng	TH Giồng Ông Tố	Tiểu học
339	Phường Bình Trưng	TH Nguyễn Văn Trỗi	Tiểu học
340	Phường Bình Trưng	TH Nguyễn Hiền	Tiểu học
341	Phường Bình Trưng	TH Bình Trưng Đông	Tiểu học
342	Phường Bình Trưng	THCS Bình Trưng	THCS
343	Phường Bình Trưng	THCS Giồng Ông Tố	THCS
344	Phường Bình Trưng	THCS Nguyễn Văn Trỗi	THCS
345	Phường Bình Trưng	THCS Trần Quốc Toản	THCS
346	Phường Cát Lái	MN Hoa Hồng	Mầm non
347	Phường Cát Lái	MN Cát Lái	Mầm non
348	Phường Cát Lái	MN Thanh Mỹ Lợi	Mầm non
349	Phường Cát Lái	MN Sơn Ca	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
350	Phường Cát Lái	MN Hoa Sen	Mầm non
351	Phường Cát Lái	TH Mỹ Thủy	Tiểu học
352	Phường Cát Lái	THCS Nguyễn Thị Định	THCS
353	Phường Cát Lái	TH Thanh Mỹ Lợi	Tiểu học
354	Phường Cát Lái	THCS Cát Lái	THCS
355	Phường Cát Lái	TH Lương Thế Vinh	Tiểu học
356	Phường Cát Lái	THCS Thanh Mỹ Lợi	THCS
357	Phường Cát Lái	THCS Lương Định Của	THCS
358	Phường Cầu Kiệu	Mầm non Sơn Ca 1	Mầm non
359	Phường Cầu Kiệu	Mầm non Sơn Ca 15	Mầm non
360	Phường Cầu Kiệu	Mầm non Sơn Ca 2	Mầm non
361	Phường Cầu Kiệu	Mầm non Sơn Ca 7	Mầm non
362	Phường Cầu Kiệu	TH Đông Ba	Tiểu học
363	Phường Cầu Kiệu	THCS Cầu Kiệu	THCS
364	Phường Cầu Kiệu	Tiểu học Cầu Kiệu	Tiểu học
365	Phường Cầu Kiệu	TH Trung Nhất	Tiểu học
366	Phường Cầu Kiệu	THCS Châu Văn Liêm	THCS
367	Phường Cầu Ông Lãnh	MN Nguyễn Cư Trinh	Mầm non
368	Phường Cầu Ông Lãnh	MN 20/10	Mầm non
369	Phường Cầu Ông Lãnh	MN HOA LAN	Mầm non
370	Phường Cầu Ông Lãnh	MN Cô Giang	Mầm non
371	Phường Cầu Ông Lãnh	TH Chương Dương	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
372	Phường Cầu Ông Lãnh	THCS Chu Văn An	THCS
373	Phường Cầu Ông Lãnh	TH Trần Hưng Đạo	Tiểu học
374	Phường Cầu Ông Lãnh	THCS Đức Trí	THCS
375	Phường Cầu Ông Lãnh	TH Phan Văn Trị	Tiểu học
376	Phường Cầu Ông Lãnh	TH Lương Thế Vinh	Tiểu học
377	Phường Cầu Ông Lãnh	THCS Minh Đức	THCS
378	Phường Chánh Hiệp	Trường MN Hoa Cúc	Mầm non
379	Phường Chánh Hiệp	Trường MN Hoa Sen	Mầm non
380	Phường Chánh Hiệp	Trường TH Định Hòa 2	Tiểu học
381	Phường Chánh Hiệp	Trường TH Định Hòa	Tiểu học
382	Phường Chánh Hiệp	Trường TH Tương Bình Hiệp	Tiểu học
383	Phường Chánh Hiệp	Trường TH Kim Đồng	Tiểu học
384	Phường Chánh Hiệp	Trường THCS Tương Bình Hiệp	THCS
385	Phường Chánh Hiệp	Trường THCS Định Hòa	THCS
386	Phường Chánh Hưng	MN Vành Khuyên	Mầm non
387	Phường Chánh Hưng	MN Việt Nhi	Mầm non
388	Phường Chánh Hưng	MN Tuổi Hoa	Mầm non
389	Phường Chánh Hưng	MN Vàng Anh	Mầm non
390	Phường Chánh Hưng	MN Năng Mai	Mầm non
391	Phường Chánh Hưng	MN Bình Minh	Mầm non
392	Phường Chánh Hưng	MN Vườn Hồng	Mầm non
393	Phường Chánh Hưng	Trường Mầm non Hoa Mai	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
394	Phường Chánh Hưng	TH Nguyễn Trục	Tiểu học
395	Phường Chánh Hưng	THCS Khánh Bình	THCS
396	Phường Chánh Hưng	TH Rạch Ông	Tiểu học
397	Phường Chánh Hưng	THCS Dương Bá Trạc	THCS
398	Phường Chánh Hưng	TH Âu Dương Lân	Tiểu học
399	Phường Chánh Hưng	TH Vàm Cỏ Đông	Tiểu học
400	Phường Chánh Hưng	TH Thái Hưng	Tiểu học
401	Phường Chánh Hưng	TH Trần Danh Lâm	Tiểu học
402	Phường Chánh Hưng	THCS Trần Danh Ninh	THCS
403	Phường Chánh Hưng	TH Hưng Phú	Tiểu học
404	Phường Chánh Hưng	TH Lý Nhân Tông	Tiểu học
405	Phường Chánh Hưng	THCS Chánh Hưng	THCS
406	Phường Chánh Hưng	THCS Lý Thánh Tông	THCS
407	Phường Chánh Phú Hòa	Trường Mầm non Chánh Phú Hòa	Mầm non
408	Phường Chánh Phú Hòa	Trường Mầm non Hưng Hòa	Mầm non
409	Phường Chánh Phú Hòa	Trường TH Hưng Hòa	Tiểu học
410	Phường Chánh Phú Hòa	Trường THCS Quang Trung	THCS
411	Phường Chánh Phú Hòa	Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa	Tiểu học
412	Phường Chánh Phú Hòa	Trường THCS Chánh Phú Hòa	THCS
413	Phường Chợ Lớn	MN Họa Mi 2	Mầm non
414	Phường Chợ Lớn	MN 10	Mầm non
415	Phường Chợ Lớn	MN 11	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
416	Phường Chợ Lớn	MN 12	Mầm non
417	Phường Chợ Lớn	MN 13	Mầm non
418	Phường Chợ Lớn	MN 14B	Mầm non
419	Phường Chợ Lớn	MN Hòa Mi 1	Mầm non
420	Phường Chợ Lớn	TH Lý Cảnh Hón	Tiểu học
421	Phường Chợ Lớn	TH Nguyễn Viết Xuân	Tiểu học
422	Phường Chợ Lớn	TH Chính Nghĩa	Tiểu học
423	Phường Chợ Lớn	TH Minh Đạo	Tiểu học
424	Phường Chợ Lớn	TH Lê Đình Chinh	Tiểu học
425	Phường Chợ Lớn	TH Nguyễn Đức Cảnh	Tiểu học
426	Phường Chợ Lớn	TH Hùng Vương	Tiểu học
427	Phường Chợ Lớn	THCS Mạch Kiếm Hùng	THCS
428	Phường Chợ Lớn	THCS Hồng Bàng	THCS
429	Phường Chợ Lớn	THCS Trần Bội Cơ	THCS
430	Phường Chợ Quán	Mầm non 2B	Mầm non
431	Phường Chợ Quán	MN 1	Mầm non
432	Phường Chợ Quán	MN 3	Mầm non
433	Phường Chợ Quán	MN Hòa Mi 3	Mầm non
434	Phường Chợ Quán	MN Vàng Anh	Mầm non
435	Phường Chợ Quán	TH Hàm Tử	Tiểu học
436	Phường Chợ Quán	TH Lê Văn Tám	Tiểu học
437	Phường Chợ Quán	TH Trần Bình Trọng	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
438	Phường Chợ Quán	TH Bà Sen	Tiểu học
439	Phường Chợ Quán	THCS Ba Đình	THCS
440	Phường Dĩ An	Trường MN Thống Nhất	Mầm non
441	Phường Dĩ An	Trường MN Hoa Hồng 1	Mầm non
442	Phường Dĩ An	Trường MN Võ Thị Sáu	Mầm non
443	Phường Dĩ An	Trường MN Hoa Hồng 6	Mầm non
444	Phường Dĩ An	Trường TH An Bình	Tiểu học
445	Phường Dĩ An	Trường Tiểu Học Dĩ An	Tiểu học
446	Phường Dĩ An	Trường TH Lý Thường Kiệt	Tiểu học
447	Phường Dĩ An	Trường Tiểu Học Lê Quý Đôn	Tiểu học
448	Phường Dĩ An	Trường TH Nhị Đồng	Tiểu học
449	Phường Dĩ An	Trường TH An Bình B	Tiểu học
450	Phường Dĩ An	Trường TH Dĩ An B	Tiểu học
451	Phường Dĩ An	Trường TH Dĩ An C	Tiểu học
452	Phường Dĩ An	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp B	Tiểu học
453	Phường Dĩ An	Trường THCS Đông Chiêu	THCS
454	Phường Dĩ An	Trường THCS Võ Trường Toản	THCS
455	Phường Dĩ An	Trường THCS Tân Đông Hiệp	THCS
456	Phường Dĩ An	Trường THCS An Bình	THCS
457	Phường Dĩ An	Trường THCS Dĩ An	THCS
458	Phường Diên Hồng	Mầm Non 2/9	Mầm non
459	Phường Diên Hồng	MN Măng Non II	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
460	Phường Diên Hồng	MN Hoa Lan	Mầm non
461	Phường Diên Hồng	MN Ánh Dương	Mầm non
462	Phường Diên Hồng	MN Hoa Anh Đào	Mầm non
463	Phường Diên Hồng	MN Hải Âu	Mầm non
464	Phường Diên Hồng	MN Hoa Hướng Dương	Mầm non
465	Phường Diên Hồng	TH Nguyễn Chí Thanh	Tiểu học
466	Phường Diên Hồng	TH Dương Minh Châu	Tiểu học
467	Phường Diên Hồng	TH Lê Đình Chinh	Tiểu học
468	Phường Diên Hồng	TH Trần Văn Kiếu	Tiểu học
469	Phường Diên Hồng	TH Võ Trường Toản	Tiểu học
470	Phường Diên Hồng	THCS Nguyễn Tri Phương	THCS
471	Phường Diên Hồng	THCS Nguyễn Văn Tố	THCS
472	Phường Đông Hòa	Trường MN Hoa Hồng 2	Mầm non
473	Phường Đông Hòa	Trường MN Hoa Hồng 7	Mầm non
474	Phường Đông Hòa	Trường MN Hoa Hồng 3	Mầm non
475	Phường Đông Hòa	Trường TH Đông Hòa	Tiểu học
476	Phường Đông Hòa	Trường TH Bình An	Tiểu học
477	Phường Đông Hòa	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	Tiểu học
478	Phường Đông Hòa	Trường THCS Bình Thắng	THCS
479	Phường Đông Hòa	Trường TH Nguyễn Khuyến	Tiểu học
480	Phường Đông Hòa	Trường TH Đoàn Thị Điểm	Tiểu học
481	Phường Đông Hòa	Trường TH Đông Hòa B	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
482	Phường Đông Hòa	Trường TH Đông Hòa C	Tiểu học
483	Phường Đông Hòa	Trường THCS Bình An	THCS
484	Phường Đông Hòa	Trường THCS Đông Hòa	THCS
485	Phường Đông Hòa	Trường THCS Bình Thắng B	THCS
486	Phường Đông Hưng Thuận	MG Sơn Ca 1	Mầm non
487	Phường Đông Hưng Thuận	MN Bé Ngoan	Mầm non
488	Phường Đông Hưng Thuận	MN Sơn Ca	Mầm non
489	Phường Đông Hưng Thuận	MN Sơn Ca 3	Mầm non
490	Phường Đông Hưng Thuận	MN Sơn Ca 5	Mầm non
491	Phường Đông Hưng Thuận	MN Sơn Ca 7	Mầm non
492	Phường Đông Hưng Thuận	MN Ngọc Lan	Mầm non
493	Phường Đông Hưng Thuận	TH Nguyễn An Khương	Tiểu học
494	Phường Đông Hưng Thuận	TH Nguyễn Du	Tiểu học
495	Phường Đông Hưng Thuận	TH Nguyễn Khuyến	Tiểu học
496	Phường Đông Hưng Thuận	TH Trần Văn Ơn	Tiểu học
497	Phường Đông Hưng Thuận	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Tiểu học
498	Phường Đông Hưng Thuận	TH Thuận Kiều	Tiểu học
499	Phường Đông Hưng Thuận	TH Trương Định	Tiểu học
500	Phường Đông Hưng Thuận	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	THCS
501	Phường Đông Hưng Thuận	TH Nguyễn Thị Định	Tiểu học
502	Phường Đông Hưng Thuận	TH Lý Tự Trọng	Tiểu học
503	Phường Đông Hưng Thuận	THCS Phan Bội Châu	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
504	Phường Đông Hưng Thuận	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	THCS
505	Phường Đông Hưng Thuận	THCS Hà Huy Tập	THCS
506	Phường Đông Hưng Thuận	THCS Trần Phú	THCS
507	Phường Đức Nhuận	Mẫu giáo Hương Sen	Mầm non
508	Phường Đức Nhuận	Mầm non Sơn Ca 9	Mầm non
509	Phường Đức Nhuận	Mầm non Sơn Ca 4	Mầm non
510	Phường Đức Nhuận	Mầm non Sơn Ca 5	Mầm non
511	Phường Đức Nhuận	TH Sông Lô	Tiểu học
512	Phường Đức Nhuận	TH Cổ Loa	Tiểu học
513	Phường Đức Nhuận	TH Cao Bá Quát	Tiểu học
514	Phường Đức Nhuận	TH Hồ Văn Huê	Tiểu học
515	Phường Đức Nhuận	THCS Độc Lập	THCS
516	Phường Đức Nhuận	THCS Trần Huy Liệu	THCS
517	Phường Gia Định	MN 1	Mầm non
518	Phường Gia Định	MN 2	Mầm non
519	Phường Gia Định	MN 15	Mầm non
520	Phường Gia Định	MN 3	Mầm non
521	Phường Gia Định	MN 7B	Mầm non
522	Phường Gia Định	MN 15 B	Mầm non
523	Phường Gia Định	MN 7A	Mầm non
524	Phường Gia Định	MN 17	Mầm non
525	Phường Gia Định	TH Tô Vĩnh Diện	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
526	Phường Gia Định	TH Lê Đình Chinh	Tiểu học
527	Phường Gia Định	TH Lam Sơn	Tiểu học
528	Phường Gia Định	THCS Lam Sơn	THCS
529	Phường Gia Định	TH Hà Huy Tập	Tiểu học
530	Phường Gia Định	TH Bé Văn Đàn	Tiểu học
531	Phường Gia Định	TH Hồng Hà	Tiểu học
532	Phường Gia Định	THCS Hà Huy Tập	THCS
533	Phường Gia Định	THCS Trương Công Định	THCS
534	Phường Gia Định	THCS Điện Biên	THCS
535	Phường Gò Vấp	Trường MN Thủy Tiên (CL	Mầm non
536	Phường Gò Vấp	Trường MN Quỳnh Hương (CL	Mầm non
537	Phường Gò Vấp	Trường MN Anh Đào (CL	Mầm non
538	Phường Gò Vấp	TH Kim Đồng	Tiểu học
539	Phường Gò Vấp	TH Trần Quang Khải	Tiểu học
540	Phường Gò Vấp	THCS Quang Trung	THCS
541	Phường Hạnh Thông	Trường MN Hoa Quỳnh (CL	Mầm non
542	Phường Hạnh Thông	Trường MN Hoa Hồng (CL	Mầm non
543	Phường Hạnh Thông	Trường MN Nhật Quỳnh (CL	Mầm non
544	Phường Hạnh Thông	Trường MN Hoa Lan (CL	Mầm non
545	Phường Hạnh Thông	Trường MN Hồng Nhung (CL	Mầm non
546	Phường Hạnh Thông	Trường MN Sơn Ca (CL	Mầm non
547	Phường Hạnh Thông	TH Nguyễn Thượng Hiền	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
548	Phường Hạnh Thông	TH Trần Văn Ôn	Tiểu học
549	Phường Hạnh Thông	TH Phạm Ngũ Lão	Tiểu học
550	Phường Hạnh Thông	TH Hạnh Thông	Tiểu học
551	Phường Hạnh Thông	THCS Trường Sơn	THCS
552	Phường Hạnh Thông	TH Trần Quốc Toản	Tiểu học
553	Phường Hạnh Thông	THCS Nguyễn Văn Trỗi	THCS
554	Phường Hạnh Thông	THCS Gò Vấp	THCS
555	Phường Hạnh Thông	THCS Phan Văn Trị	THCS
556	Phường Hiệp Bình	MN Hiệp Bình Chánh	Mầm non
557	Phường Hiệp Bình	MN Hiệp Bình Chánh II	Mầm non
558	Phường Hiệp Bình	MN Hoa Hồng 3	Mầm non
559	Phường Hiệp Bình	MN Hiệp Bình Chánh III	Mầm non
560	Phường Hiệp Bình	MN Hương Sen	Mầm non
561	Phường Hiệp Bình	MN Hiệp Bình Phước	Mầm non
562	Phường Hiệp Bình	MN Sơn Ca 3	Mầm non
563	Phường Hiệp Bình	TH Bình Triệu	Tiểu học
564	Phường Hiệp Bình	TH Đặng Thị Rành	Tiểu học
565	Phường Hiệp Bình	TH Hiệp Bình Phước	Tiểu học
566	Phường Hiệp Bình	TH Linh Đông	Tiểu học
567	Phường Hiệp Bình	TH Bình Quới	Tiểu học
568	Phường Hiệp Bình	TH Đặng Văn Bát	Tiểu học
569	Phường Hiệp Bình	TH Hiệp Bình Chánh	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
570	Phường Hiệp Bình	TH Đào Sơn Tây	Tiểu học
571	Phường Hiệp Bình	THCS Ngô Chí Quốc	THCS
572	Phường Hiệp Bình	THCS Hiệp Bình	THCS
573	Phường Hiệp Bình	THCS Linh Đông	THCS
574	Phường Hòa Bình	Trường mầm non Hòa Bình 2	Mầm non
575	Phường Hòa Bình	Trường mầm non Hòa Bình 1	Mầm non
576	Phường Hòa Bình	TH Hòa Bình	Tiểu học
577	Phường Hòa Bình	TH Đại Thành	Tiểu học
578	Phường Hòa Bình	TH Trần Văn Ôn	Tiểu học
579	Phường Hòa Bình	THCS Nguyễn Huệ	THCS
580	Phường Hòa Bình	THCS Lê Quý Đôn	THCS
581	Phường Hòa Hưng	MN Măng Non I	Mầm non
582	Phường Hòa Hưng	Mầm non 19/5	Mầm non
583	Phường Hòa Hưng	MN Hoa Sen	Mầm non
584	Phường Hòa Hưng	MN Tuổi Thơ	Mầm non
585	Phường Hòa Hưng	MN Hòa Bình	Mầm non
586	Phường Hòa Hưng	TH Thiên Hộ Dương	Tiểu học
587	Phường Hòa Hưng	TH Triệu Thị Trinh	Tiểu học
588	Phường Hòa Hưng	TH Lê Thị Riêng	Tiểu học
589	Phường Hòa Hưng	THCS Hòa Hưng	THCS
590	Phường Hòa Hưng	TH Bắc Hải	Tiểu học
591	Phường Hòa Hưng	THCS Cách Mạng Tháng Tám	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
592	Phường Hòa Hưng	TH Tô Hiến Thành	Tiểu học
593	Phường Hòa Hưng	THCS Trần Phú	THCS
594	Phường Hòa Hưng	THCS Lạc Hồng	THCS
595	Phường Hòa Hưng	THCS Hà Đô	THCS
596	Phường Hòa Lợi	Trường Mầm non Hòa Lợi	Mầm non
597	Phường Hòa Lợi	Trường Mầm non Tân Định	Mầm non
598	Phường Hòa Lợi	Trường Tiểu học Hòa Lợi	Tiểu học
599	Phường Hòa Lợi	Trường Tiểu học Tân Định	Tiểu học
600	Phường Hòa Lợi	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình	Tiểu học
601	Phường Hòa Lợi	Trường Tiểu học Định Phước	Tiểu học
602	Phường Hòa Lợi	Trường THCS Bình Phú	THCS
603	Phường Khánh Hội	MN 6	Mầm non
604	Phường Khánh Hội	MN 10	Mầm non
605	Phường Khánh Hội	MN 9	Mầm non
606	Phường Khánh Hội	MN 14	Mầm non
607	Phường Khánh Hội	TH Lý Nhơn	Tiểu học
608	Phường Khánh Hội	TH Đống Đa	Tiểu học
609	Phường Khánh Hội	TH Nguyễn Văn Trỗi	Tiểu học
610	Phường Khánh Hội	THCS Chi Lăng	THCS
611	Phường Lái Thiêu	Trường MN Hoa Cúc 2	Mầm non
612	Phường Lái Thiêu	Trường Mầm non Hoa Cúc 1	Mầm non
613	Phường Lái Thiêu	Trường MN Hoa Cúc 5	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
614	Phường Lái Thiêu	Trường TH Phú Long	Tiểu học
615	Phường Lái Thiêu	Trường TH Bình Nhâm	Tiểu học
616	Phường Lái Thiêu	Trường TH Trần Quốc Toản	Tiểu học
617	Phường Lái Thiêu	Trường TH Lái Thiêu	Tiểu học
618	Phường Lái Thiêu	Trường TH Vĩnh Phú	Tiểu học
619	Phường Lái Thiêu	Trường TH Phan Chu Trinh	Tiểu học
620	Phường Lái Thiêu	Tiểu học - THCS Tân Thới	Liên cấp
621	Phường Lái Thiêu	Trường THCS Phú Long	THCS
622	Phường Lái Thiêu	Trường THCS Nguyễn Văn Tiết	THCS
623	Phường Lái Thiêu	Trường THCS Châu Văn Liêm	THCS
624	Phường Lái Thiêu	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	THCS
625	Phường Linh Xuân	MN Thỏ Ngọc KV3	Mầm non
626	Phường Linh Xuân	MN Sao Mai	Mầm non
627	Phường Linh Xuân	MN Sen Hồng 3	Mầm non
628	Phường Linh Xuân	MN Linh Xuân	Mầm non
629	Phường Linh Xuân	MN Linh Trung	Mầm non
630	Phường Linh Xuân	MN Linh Tây	Mầm non
631	Phường Linh Xuân	MN Hoa Đào	Mầm non
632	Phường Linh Xuân	MN Hoàng Yến 3	Mầm non
633	Phường Linh Xuân	TH Xuân Hiệp	Tiểu học
634	Phường Linh Xuân	TH Hoàng Diệu	Tiểu học
635	Phường Linh Xuân	TH Nguyễn Văn Triết	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
636	Phường Linh Xuân	TH Linh Tây	Tiểu học
637	Phường Linh Xuân	TH Nguyễn Văn Lịch	Tiểu học
638	Phường Linh Xuân	TH Đỗ Tấn Phong	Tiểu học
639	Phường Linh Xuân	TH Nguyễn Văn Nở	Tiểu học
640	Phường Linh Xuân	THCS Xuân Trường	THCS
641	Phường Linh Xuân	THCS Linh Trung	THCS
642	Phường Linh Xuân	THCS Nguyễn Văn Bá	THCS
643	Phường Long Bình	MN Long Bình	Mầm non
644	Phường Long Bình	MN Tạ Uyên	Mầm non
645	Phường Long Bình	MN Long Sơn	Mầm non
646	Phường Long Bình	MN Sơn Ca 2	Mầm non
647	Phường Long Bình	MN Long Thạnh Mỹ	Mầm non
648	Phường Long Bình	TH Long Bình	Tiểu học
649	Phường Long Bình	TH Tạ Uyên	Tiểu học
650	Phường Long Bình	TH Long Thạnh Mỹ	Tiểu học
651	Phường Long Bình	TH Nguyễn Minh Quang	Tiểu học
652	Phường Long Bình	THCS Hưng Bình	THCS
653	Phường Long Bình	THCS Long Bình	THCS
654	Phường Long Hương	MN Long Hương	Mầm non
655	Phường Long Hương	Trường MN Hường Dương	Mầm non
656	Phường Long Hương	Trường MN Vành Khuyên	Mầm non
657	Phường Long Hương	Trường Tiểu Học Trần Văn Quan	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
658	Phường Long Hương	THCS Tân Hưng	THCS
659	Phường Long Hương	Trường Tiểu Học Long Hương	Tiểu học
660	Phường Long Hương	THCS Nguyễn Trãi	THCS
661	Phường Long Hương	Trường Tiểu Học Phan Bội Châu	Tiểu học
662	Phường Long Hương	Trường Tiểu Học Kim Dinh	Tiểu học
663	Phường Long Hương	THCS Trần Đại Nghĩa	THCS
664	Phường Long Nguyên	Trường Mầm non Sao Mai	Mầm non
665	Phường Long Nguyên	Trường Mầm non An Điền	Mầm non
666	Phường Long Nguyên	Trường Tiểu học An Điền	Tiểu học
667	Phường Long Nguyên	Trường TH Long Nguyên	Tiểu học
668	Phường Long Nguyên	Trường Tiểu học An Sơn	Tiểu học
669	Phường Long Nguyên	Trường TH Long Bình	Tiểu học
670	Phường Long Nguyên	Trường THCS Long Bình	THCS
671	Phường Long Nguyên	Trường THCS An Điền	THCS
672	Phường Long Phước	MN Tam Đa	Mầm non
673	Phường Long Phước	MN Long Phước	Mầm non
674	Phường Long Phước	MN Trường Thạnh	Mầm non
675	Phường Long Phước	TH Long Phước	Tiểu học
676	Phường Long Phước	THCS Long Phước	THCS
677	Phường Long Phước	TH Trường Thạnh	Tiểu học
678	Phường Long Phước	THCS Trường Thạnh	THCS
679	Phường Long Trường	MN Tuổi Thơ KV2	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
680	Phường Long Trường	MN Long Trường	Mầm non
681	Phường Long Trường	TH Phú Hữu	Tiểu học
682	Phường Long Trường	THCS Phú Hữu	THCS
683	Phường Long Trường	TH Phước Thạnh	Tiểu học
684	Phường Long Trường	THCS Long Trường	THCS
685	Phường Minh Phụng	Trường mầm non 7	Mầm non
686	Phường Minh Phụng	Trường mầm non 1	Mầm non
687	Phường Minh Phụng	Trường mầm non 6	Mầm non
688	Phường Minh Phụng	Trường mầm non 4	Mầm non
689	Phường Minh Phụng	Trường mầm non 2	Mầm non
690	Phường Minh Phụng	Trường mầm non 16	Mầm non
691	Phường Minh Phụng	TH Hưng Việt	Tiểu học
692	Phường Minh Phụng	THCS Nguyễn Minh Hoàng	THCS
693	Phường Minh Phụng	TH Nguyễn Thi	Tiểu học
694	Phường Minh Phụng	TH Phạm Văn Hai	Tiểu học
695	Phường Minh Phụng	TH Âu Cơ	Tiểu học
696	Phường Minh Phụng	THCS Lê Anh Xuân	THCS
697	Phường Minh Phụng	TH Đề Thám	Tiểu học
698	Phường Minh Phụng	TH Lê Đình Chinh	Tiểu học
699	Phường Minh Phụng	THCS Hậu Giang	THCS
700	Phường Nhiêu Lộc	Mầm Non 9	Mầm non
701	Phường Nhiêu Lộc	Mầm Non 10	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
702	Phường Nhiêu Lộc	Mầm Non 11	Mầm non
703	Phường Nhiêu Lộc	Mầm Non 13	Mầm non
704	Phường Nhiêu Lộc	Mầm Non 14	Mầm non
705	Phường Nhiêu Lộc	Mầm Non 12	Mầm non
706	Phường Nhiêu Lộc	TH Kỳ Đồng	Tiểu học
707	Phường Nhiêu Lộc	TH Nguyễn Thi	Tiểu học
708	Phường Nhiêu Lộc	THCS Bạch Đằng	THCS
709	Phường Nhiêu Lộc	TH Nguyễn Việt Hồng	Tiểu học
710	Phường Nhiêu Lộc	THCS Lương Thế Vinh	THCS
711	Phường Nhiêu Lộc	TH Trần Quang Diệu	Tiểu học
712	Phường Nhiêu Lộc	THCS Đoàn Thị Điểm	THCS
713	Phường Nhiêu Lộc	TH Trần Văn Đang	Tiểu học
714	Phường Nhiêu Lộc	TH Trương Quyền	Tiểu học
715	Phường Phú An	Trường MN Tuổi Thơ	Mầm non
716	Phường Phú An	Trường MN Rạng Đông	Mầm non
717	Phường Phú An	Trường Mầm non Phú An	Mầm non
718	Phường Phú An	Trường TH Nguyễn Hiền	Tiểu học
719	Phường Phú An	Trường THCS Trần Bình Trọng	THCS
720	Phường Phú An	Trường TH Tân An	Tiểu học
721	Phường Phú An	Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	Tiểu học
722	Phường Phú An	Trường Tiểu học Hồ Hảo Hớn	Tiểu học
723	Phường Phú An	Trường THCS Hiệp An	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
724	Phường Phú An	Trường THCS Phú An	THCS
725	Phường Phú Định	Mầm non Sơn Ca	Mầm non
726	Phường Phú Định	Mầm non Hoà Mi	Mầm non
727	Phường Phú Định	Mầm non Bông Hồng	Mầm non
728	Phường Phú Định	Mầm non Kim Đồng	Mầm non
729	Phường Phú Định	Mầm non Hoa Phượng	Mầm non
730	Phường Phú Định	Mầm non Bé Ngoan	Mầm non
731	Phường Phú Định	Mầm non Bông Sen	Mầm non
732	Phường Phú Định	TH Lý Thái Tổ	Tiểu học
733	Phường Phú Định	TH Hồng Đức	Tiểu học
734	Phường Phú Định	TH Tuy Lý Vương	Tiểu học
735	Phường Phú Định	TH Trần Nguyên Hãn	Tiểu học
736	Phường Phú Định	TH Nguyễn Nhược Thị	Tiểu học
737	Phường Phú Định	TH Lưu Hữu Phước	Tiểu học
738	Phường Phú Định	TH Nguyễn Công Trứ	Tiểu học
739	Phường Phú Định	THCS Tùng Thiện Vương	THCS
740	Phường Phú Định	THCS Lê Lai	THCS
741	Phường Phú Định	THCS Bình Đông	THCS
742	Phường Phú Lâm	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Mầm non
743	Phường Phú Lâm	Trường Mầm non Rạng Đông 13	Mầm non
744	Phường Phú Lâm	Trường Mầm non Rạng Đông 14	Mầm non
745	Phường Phú Lâm	TH Trương Công Định	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
746	Phường Phú Lâm	TH Đặng Nguyên Cẩn	Tiểu học
747	Phường Phú Lâm	TH Phú Lâm	Tiểu học
748	Phường Phú Lâm	TH Lam Sơn	Tiểu học
749	Phường Phú Lâm	TH Him Lam	Tiểu học
750	Phường Phú Lâm	THCS Đoàn Kết	THCS
751	Phường Phú Lợi	Trường MN Vành Khuyên	Mầm non
752	Phường Phú Lợi	Trường MN Sen Hồng	Mầm non
753	Phường Phú Lợi	Trường MN Đoàn Thị Liên	Mầm non
754	Phường Phú Lợi	Trường MN Hoa Phượng	Mầm non
755	Phường Phú Lợi	Trường MN Tuổi Ngọc	Mầm non
756	Phường Phú Lợi	Trường TH Phú Lợi 2	Tiểu học
757	Phường Phú Lợi	Trường TH Hiệp Thành	Tiểu học
758	Phường Phú Lợi	Trường TH Phú Hòa 1	Tiểu học
759	Phường Phú Lợi	Trường TH Phú Hòa 2	Tiểu học
760	Phường Phú Lợi	Trường TH Phú Lợi	Tiểu học
761	Phường Phú Lợi	Trường TH Phú Hòa 3	Tiểu học
762	Phường Phú Lợi	Trường THCS Phú Hòa	THCS
763	Phường Phú Lợi	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	THCS
764	Phường Phú Mỹ	Trường Mầm non Phú Mỹ	Mầm non
765	Phường Phú Mỹ	Trường Mầm non Mỹ Xuân	Mầm non
766	Phường Phú Mỹ	Trường Tiểu học Quang Trung	Tiểu học
767	Phường Phú Mỹ	Trường Tiểu học Lê Lợi	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
768	Phường Phú Mỹ	Trường Tiểu học Phú Mỹ	Tiểu học
769	Phường Phú Mỹ	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Tiểu học
770	Phường Phú Mỹ	Trường Tiểu học Mỹ Xuân	Tiểu học
771	Phường Phú Mỹ	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Tiểu học
772	Phường Phú Mỹ	Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ	THCS
773	Phường Phú Mỹ	Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh	THCS
774	Phường Phú Mỹ	Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	THCS
775	Phường Phú Mỹ	Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiệt	THCS
776	Phường Phú Nhuận	Mầm Non Sơn Ca 14	Mầm non
777	Phường Phú Nhuận	Mầm non Sơn Ca 10	Mầm non
778	Phường Phú Nhuận	Mầm Non Sơn Ca 8	Mầm non
779	Phường Phú Nhuận	Mầm non Sơn Ca 11	Mầm non
780	Phường Phú Nhuận	Mầm non Sơn Ca 12	Mầm non
781	Phường Phú Nhuận	Mầm non Sơn Ca 17	Mầm non
782	Phường Phú Nhuận	TH Đặng Văn Ngữ	Tiểu học
783	Phường Phú Nhuận	TH Phạm Ngọc Thạch	Tiểu học
784	Phường Phú Nhuận	TH Nguyễn Đình Chính	Tiểu học
785	Phường Phú Nhuận	TH Chí Linh	Tiểu học
786	Phường Phú Nhuận	THCS Ngô Tất Tố	THCS
787	Phường Phú Nhuận	TH Vạn Tường	Tiểu học
788	Phường Phú Nhuận	THCS Đào Duy Anh	THCS
789	Phường Phú Thạnh	Trường Mầm non Hoàng Anh	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
790	Phường Phú Thạnh	Trường Mầm non Thiên Lý	Mầm non
791	Phường Phú Thạnh	TH Phan Chu Trinh	Tiểu học
792	Phường Phú Thạnh	TH Duy Tân	Tiểu học
793	Phường Phú Thạnh	TH Võ Thị Sáu	Tiểu học
794	Phường Phú Thạnh	TH Âu Cơ	Tiểu học
795	Phường Phú Thạnh	TH Hiệp Tân	Tiểu học
796	Phường Phú Thạnh	THCS Đồng Khởi	THCS
797	Phường Phú Thạnh	THCS Hùng Vương	THCS
798	Phường Phú Thạnh	THCS Tân Thới Hòa	THCS
799	Phường Phú Thọ	Trường mầm non Họa Mi	Mầm non
800	Phường Phú Thọ	Trường Mầm non Sao Vàng	Mầm non
801	Phường Phú Thọ	Trường mầm non Sơn Ca	Mầm non
802	Phường Phú Thọ	Trường mầm non Phú Thọ	Mầm non
803	Phường Phú Thọ	TH Quyết Thắng	Tiểu học
806	Phường Phú Thọ	TH Nguyễn Thị Nhỏ	Tiểu học
807	Phường Phú Thọ	TH Phú Thọ	Tiểu học
808	Phường Phú Thọ	TH Trưng Trắc	Tiểu học
809	Phường Phú Thọ	THCS Phú Thọ	THCS
810	Phường Phú Thọ	THCS Lữ Gia	THCS
811	Phường Phú Thọ Hòa	Trường Mầm non Bông Sen	Mầm non
812	Phường Phú Thọ Hòa	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	Mầm non
813	Phường Phú Thọ Hòa	Trường Mầm non Rạng Đông	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
814	Phường Phú Thọ Hòa	Trường Mầm non Vàng Anh	Mầm non
815	Phường Phú Thọ Hòa	Trường Mầm non Nhiều Lộc	Mầm non
816	Phường Phú Thọ Hòa	Trường Mầm non Trạng Nguyên	Mầm non
817	Phường Phú Thọ Hòa	TH Tô Vĩnh Diện	Tiểu học
818	Phường Phú Thọ Hòa	TH Lê Văn Tám	Tiểu học
819	Phường Phú Thọ Hòa	TH Tân Hương	Tiểu học
820	Phường Phú Thọ Hòa	TH Tân Thới	Tiểu học
821	Phường Phú Thọ Hòa	THCS Võ Thành Trang	THCS
822	Phường Phú Thọ Hòa	THCS Lê Anh Xuân	THCS
823	Phường Phú Thọ Hòa	THCS Phan Bội Châu	THCS
824	Phường Phú Thọ Hòa	THCS Nguyễn Huệ	THCS
825	Phường Phú Thuận	MN Hoa Hồng	Mầm non
826	Phường Phú Thuận	MN Phú Thuận	Mầm non
827	Phường Phú Thuận	TH Nguyễn Văn Hưởng	Tiểu học
828	Phường Phú Thuận	TH Lê Anh Xuân	Tiểu học
829	Phường Phú Thuận	TH Phú Thuận	Tiểu học
830	Phường Phước Long	MN Phước Long B	Mầm non
831	Phường Phước Long	MN Phước Bình	Mầm non
832	Phường Phước Long	MN Hoa Sen	Mầm non
833	Phường Phước Long	MN Hoa Lan	Mầm non
834	Phường Phước Long	TH Phước Bình	Tiểu học
835	Phường Phước Long	TH Võ Văn Hát	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
836	Phường Phước Long	TH Bùi Văn Mới	Tiểu học
837	Phường Phước Long	TH Nguyễn Văn Bá	Tiểu học
838	Phường Phước Long	TH Trần Thị Bưởi	Tiểu học
839	Phường Phước Long	TH Phạm Văn Chính	Tiểu học
840	Phường Phước Long	THCS Phước Bình	THCS
841	Phường Phước Long	THCS Đặng Tấn Tài	THCS
842	Phường Phước Thắng	Trường MN Nắng Mai	Mầm non
843	Phường Phước Thắng	Trường Mầm non 30/4	Mầm non
844	Phường Phước Thắng	Trường Mầm non Hoa Mai	Mầm non
845	Phường Phước Thắng	Trường Mầm non Phước Thắng	Mầm non
846	Phường Phước Thắng	Trường Mầm Non 2.9	Mầm non
847	Phường Phước Thắng	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	Tiểu học
848	Phường Phước Thắng	Tiểu học Hải Nam	Tiểu học
849	Phường Phước Thắng	Trường TH Phước Thắng	Tiểu học
850	Phường Phước Thắng	Tiểu Học Phước An	Tiểu học
851	Phường Phước Thắng	Tiểu học Võ Nguyên Giáp	Tiểu học
852	Phường Phước Thắng	THCS Lương Thế Vinh	THCS
853	Phường Phước Thắng	THCS Phước Thắng	THCS
854	Phường Phước Thắng	THCS Nguyễn Gia Thiều	THCS
855	Phường Rạch Dừa	Trường Mầm non Phường 10	Mầm non
856	Phường Rạch Dừa	Trường Mầm non Đại Dương Xanh	Mầm non
857	Phường Rạch Dừa	Trường Mầm non Hoa Phượng	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
858	Phường Rạch Dừa	Trường Mầm non Hoa Sen	Mầm non
859	Phường Rạch Dừa	Trường Mầm non Họa Mi	Mầm non
860	Phường Rạch Dừa	Trường Mầm non Trúc Xanh	Mầm non
861	Phường Rạch Dừa	Trường Mầm non Rạch Dừa	Mầm non
862	Phường Rạch Dừa	Tiểu học Nguyễn Hữu Cánh	Tiểu học
863	Phường Rạch Dừa	Tiểu học Lưu Chí Hiếu	Tiểu học
864	Phường Rạch Dừa	Tiểu học Kim Đồng	Tiểu học
865	Phường Rạch Dừa	Tiểu Học Bình Minh	Tiểu học
866	Phường Rạch Dừa	Tiểu học Thắng Nhất	Tiểu học
867	Phường Rạch Dừa	Tiểu học Chí Linh	Tiểu học
868	Phường Rạch Dừa	THCS Thắng Nhất	THCS
869	Phường Rạch Dừa	THCS Ngô Sĩ Liên	THCS
870	Phường Rạch Dừa	THCS Nguyễn Thái Bình	THCS
871	Phường Rạch Dừa	THCS Nguyễn Trãi	THCS
872	Phường Sài Gòn	MN Lê Thị Riêng	Mầm non
873	Phường Sài Gòn	MN Hoa Lư	Mầm non
874	Phường Sài Gòn	MN 30-4	Mầm non
875	Phường Sài Gòn	TH Hòa Bình	Tiểu học
876	Phường Sài Gòn	TH Nguyễn Bình Khiêm	Tiểu học
877	Phường Sài Gòn	THCS Võ Trường Toản	THCS
878	Phường Tam Bình	MN Bình Chiểu	Mầm non
879	Phường Tam Bình	MN Tam Bình	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
880	Phường Tam Bình	MN Tam Phú	Mầm non
881	Phường Tam Bình	MN Hoa Mai	Mầm non
882	Phường Tam Bình	MN Hòa Mi 3	Mầm non
883	Phường Tam Bình	TH Thái Văn Lung	Tiểu học
884	Phường Tam Bình	TH Tam Bình	Tiểu học
885	Phường Tam Bình	TH Trần Văn Vân	Tiểu học
886	Phường Tam Bình	TH Bình Chiểu	Tiểu học
887	Phường Tam Bình	TH Trương Văn Hải	Tiểu học
888	Phường Tam Bình	TH Nguyễn Văn Tây	Tiểu học
889	Phường Tam Bình	THCS Thái Văn Lung	THCS
890	Phường Tam Bình	THCS Tam Bình	THCS
891	Phường Tam Bình	THCS Bình Chiểu	THCS
892	Phường Tam Bình	THCS Dương Văn Thị	THCS
893	Phường Tam Long	Trường MN Hòa Long	Mầm non
894	Phường Tam Long	Trường MN Long Xuyên	Mầm non
895	Phường Tam Long	Trường MN Long Phước	Mầm non
896	Phường Tam Long	MN Long Tâm	Mầm non
897	Phường Tam Long	Trường Tiểu Học Lê Lợi	Tiểu học
898	Phường Tam Long	THCS Lê Quang Cường	THCS
899	Phường Tam Long	Trường Tiểu Học Hòa Long	Tiểu học
900	Phường Tam Long	THCS Nguyễn Thanh Đăng	THCS
901	Phường Tam Long	Trường Tiểu Học Nguyễn Minh Khanh	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
902	Phường Tam Long	Trường Tiểu học Trần Văn Thượng	Tiểu học
903	Phường Tam Long	THCS Dương Văn Mạnh	THCS
904	Phường Tam Thắng	Trường Mầm non Hoa Biển	Mầm non
905	Phường Tam Thắng	Trường Mầm non 1/6	Mầm non
906	Phường Tam Thắng	Trường Mẫu giáo Phường 8	Mầm non
907	Phường Tam Thắng	Trường MN Hương Sen	Mầm non
908	Phường Tam Thắng	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	Mầm non
909	Phường Tam Thắng	Trường Mầm non Sao Việt	Mầm non
910	Phường Tam Thắng	Tiểu học Quang Trung	Tiểu học
911	Phường Tam Thắng	Tiểu học Lê Lợi	Tiểu học
912	Phường Tam Thắng	Tiểu Học Trương Công Định	Tiểu học
913	Phường Tam Thắng	Tiểu học Trung Vương	Tiểu học
914	Phường Tam Thắng	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Tiểu học
915	Phường Tam Thắng	TH Lý Tự Trọng	Tiểu học
916	Phường Tam Thắng	THCS Nguyễn An Ninh	THCS
917	Phường Tam Thắng	THCS Võ Trường Toản	THCS
918	Phường Tam Thắng	THCS Trần Phú	THCS
919	Phường Tam Thắng	THCS Nguyễn Văn Linh	THCS
920	Phường Tân Bình	MN 13	Mầm non
921	Phường Tân Bình	MN 14	Mầm non
922	Phường Tân Bình	MN Bàu Cát	Mầm non
923	Phường Tân Bình	TH Trần Quốc Toản	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
924	Phường Tân Bình	TH Yên Thế	Tiểu học
925	Phường Tân Bình	TH Sơn Cang	Tiểu học
926	Phường Tân Bình	TH Thân Nhân Trung	Tiểu học
927	Phường Tân Bình	THCS Hoàng Hoa Thám	THCS
928	Phường Tân Định	MN Hoa Quỳnh	Mầm non
929	Phường Tân Định	MN Tân Định	Mầm non
930	Phường Tân Định	MN Bé Ngoan	Mầm non
931	Phường Tân Định	TH Đinh Tiên Hoàng	Tiểu học
932	Phường Tân Định	TH Trần Khánh Dư	Tiểu học
933	Phường Tân Định	THCS Huỳnh Khương Ninh	THCS
934	Phường Tân Định	TH Đuốc Sổng	Tiểu học
935	Phường Tân Định	THCS Văn Lang	THCS
936	Phường Tân Định	THCS Trần Văn Ôn	THCS
937	Phường Tân Đông Hiệp	TRƯỜNG MN HOA HỒNG - CÔNG LẬP	Mầm non
938	Phường Tân Đông Hiệp	Trường MN Hoa Hồng 5	Mầm non
939	Phường Tân Đông Hiệp	Trường MN Hoa Hồng 4	Mầm non
940	Phường Tân Đông Hiệp	Trường TH Thái Hòa A	Tiểu học
941	Phường Tân Đông Hiệp	Trường TH Tân Bình	Tiểu học
942	Phường Tân Đông Hiệp	Trường TH Tân Đông Hiệp	Tiểu học
943	Phường Tân Đông Hiệp	Trường TH Đông An	Tiểu học
944	Phường Tân Đông Hiệp	Trường Tiểu Học Bùi Thị Xuân	Tiểu học
945	Phường Tân Đông Hiệp	Trường TH Tân Đông Hiệp C	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
946	Phường Tân Đông Hiệp	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	THCS
947	Phường Tân Đông Hiệp	Trường THCS Tân Bình	THCS
948	Phường Tân Hải	Mn Tân Hải	Mầm non
949	Phường Tân Hải	Mn Tân Hòa	Mầm non
950	Phường Tân Hải	Tiểu học Chu Hải	Tiểu học
951	Phường Tân Hải	Tiểu học Trần Quốc Toản	Tiểu học
952	Phường Tân Hải	Tiểu học Trung Vương	Tiểu học
953	Phường Tân Hải	THCS Lê Hồng Phong	THCS
954	Phường Tân Hải	Tiểu học Văn Lang	Tiểu học
955	Phường Tân Hải	THCS Hùng Vương	THCS
956	Phường Tân Hiệp	TRƯỜNG MN HOA HƯƠNG DƯƠNG - CÔNG LẬP	Mầm non
957	Phường Tân Hiệp	TRƯỜNG MN TÂN HIỆP - CÔNG LẬP	Mầm non
958	Phường Tân Hiệp	Trường TH Khánh Bình	Tiểu học
959	Phường Tân Hiệp	Trường TH Tân Hiệp	Tiểu học
960	Phường Tân Hiệp	Trường THCS Khánh Bình	THCS
961	Phường Tân Hiệp	THCS Tân Hiệp	THCS
962	Phường Tân Hòa	MN 6	Mầm non
963	Phường Tân Hòa	MN 9	Mầm non
964	Phường Tân Hòa	MN 8	Mầm non
965	Phường Tân Hòa	MN Sơn Ca	Mầm non
966	Phường Tân Hòa	TH Chi Lăng	Tiểu học
967	Phường Tân Hòa	THCS Phạm Ngọc Thạch	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
968	Phường Tân Hòa	TH Đồng Đa	Tiểu học
969	Phường Tân Hòa	THCS Trần Văn Đang	THCS
970	Phường Tân Hòa	TH Hùng Vương	Tiểu học
971	Phường Tân Hòa	THCS Mạc Đĩnh Chi	THCS
972	Phường Tân Hòa	TH Ngọc Hồi	Tiểu học
973	Phường Tân Hòa	THCS Lý Thường Kiệt	THCS
974	Phường Tân Hòa	TH Trần Văn Ơn	Tiểu học
975	Phường Tân Hòa	THCS Quang Trung	THCS
976	Phường Tân Hòa	THCS Nguyễn Gia Thiều	THCS
977	Phường Tân Hưng	MN Tân Phong 2	Mầm non
978	Phường Tân Hưng	MN Tân Quy	Mầm non
979	Phường Tân Hưng	MN Tân Phong	Mầm non
980	Phường Tân Hưng	Mầm non Tân Kiểng	Mầm non
981	Phường Tân Hưng	MN Tân Hưng	Mầm non
982	Phường Tân Hưng	TH Tân Quy	Tiểu học
983	Phường Tân Hưng	TH Tân Hưng	Tiểu học
984	Phường Tân Hưng	TH Lương Thế Vinh	Tiểu học
985	Phường Tân Hưng	TH Võ Thị Sáu	Tiểu học
986	Phường Tân Hưng	THCS Trần Quốc Tuấn	THCS
987	Phường Tân Hưng	THCS Nguyễn Hữu Thọ	THCS
988	Phường Tân Hưng	THCS Nguyễn Thị Thập	THCS
989	Phường Tân Khánh	TRƯỜNG MN THANH PHƯỚC	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
990	Phường Tân Khánh	TRƯỜNG MN HOA SEN	Mầm non
991	Phường Tân Khánh	TRƯỜNG MN TÂN PHƯỚC KHÁNH	Mầm non
992	Phường Tân Khánh	TRƯỜNG MN THANH HỘI	Mầm non
993	Phường Tân Khánh	Trường TH Thạnh Phước	Tiểu học
994	Phường Tân Khánh	Trường TH Thạnh Hội	Tiểu học
995	Phường Tân Khánh	Trường TH Thái Hoà B	Tiểu học
996	Phường Tân Khánh	Trường TH Tân Phước Khánh A	Tiểu học
997	Phường Tân Khánh	Trường TH Tân Phước Khánh B	Tiểu học
998	Phường Tân Khánh	Trường TH Tân Vĩnh Hiệp A	Tiểu học
999	Phường Tân Khánh	Trường TH Tân Vĩnh Hiệp B	Tiểu học
1000	Phường Tân Khánh	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	THCS
1001	Phường Tân Khánh	Trường THCS Tân Phước Khánh	THCS
1002	Phường Tân Khánh	Trường THCS Thái Hòa	THCS
1003	Phường Tân Mỹ	MN Tân Phú	Mầm non
1004	Phường Tân Mỹ	MN Phú Mỹ	Mầm non
1005	Phường Tân Mỹ	TH Lê Văn Tám	Tiểu học
1006	Phường Tân Mỹ	TH Đinh Bộ Lĩnh	Tiểu học
1007	Phường Tân Mỹ	TH Phú Mỹ	Tiểu học
1008	Phường Tân Mỹ	TH Phạm Hữu Lầu	Tiểu học
1009	Phường Tân Mỹ	THCS Hoàng Quốc Việt	THCS
1010	Phường Tân Mỹ	THCS Phạm Hữu Lầu	THCS
1011	Phường Tân Phú	Trường Mầm non Phương Hồng	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1012	Phường Tân Phú	Trường Mầm non Quỳnh Anh	Mầm non
1013	Phường Tân Phú	Trường Mầm non Hướng Dương	Mầm non
1014	Phường Tân Phú	TH Hồ Văn Cường	Tiểu học
1015	Phường Tân Phú	TH Huỳnh Văn Chính	Tiểu học
1016	Phường Tân Phú	TH Lê Thánh Tông	Tiểu học
1017	Phường Tân Phú	THCS Thoại Ngọc Hầu	THCS
1018	Phường Tân Phú	THCS Hoàng Diệu	THCS
1019	Phường Tân Phú	TH Tân Hóa	Tiểu học
1020	Phường Tân Phú	THCS Nguyễn Trãi	THCS
1021	Phường Tân Phước	MN Tân Phước	Mầm non
1022	Phường Tân Phước	MN Phước Hòa	Mầm non
1023	Phường Tân Phước	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Tiểu học
1024	Phường Tân Phước	THCS Phước Hòa	THCS
1025	Phường Tân Phước	Tiểu Học Lý Thường Kiệt	Tiểu học
1026	Phường Tân Phước	Tiểu học Nguyễn Thị Định	Tiểu học
1027	Phường Tân Phước	THCS Tân Phước	THCS
1028	Phường Tân Sơn	MN 15	Mầm non
1029	Phường Tân Sơn	TH Tân Trụ	Tiểu học
1030	Phường Tân Sơn	TH Nguyễn Văn Kịp	Tiểu học
1031	Phường Tân Sơn	TH Phan Huy Ích	Tiểu học
1032	Phường Tân Sơn Hòa	MN 1	Mầm non
1033	Phường Tân Sơn Hòa	MN 2	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1034	Phường Tân Sơn Hòa	MN Kim Đồng	Mầm non
1035	Phường Tân Sơn Hòa	MN 3	Mầm non
1036	Phường Tân Sơn Hòa	TH Lê Văn Sĩ	Tiểu học
1037	Phường Tân Sơn Hòa	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Tiểu học
1038	Phường Tân Sơn Hòa	TH Bình Giã	Tiểu học
1039	Phường Tân Sơn Hòa	THCS Ngô Sĩ Liên	THCS
1040	Phường Tân Sơn Nhất	MN 4	Mầm non
1041	Phường Tân Sơn Nhất	MN Tân Sơn Nhất	Mầm non
1042	Phường Tân Sơn Nhất	MN 5	Mầm non
1043	Phường Tân Sơn Nhất	MN 7	Mầm non
1044	Phường Tân Sơn Nhất	MN Tuổi Xanh	Mầm non
1045	Phường Tân Sơn Nhất	MN Quận	Mầm non
1046	Phường Tân Sơn Nhất	TH Tân Sơn Nhất	Tiểu học
1047	Phường Tân Sơn Nhất	TH Hoàng Văn Thụ	Tiểu học
1048	Phường Tân Sơn Nhất	TH Bành Văn Trân	Tiểu học
1049	Phường Tân Sơn Nhất	TH Phạm Văn Hai	Tiểu học
1050	Phường Tân Sơn Nhất	THCS Âu Lạc	THCS
1051	Phường Tân Sơn Nhất	THCS Tân Bình	THCS
1052	Phường Tân Sơn Nhì	Trường Mầm non Thủy Tiên	Mầm non
1053	Phường Tân Sơn Nhì	Trường Mầm non Hoa Lan	Mầm non
1054	Phường Tân Sơn Nhì	Trường Mầm non Cát Tường	Mầm non
1055	Phường Tân Sơn Nhì	TH Đoàn Thị Điểm	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1056	Phường Tân Sơn Nhì	TH Tân Sơn Nhì	Tiểu học
1057	Phường Tân Sơn Nhì	TH Đinh Bộ Lĩnh	Tiểu học
1058	Phường Tân Sơn Nhì	THCS Đặng Trần Côn	THCS
1059	Phường Tân Sơn Nhì	THCS Trần Quang Khải	THCS
1060	Phường Tân Sơn Nhì	THCS Tôn Thất Tùng	THCS
1061	Phường Tân Tạo	MN Tân Tạo 1	Mầm non
1062	Phường Tân Tạo	MNCL HỒNG NGỌC	Mầm non
1063	Phường Tân Tạo	MNCL Tân Tạo	Mầm non
1064	Phường Tân Tạo	MNCL Tân Tạo A	Mầm non
1065	Phường Tân Tạo	MNCL Thiên Tuế	Mầm non
1066	Phường Tân Tạo	MNCL Cát Đằng	Mầm non
1067	Phường Tân Tạo	TH Bình Tân	Tiểu học
1068	Phường Tân Tạo	TH Tân Tạo A	Tiểu học
1069	Phường Tân Tạo	TH Lê Quý Đôn	Tiểu học
1070	Phường Tân Tạo	THCS Tân Tạo A	THCS
1071	Phường Tân Thành	Trường Mầm non Sông Xoài	Mầm non
1072	Phường Tân Thành	Trường Mầm non Hắc Dịch	Mầm non
1073	Phường Tân Thành	Tiểu học Nguyễn Công Trứ	Tiểu học
1074	Phường Tân Thành	Tiểu học Phan Đình Phùng	Tiểu học
1075	Phường Tân Thành	Tiểu học Hắc Dịch	Tiểu học
1076	Phường Tân Thành	THCS Chu Văn An	THCS
1077	Phường Tân Thành	Tiểu học Nguyễn Du	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1078	Phường Tân Thành	THCS Hắc Dịch	THCS
1079	Phường Tân Thới Hiệp	MN Hoa Phong Lan	Mầm non
1080	Phường Tân Thới Hiệp	MN Hoa Đào	Mầm non
1081	Phường Tân Thới Hiệp	MN Hoà Mi 2	Mầm non
1082	Phường Tân Thới Hiệp	MN Vàng Anh	Mầm non
1083	Phường Tân Thới Hiệp	MN Sơn Ca 6	Mầm non
1084	Phường Tân Thới Hiệp	TH Nguyễn Trãi	Tiểu học
1085	Phường Tân Thới Hiệp	TH Nguyễn Thái Bình	Tiểu học
1086	Phường Tân Thới Hiệp	TH Lê Văn Thọ	Tiểu học
1087	Phường Tân Thới Hiệp	TH Võ Thị Sáu	Tiểu học
1088	Phường Tân Thới Hiệp	THCS Nguyễn Hiền	THCS
1089	Phường Tân Thới Hiệp	THCS Nguyễn Huệ	THCS
1090	Phường Tân Thới Hiệp	THCS Nguyễn Chí Thanh	THCS
1091	Phường Tân Thuận	MN 19/5	Mầm non
1092	Phường Tân Thuận	MN Bình Thuận	Mầm non
1093	Phường Tân Thuận	MN Tân Thuận Tây	Mầm non
1094	Phường Tân Thuận	MN Khu Chế Xuất Tân Thuận	Mầm non
1095	Phường Tân Thuận	Trường Tiểu học Tân Thuận Đông	Tiểu học
1096	Phường Tân Thuận	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định	Tiểu học
1097	Phường Tân Thuận	Trường Tiểu học Kim Đồng	Tiểu học
1098	Phường Tân Thuận	Trường Tiểu học Đặng Thùy Trâm	Tiểu học
1099	Phường Tân Thuận	THCS Huỳnh Tấn Phát	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1100	Phường Tân Thuận	THCS Nguyễn Hiền	THCS
1101	Phường Tân Uyên	Trường Mầm non Măng Non	Mầm non
1102	Phường Tân Uyên	Trường MN Hoa Mai	Mầm non
1103	Phường Tân Uyên	Trường MN Tân Lập	Mầm non
1104	Phường Tân Uyên	Trường MN Huỳnh Thị Châu	Mầm non
1105	Phường Tân Uyên	Trường TH Tân Lập	Tiểu học
1106	Phường Tân Uyên	Trường TH Uyên Hưng	Tiểu học
1107	Phường Tân Uyên	Trường TH Uyên Hưng B	Tiểu học
1108	Phường Tân Uyên	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Mỹ	Liên cấp
1109	Phường Tân Uyên	TH-THCS Huỳnh Văn Lũy	Liên cấp
1110	Phường Tân Uyên	Trường THCS Lê Thị Trung	THCS
1111	Phường Tăng Nhơn Phú	Trường Mầm non Tăng Nhơn Phú	Mầm non
1112	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Vàng Anh	Mầm non
1113	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Tuổi Ngọc	Mầm non
1114	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Phong Phú	Mầm non
1115	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Hiệp Phú	Mầm non
1116	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Hoàng Yến 2	Mầm non
1117	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Tuổi Hồng	Mầm non
1118	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Tuổi Hoa	Mầm non
1119	Phường Tăng Nhơn Phú	MN Tân Phú	Mầm non
1120	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Đinh Tiên Hoàng	Tiểu học
1121	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Hiệp Phú	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1122	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Trương Văn Thành	Tiểu học
1123	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Phong Phú	Tiểu học
1124	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Tân Phú	Tiểu học
1125	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Lê Văn Việt	Tiểu học
1126	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Tăng Nhơn Phú	Tiểu học
1127	Phường Tăng Nhơn Phú	TH Hồ Thị Tư	Tiểu học
1128	Phường Tăng Nhơn Phú	THCS Hoa Lư	THCS
1129	Phường Tăng Nhơn Phú	THCS Trần Quốc Toản	THCS
1130	Phường Tăng Nhơn Phú	THCS Tân Phú	THCS
1131	Phường Tăng Nhơn Phú	THCS Tăng Nhơn Phú B	THCS
1132	Phường Tăng Nhơn Phú	THCS Hiệp Phú	THCS
1133	Phường Tây Nam	Trường MN Bến Súc	Mầm non
1134	Phường Tây Nam	Trường MN Thanh Tuyền	Mầm non
1135	Phường Tây Nam	Trường Mầm non An Tây	Mầm non
1136	Phường Tây Nam	Trường TH Thanh Tuyền	Tiểu học
1137	Phường Tây Nam	Trường TH Bến Súc	Tiểu học
1138	Phường Tây Nam	Trường Tiểu học An Tây	Tiểu học
1139	Phường Tây Thạnh	Trường Mầm non Hoa Hồng	Mầm non
1140	Phường Tây Thạnh	TH Lê Lai	Tiểu học
1141	Phường Tây Thạnh	THCS Lê Lợi	THCS
1142	Phường Thạnh Mỹ Tây	MN25C	Mầm non
1143	Phường Thạnh Mỹ Tây	MN 19	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1144	Phường Thạnh Mỹ Tây	Mầm non 21	Mầm non
1145	Phường Thạnh Mỹ Tây	MN 22	Mầm non
1146	Phường Thạnh Mỹ Tây	MN 25A	Mầm non
1147	Phường Thạnh Mỹ Tây	MN 25B	Mầm non
1148	Phường Thạnh Mỹ Tây	TH Phù Đổng	Tiểu học
1149	Phường Thạnh Mỹ Tây	TH Thạnh Mỹ Tây	Tiểu học
1150	Phường Thạnh Mỹ Tây	TH Nguyễn Trọng Tuyển	Tiểu học
1151	Phường Thạnh Mỹ Tây	TH Cửu Long	Tiểu học
1152	Phường Thạnh Mỹ Tây	THCS Cửu Long	THCS
1153	Phường Thạnh Mỹ Tây	TH Đồng Đa	Tiểu học
1154	Phường Thạnh Mỹ Tây	THCS Phú Mỹ	THCS
1155	Phường Thạnh Mỹ Tây	THCS Đồng Đa	THCS
1156	Phường Thới An	MN Hồng Yến	Mầm non
1157	Phường Thới An	MN Sơn Ca 2	Mầm non
1158	Phường Thới An	MN Hoà Mi 1	Mầm non
1159	Phường Thới An	MN Sơn Ca 9	Mầm non
1160	Phường Thới An	MN Mai Vàng	Mầm non
1161	Phường Thới An	MN Hoa Đỗ Quyên	Mầm non
1162	Phường Thới An	TH Trần Quốc Toản	Tiểu học
1163	Phường Thới An	THCS Lương Thế Vinh	THCS
1164	Phường Thới An	TH Quới Xuân	Tiểu học
1165	Phường Thới An	TH Nguyễn Văn Thệ	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1166	Phường Thới An	TH Kim Đồng	Tiểu học
1167	Phường Thới An	THCS Tô Ngọc Vân	THCS
1168	Phường Thới An	THCS Nguyễn Trung Trực	THCS
1169	Phường Thới Hòa	Trường Mầm non Thới Hòa	Mầm non
1170	Phường Thới Hòa	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Tiểu học
1171	Phường Thới Hòa	Trường Tiểu học Thới Hòa	Tiểu học
1172	Phường Thới Hòa	Trường Tiểu học Duy Tân	Tiểu học
1173	Phường Thới Hòa	Trường THCS Lý Tự Trọng	THCS
1174	Phường Thới Hòa	Trường THCS Thới Hòa	THCS
1175	Phường Thông Tây Hội	Trường MN Vàng Anh (CL	Mầm non
1176	Phường Thông Tây Hội	Trường MN Hương Sen (CL	Mầm non
1177	Phường Thông Tây Hội	Trường MN Hạnh Thông Tây (CL	Mầm non
1178	Phường Thông Tây Hội	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Tiểu học
1179	Phường Thông Tây Hội	TH Chi Lăng	Tiểu học
1180	Phường Thông Tây Hội	TH An Hội	Tiểu học
1181	Phường Thông Tây Hội	TH Lương Thế Vinh	Tiểu học
1182	Phường Thông Tây Hội	THCS Nguyễn Du	THCS
1183	Phường Thông Tây Hội	THCS Phạm Văn Chiêu	THCS
1184	Phường Thông Tây Hội	THCS Thông Tây Hội	THCS
1185	Phường Thủ Dầu Một	Trường MN Măng Non	Mầm non
1186	Phường Thủ Dầu Một	Trường MN Tuổi Xanh	Mầm non
1187	Phường Thủ Dầu Một	Trường MN Sao Mai	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1188	Phường Thủ Dầu Một	Trường MN Hòa Mi	Mầm non
1189	Phường Thủ Dầu Một	Trường MN Hoa Hướng Dương	Mầm non
1190	Phường Thủ Dầu Một	Trường MN Hoa Lan	Mầm non
1191	Phường Thủ Dầu Một	Trường TH Nguyễn Du	Tiểu học
1192	Phường Thủ Dầu Một	Trường TH Nguyễn Trãi	Tiểu học
1193	Phường Thủ Dầu Một	Trường TH Chánh Nghĩa	Tiểu học
1194	Phường Thủ Dầu Một	Trường Tiểu học Phú Thọ	Tiểu học
1195	Phường Thủ Dầu Một	Trường TH Chánh Mỹ	Tiểu học
1196	Phường Thủ Dầu Một	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	THCS
1197	Phường Thủ Dầu Một	Trường TH Lê Hồng Phong	Tiểu học
1198	Phường Thủ Dầu Một	Trường TH Trần Phú	Tiểu học
1199	Phường Thủ Dầu Một	Trường THCS Phú Cường	THCS
1200	Phường Thủ Dầu Một	Trường THCS Chánh Nghĩa	THCS
1201	Phường Thủ Dầu Một	Trường THCS Chu Văn An	THCS
1202	Phường Thủ Dầu Một	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	THCS
1203	Phường Thủ Đức	MN Bình Thọ	Mầm non
1204	Phường Thủ Đức	MN Vành Khuyên 3	Mầm non
1205	Phường Thủ Đức	MN Trường Thọ	Mầm non
1206	Phường Thủ Đức	MN Linh Chiểu	Mầm non
1207	Phường Thủ Đức	MN Sao Vàng	Mầm non
1208	Phường Thủ Đức	TH Nguyễn Trung Trực	Tiểu học
1209	Phường Thủ Đức	THCS Lê Văn Việt	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1210	Phường Thủ Đức	TH Lương Thế Vinh	Tiểu học
1211	Phường Thủ Đức	TH Nguyễn Văn Banh	Tiểu học
1212	Phường Thủ Đức	TH Từ Đức	Tiểu học
1213	Phường Thủ Đức	TH Linh Chiểu	Tiểu học
1214	Phường Thủ Đức	THCS Lê Quý Đôn	THCS
1215	Phường Thủ Đức	THCS Trương Văn Ngu	THCS
1216	Phường Thủ Đức	THCS Bình Thọ	THCS
1217	Phường Thủ Đức	THCS Trường Thọ	THCS
1218	Phường Thuận An	Trường MN Hoa Mai 2	Mầm non
1219	Phường Thuận An	Trường MN Hoa Mai 1	Mầm non
1220	Phường Thuận An	Trường MN Hoa Mai 3	Mầm non
1221	Phường Thuận An	Trường Tiểu Học An Thạnh	Tiểu học
1222	Phường Thuận An	Trường TH Hưng Lộc	Tiểu học
1223	Phường Thuận An	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	THCS
1224	Phường Thuận An	Trường TH Lương Thế Vinh	Tiểu học
1225	Phường Thuận An	Trường TH Hưng Định	Tiểu học
1226	Phường Thuận An	Trường TH An Sơn	Tiểu học
1227	Phường Thuận An	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	THCS
1228	Phường Thuận An	Trường TH Lý Tự Trọng	Tiểu học
1229	Phường Thuận An	Trường TH Hồ Văn Mên	Tiểu học
1230	Phường Thuận An	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	THCS
1231	Phường Thuận Giao	Trường MN Hoa Mai 4	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1232	Phường Thuận Giao	Trường TH Thuận Giao 3	Tiểu học
1233	Phường Thuận Giao	Trường tiểu học Bình Chuẩn 2	Tiểu học
1234	Phường Thuận Giao	Trường TH Bình Chuẩn 3	Tiểu học
1235	Phường Thuận Giao	Trường TH Thuận Giao	Tiểu học
1236	Phường Thuận Giao	Trường Tiểu học Bình Chuẩn	Tiểu học
1237	Phường Thuận Giao	Trường TH Bình Quới	Tiểu học
1238	Phường Thuận Giao	Trường TH Bình Thuận	Tiểu học
1239	Phường Thuận Giao	Trường Tiểu học Thuận Giao 2	Tiểu học
1240	Phường Thuận Giao	Trường THCS Bình Chuẩn 2	THCS
1241	Phường Thuận Giao	Trường THCS Bình Chuẩn	THCS
1242	Phường Thuận Giao	Trường THCS Thuận Giao	THCS
1243	Phường Trung Mỹ Tây	MN Sơn Ca 4	Mầm non
1244	Phường Trung Mỹ Tây	MN Sơn Ca 5	Mầm non
1245	Phường Trung Mỹ Tây	TH Quang Trung	Tiểu học
1246	Phường Trung Mỹ Tây	TH Trần Quang Cơ	Tiểu học
1247	Phường Trung Mỹ Tây	TH Hồ Văn Thanh	Tiểu học
1248	Phường Trung Mỹ Tây	TH Võ Văn Tần	Tiểu học
1249	Phường Trung Mỹ Tây	THCS Nguyễn An Ninh	THCS
1250	Phường Trung Mỹ Tây	THCS Trần Quang Khải	THCS
1251	Phường Vĩnh Hội	MN 2	Mầm non
1252	Phường Vĩnh Hội	MN 3	Mầm non
1253	Phường Vĩnh Hội	MN Nguyễn Tất Thành	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1254	Phường Vĩnh Hội	TH Nguyễn Huệ 1	Tiểu học
1255	Phường Vĩnh Hội	TH Vĩnh Hội	Tiểu học
1256	Phường Vĩnh Hội	THCS Quang Trung	THCS
1257	Phường Vĩnh Hội	TH Đoàn Thị Điểm	Tiểu học
1258	Phường Vĩnh Hội	THCS Nguyễn Huệ	THCS
1259	Phường Vĩnh Hội	TH Lê Thánh Tôn	Tiểu học
1260	Phường Vĩnh Hội	TH Đặng Trần Côn	Tiểu học
1261	Phường Vĩnh Tân	Trường mầm non Vĩnh Tân	Mầm non
1262	Phường Vĩnh Tân	Trường Mầm Non Bông Trang	Mầm non
1263	Phường Vĩnh Tân	Trường TH Vĩnh Tân	Tiểu học
1264	Phường Vĩnh Tân	Trường TH Tân Bình	Tiểu học
1265	Phường Vĩnh Tân	Trường THCS Vĩnh Tân	THCS
1266	Phường Vĩnh Tân	Trường THCS Tân Bình	THCS
1267	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Ánh Dương	Mầm non
1268	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Năng Hồng	Mầm non
1269	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Lê Ki Ma	Mầm non
1270	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Sao Mai	Mầm non
1271	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Phường 5	Mầm non
1272	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Thùy Vân	Mầm non
1273	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Châu Thành	Mầm non
1274	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non 19/5	Mầm non
1275	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Sen Hồng	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1276	Phường Vũng Tàu	Trường Mầm non Phường 3	Mầm non
1277	Phường Vũng Tàu	Tiểu học Thắng Nhì	Tiểu học
1278	Phường Vũng Tàu	Tiểu học Hòa Bình	Tiểu học
1279	Phường Vũng Tàu	THCS Châu Thành	THCS
1280	Phường Vũng Tàu	Tiểu học Đoàn Kết	Tiểu học
1281	Phường Vũng Tàu	THCS Võ Văn Kiệt	THCS
1282	Phường Vũng Tàu	Tiểu học Bàu Sen	Tiểu học
1283	Phường Vũng Tàu	Tiểu học Thắng Tam	Tiểu học
1284	Phường Vũng Tàu	Tiểu Học Hạ Long	Tiểu học
1285	Phường Vũng Tàu	THCS Thắng Nhì	THCS
1286	Phường Vũng Tàu	Tiểu học Nguyễn Thái Học	Tiểu học
1287	Phường Vũng Tàu	Tiểu học Bùi Thị Xuân	Tiểu học
1288	Phường Vũng Tàu	THCS Vũng Tàu	THCS
1289	Phường Vũng Tàu	THCS Huỳnh Khương Ninh	THCS
1290	Phường Vũng Tàu	THCS Duy Tân	THCS
1291	Phường Vườn Lài	MN Măng Non III	Mầm non
1292	Phường Vườn Lài	Mầm non Sao Mai Vườn Lài	Mầm non
1293	Phường Vườn Lài	MN Tuổi Thơ Vườn Lài	Mầm non
1294	Phường Vườn Lài	MN Nắng Xanh Vườn Lài	Mầm non
1295	Phường Vườn Lài	MN Ánh Dương Vườn Lài	Mầm non
1296	Phường Vườn Lài	Trường Mầm Non Ban Mai Vườn Lài	Mầm non
1297	Phường Vườn Lài	Trường MN Trạng Nguyên Vườn Lài	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1298	Phường Vườn Lài	TH Hồ Thị Kỷ	Tiểu học
1299	Phường Vườn Lài	TH Điện Biên	Tiểu học
1300	Phường Vườn Lài	TH Trần Nhân Tôn	Tiểu học
1301	Phường Vườn Lài	TH Trần Quang Cơ	Tiểu học
1302	Phường Vườn Lài	TH Trương Định	Tiểu học
1303	Phường Vườn Lài	TH Nhật Tảo	Tiểu học
1304	Phường Vườn Lài	THCS Hoàng Văn Thụ	THCS
1305	Phường Xóm Chiếu	MN 12	Mầm non
1306	Phường Xóm Chiếu	MN Sao Mai 12	Mầm non
1307	Phường Xóm Chiếu	MN Sao Mai 13	Mầm non
1308	Phường Xóm Chiếu	MN 15	Mầm non
1309	Phường Xóm Chiếu	MN Ban Mai	Mầm non
1310	Phường Xóm Chiếu	TH Xóm Chiếu	Tiểu học
1311	Phường Xóm Chiếu	TH Bạch Đằng	Tiểu học
1312	Phường Xóm Chiếu	TH Bến Cảng	Tiểu học
1313	Phường Xóm Chiếu	THCS Vân Đồn	THCS
1314	Phường Xóm Chiếu	TH Đinh Bộ Lĩnh	Tiểu học
1315	Phường Xóm Chiếu	TH Nguyễn Trường Tộ	Tiểu học
1316	Phường Xóm Chiếu	THCS Tăng Bạt Hổ	THCS
1317	Phường Xóm Chiếu	TH Nguyễn Thái Bình	Tiểu học
1318	Phường Xóm Chiếu	THCS Khánh Hội	THCS
1319	Phường Xuân Hòa	Mầm Non 6	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1320	Phường Xuân Hòa	Mầm Non Tuổi Thơ 8	Mầm non
1321	Phường Xuân Hòa	Mầm Non 8	Mầm non
1322	Phường Xuân Hòa	Mầm Non 7	Mầm non
1323	Phường Xuân Hòa	Mầm Non Tuổi Thơ 7	Mầm non
1324	Phường Xuân Hòa	Mầm Non Hoa Mai	Mầm non
1325	Phường Xuân Hòa	Mầm Non Xuân Hòa	Mầm non
1326	Phường Xuân Hòa	TH Mê Linh	Tiểu học
1327	Phường Xuân Hòa	THCS Colette	THCS
1328	Phường Xuân Hòa	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Tiểu học
1329	Phường Xuân Hòa	THCS Hai Bà Trưng	THCS
1330	Phường Xuân Hòa	TH Nguyễn Thái Sơn	Tiểu học
1331	Phường Xuân Hòa	TH Trần Quốc Thảo	Tiểu học
1332	Phường Xuân Hòa	THCS Lê Lợi	THCS
1333	Phường Xuân Hòa	THCS Lê Quý Đôn	THCS
1334	Xã An Long	Trường MN An Linh	Mầm non
1335	Xã An Long	Trường MN Tân Long	Mầm non
1336	Xã An Long	Trường MN An Long	Mầm non
1337	Xã An Long	Trường TH An Long	Tiểu học
1338	Xã An Long	Trường TH Tân Long	Tiểu học
1339	Xã An Long	Trường TH-THCS An Linh	Liên cấp
1340	Xã An Nhơn Tây	Mầm non An Phú	Mầm non
1341	Xã An Nhơn Tây	Mầm non Hoàng Minh Đạo	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1342	Xã An Nhơn Tây	Mầm non An Nhơn Tây	Mầm non
1343	Xã An Nhơn Tây	TH An Nhơn Đông	Tiểu học
1344	Xã An Nhơn Tây	TH An Nhơn Tây	Tiểu học
1345	Xã An Nhơn Tây	TH An Phú 1	Tiểu học
1346	Xã An Nhơn Tây	TH An Phú 2	Tiểu học
1347	Xã An Nhơn Tây	THCS An Phú	THCS
1348	Xã An Nhơn Tây	THCS Phú Mỹ Hưng	THCS
1349	Xã An Nhơn Tây	TH Phú Mỹ Hưng	Tiểu học
1350	Xã An Nhơn Tây	THCS An Nhơn Tây	THCS
1351	Xã An Thới Đông	MN An Thới Đông	Mầm non
1352	Xã An Thới Đông	MN Lý Nhơn	Mầm non
1353	Xã An Thới Đông	MN Dơi Lầu	Mầm non
1354	Xã An Thới Đông	TH An Thới Đông	Tiểu học
1355	Xã An Thới Đông	THCS An Thới Đông	THCS
1356	Xã An Thới Đông	TH Dơi Lầu	Tiểu học
1357	Xã An Thới Đông	THCS Dơi Lầu	THCS
1358	Xã An Thới Đông	TH Vàm Sát	Tiểu học
1359	Xã An Thới Đông	TH Lý Nhơn	Tiểu học
1360	Xã An Thới Đông	THCS Lý Nhơn	THCS
1361	Xã Bà Điểm	MN BÉ NGOAN 3	Mầm non
1362	Xã Bà Điểm	MG BÔNG SEN 1	Mầm non
1363	Xã Bà Điểm	MN BÀ ĐIỂM	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1364	Xã Bà Điểm	MN XUÂN THỚI THƯỢNG	Mầm non
1365	Xã Bà Điểm	TH Mỹ Huệ	Tiểu học
1366	Xã Bà Điểm	TH Huỳnh Văn Thới	Tiểu học
1367	Xã Bà Điểm	TH Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tiểu học
1368	Xã Bà Điểm	TH Tây Bắc Lân	Tiểu học
1369	Xã Bà Điểm	TH Ngã Ba Giồng	Tiểu học
1370	Xã Bà Điểm	TH Bùi Văn Ngự	Tiểu học
1371	Xã Bà Điểm	TH Xuân Thới Thượng	Tiểu học
1372	Xã Bà Điểm	THCS Bùi Văn Thủ	THCS
1373	Xã Bà Điểm	THCS Hà Huy Tập	THCS
1374	Xã Bà Điểm	THCS Phan Công Hớn	THCS
1375	Xã Bà Điểm	THCS Xuân Thới Thượng	THCS
1376	Xã Bà Điểm	THCS Nguyễn Văn Bứa	THCS
1377	Xã Bắc Tân Uyên	Trường MN Sơn Ca	Mầm non
1378	Xã Bắc Tân Uyên	Trường MN Hoa Phong Lan	Mầm non
1379	Xã Bắc Tân Uyên	Trường Mầm Non Trúc Xanh	Mầm non
1380	Xã Bắc Tân Uyên	Trường Tiểu học Tân Thành	Tiểu học
1381	Xã Bắc Tân Uyên	Trường TH Đất Cuốc	Tiểu học
1382	Xã Bắc Tân Uyên	Trường THCS Tân Thành	THCS
1383	Xã Bắc Tân Uyên	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định	Liên cấp
1384	Xã Bàu Bàng	Trường Mầm non Ánh Dương	Mầm non
1385	Xã Bàu Bàng	Trường Mầm non Lai Uyên	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1386	Xã Bàu Bàng	Trường TH Lai Uyên	Tiểu học
1387	Xã Bàu Bàng	Trường TH Bàu Bàng	Tiểu học
1388	Xã Bàu Bàng	Trường THCS Lai Uyên	THCS
1389	Xã Bàu Lâm	Mầm non Bàu Lâm	Mầm non
1390	Xã Bàu Lâm	MN Tân Lâm	Mầm non
1391	Xã Bàu Lâm	Tiểu học BÀU LÂM	Tiểu học
1392	Xã Bàu Lâm	Tiểu học NGÔ QUYỀN	Tiểu học
1393	Xã Bàu Lâm	THCS Tân Lâm	THCS
1394	Xã Bàu Lâm	Tiểu học THỐNG NHẤT	Tiểu học
1395	Xã Bàu Lâm	THCS Bàu Lâm	THCS
1396	Xã Bình Chánh	MN Vàng Anh	Mầm non
1397	Xã Bình Chánh	MN Hoa Lan	Mầm non
1398	Xã Bình Chánh	MN Hoa Hồng	Mầm non
1399	Xã Bình Chánh	MN Hoa Mai	Mầm non
1400	Xã Bình Chánh	MN Hoa Hồng 2	Mầm non
1401	Xã Bình Chánh	TH Tân Quý Tây	Tiểu học
1402	Xã Bình Chánh	TH Tân Quý Tây 3	Tiểu học
1403	Xã Bình Chánh	TH Bình Chánh	Tiểu học
1404	Xã Bình Chánh	TH An Phú Tây	Tiểu học
1405	Xã Bình Chánh	TH Trần Nhân Tôn	Tiểu học
1406	Xã Bình Chánh	TH An Phú Tây 2	Tiểu học
1407	Xã Bình Chánh	TH Kim Đồng	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1408	Xã Bình Chánh	THCS Tân Quý Tây	THCS
1409	Xã Bình Chánh	THCS Nguyễn Văn Linh	THCS
1410	Xã Bình Chánh	THCS Bình Chánh	THCS
1411	Xã Bình Châu	MN Bình Châu	Mầm non
1412	Xã Bình Châu	TRƯỜNG MẦM NON ÁNH DƯƠNG	Mầm non
1413	Xã Bình Châu	TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH CHÂU	Tiểu học
1414	Xã Bình Châu	TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH BÌNH	Tiểu học
1415	Xã Bình Châu	TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ MINH CHÂU	Tiểu học
1416	Xã Bình Châu	THCS Bình Châu	THCS
1417	Xã Bình Giã	MN Phượng Hồng	Mầm non
1418	Xã Bình Giã	MN Hòa Mi	Mầm non
1419	Xã Bình Giã	Trường MN Sơn Ca	Mầm non
1420	Xã Bình Giã	Trường Tiểu học Bình Giã	Tiểu học
1421	Xã Bình Giã	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	THCS
1422	Xã Bình Giã	Trường Tiểu học Chu Văn An	Tiểu học
1423	Xã Bình Giã	Trường THCS Quảng Thành	THCS
1424	Xã Bình Giã	Tiểu học Quảng Thành	Tiểu học
1425	Xã Bình Giã	Trường THCS Hà Huy Tập	THCS
1426	Xã Bình Hưng	MN Bình Hưng	Mầm non
1427	Xã Bình Hưng	MN Thủy Tiên	Mầm non
1428	Xã Bình Hưng	MN Hường Dương	Mầm non
1429	Xã Bình Hưng	MN Thủy Tiên 1	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1430	Xã Bình Hưng	MN Thủy Tiên 2	Mầm non
1431	Xã Bình Hưng	MN Hường Dương 2	Mầm non
1432	Xã Bình Hưng	TH Lê Quý Đôn	Tiểu học
1433	Xã Bình Hưng	TH Nguyễn Bình Khiêm	Tiểu học
1434	Xã Bình Hưng	TH Bình Hưng	Tiểu học
1435	Xã Bình Hưng	THCS Trung Sơn	THCS
1436	Xã Bình Hưng	TH Phong Phú	Tiểu học
1437	Xã Bình Hưng	TH Phạm Hùng	Tiểu học
1438	Xã Bình Hưng	TH Phong Phú 2	Tiểu học
1439	Xã Bình Hưng	THCS Nguyễn Thái Bình	THCS
1440	Xã Bình Hưng	THCS Phong Phú	THCS
1441	Xã Bình Khánh	MN Tam Thôn Hiệp	Mầm non
1442	Xã Bình Khánh	Mn Bình An	Mầm non
1443	Xã Bình Khánh	MN Bình Khánh	Mầm non
1444	Xã Bình Khánh	TH An Nghĩa	Tiểu học
1445	Xã Bình Khánh	TH Bình Khánh	Tiểu học
1446	Xã Bình Khánh	TH Bình Mỹ	Tiểu học
1447	Xã Bình Khánh	TH Bình Phước	Tiểu học
1448	Xã Bình Khánh	TH Bình Thạnh	Tiểu học
1449	Xã Bình Khánh	TH Tam Thôn Hiệp	Tiểu học
1450	Xã Bình Khánh	THCS Tam Thôn Hiệp	THCS
1451	Xã Bình Khánh	THCS Bình Khánh	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1452	Xã Bình Lợi	MN Sen Hồng	Mầm non
1453	Xã Bình Lợi	MN Hoa Sen 3	Mầm non
1454	Xã Bình Lợi	MN Hoa Sen	Mầm non
1455	Xã Bình Lợi	MN Hoa Sen 2	Mầm non
1456	Xã Bình Lợi	TH Vườn Thơm	Tiểu học
1457	Xã Bình Lợi	THCS Lê Minh Xuân	THCS
1458	Xã Bình Lợi	TH Bình Lợi	Tiểu học
1459	Xã Bình Lợi	THCS Bình Lợi	THCS
1460	Xã Bình Lợi	TH Cầu Xáng	Tiểu học
1461	Xã Bình Lợi	TH Lê Minh Xuân 2	Tiểu học
1462	Xã Bình Lợi	TH Lê Minh Xuân 3	Tiểu học
1463	Xã Bình Lợi	THCS Gò Xoài	THCS
1464	Xã Bình Mỹ	Mầm non Trung An 2	Mầm non
1465	Xã Bình Mỹ	Mầm non Trung An 1	Mầm non
1466	Xã Bình Mỹ	Mầm non Hòa Phú	Mầm non
1467	Xã Bình Mỹ	Mầm non Bình Mỹ	Mầm non
1468	Xã Bình Mỹ	TH Trung An	Tiểu học
1469	Xã Bình Mỹ	TH Hòa Phú	Tiểu học
1470	Xã Bình Mỹ	TH Bình Mỹ	Tiểu học
1471	Xã Bình Mỹ	THCS Trung An	THCS
1472	Xã Bình Mỹ	TH Bình Mỹ 2	Tiểu học
1473	Xã Bình Mỹ	THCS Bình Hòa	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1474	Xã Bình Mỹ	THCS Hòa Phú	THCS
1475	Xã Cần Giờ	MN Cần Thạnh 2	Mầm non
1476	Xã Cần Giờ	MN Cần Thạnh	Mầm non
1477	Xã Cần Giờ	MN Long Hòa	Mầm non
1478	Xã Cần Giờ	MN Đồng Tranh	Mầm non
1479	Xã Cần Giờ	TH Cần Thạnh	Tiểu học
1480	Xã Cần Giờ	TH Cần Thạnh 2	Tiểu học
1481	Xã Cần Giờ	THCS Cần Thạnh	THCS
1482	Xã Cần Giờ	TH Đồng Hoà	Tiểu học
1483	Xã Cần Giờ	TH Hòa Hiệp	Tiểu học
1484	Xã Cần Giờ	TH Long Thạnh	Tiểu học
1485	Xã Cần Giờ	THCS Long Hòa	THCS
1486	Xã Châu Đức	Trường MN Sao Sáng	Mầm non
1487	Xã Châu Đức	Trường MN Hường Dương	Mầm non
1488	Xã Châu Đức	MN Bình Minh	Mầm non
1489	Xã Châu Đức	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Tiểu học
1490	Xã Châu Đức	Trường THCS Xà Bang	THCS
1491	Xã Châu Đức	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Tiểu học
1492	Xã Châu Đức	Tiểu học Phan Chu Trinh	Tiểu học
1493	Xã Châu Đức	Trường Tiểu học Trần Quang Diệu	Tiểu học
1494	Xã Châu Đức	Trường THCS Nguyễn Huệ	THCS
1495	Xã Châu Pha	Mầm Non Tóc Tiên	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1496	Xã Châu Pha	Mầm non Châu Pha 1	Mầm non
1497	Xã Châu Pha	Mầm Non Châu Pha 2	Mầm non
1498	Xã Châu Pha	THCS Tóc Tiên	THCS
1499	Xã Châu Pha	Tiểu học Tóc Tiên	Tiểu học
1500	Xã Châu Pha	THCS Trương Công Định	THCS
1501	Xã Châu Pha	Tiểu học Châu Pha A	Tiểu học
1502	Xã Châu Pha	Tiểu học Châu Pha B	Tiểu học
1503	Xã Cù Chi	Mầm non Tân Thông Hội 1	Mầm non
1504	Xã Cù Chi	Mầm non Tân Thông Hội 2	Mầm non
1505	Xã Cù Chi	Mầm non Tân Phú Trung 1	Mầm non
1506	Xã Cù Chi	Mầm non Tân Phú Trung 2	Mầm non
1507	Xã Cù Chi	Mầm non Tân Thông Hội 3	Mầm non
1508	Xã Cù Chi	Mầm non Tân Thông Hội 4	Mầm non
1509	Xã Cù Chi	Mầm non Phước Vĩnh An	Mầm non
1510	Xã Cù Chi	TH Tân Phú	Tiểu học
1511	Xã Cù Chi	TH Trần Văn Châm	Tiểu học
1512	Xã Cù Chi	TH Tân Phú Trung	Tiểu học
1513	Xã Cù Chi	TH Tân Thông Hội	Tiểu học
1514	Xã Cù Chi	THCS Thị Trấn	THCS
1515	Xã Cù Chi	TH Phước Vĩnh An	Tiểu học
1516	Xã Cù Chi	THCS Tân Tiến	THCS
1517	Xã Cù Chi	TH Tân Tiến	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1518	Xã Củ Chi	THCS Phước Vĩnh An	THCS
1519	Xã Củ Chi	TH Phan Văn Khải	Tiểu học
1520	Xã Củ Chi	TH Nguyễn Thị Lăng	Tiểu học
1521	Xã Củ Chi	THCS Tân Thông Hội	THCS
1522	Xã Củ Chi	THCS Tân Phú Trung	THCS
1523	Xã Đất Đỏ	MN Phước Hòa Long	Mầm non
1524	Xã Đất Đỏ	MN Láng Dài	Mầm non
1525	Xã Đất Đỏ	MN Long Tân	Mầm non
1526	Xã Đất Đỏ	MN Phước Thạnh	Mầm non
1527	Xã Đất Đỏ	MN Lê - Ki - Ma	Mầm non
1528	Xã Đất Đỏ	Tiểu học Nguyễn Thị Hoa	Tiểu học
1529	Xã Đất Đỏ	THCS Long Tân	THCS
1530	Xã Đất Đỏ	Tiểu học Võ Thị Sáu	Tiểu học
1531	Xã Đất Đỏ	Trường THCS Láng Dài	THCS
1532	Xã Đất Đỏ	Tiểu học Láng Dài 1	Tiểu học
1533	Xã Đất Đỏ	Tiểu học Long Tân	Tiểu học
1534	Xã Đất Đỏ	Trường THCS Đất Đỏ	THCS
1535	Xã Đất Đỏ	THCS Phước Thạnh	THCS
1536	Xã Dầu Tiếng	Trường MN 13 Tháng 3	Mầm non
1537	Xã Dầu Tiếng	Trường MN Định Hiệp	Mầm non
1538	Xã Dầu Tiếng	Trường MN Định Thành	Mầm non
1539	Xã Dầu Tiếng	Trường MN Sơn Ca	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1540	Xã Dầu Tiếng	Trường MN Định An	Mầm non
1541	Xã Dầu Tiếng	Trường TH Ngô Quyền	Tiểu học
1542	Xã Dầu Tiếng	Trường TH Dầu Tiếng	Tiểu học
1543	Xã Dầu Tiếng	Trường TH Định Thành	Tiểu học
1544	Xã Dầu Tiếng	Trường Tiểu học - THCS Định An	Liên cấp
1545	Xã Dầu Tiếng	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	THCS
1546	Xã Đông Thạnh	MN SƠN CA 3	Mầm non
1547	Xã Đông Thạnh	MN BÔNG SEN	Mầm non
1548	Xã Đông Thạnh	MN SƠN CA	Mầm non
1549	Xã Đông Thạnh	MN 2/9	Mầm non
1550	Xã Đông Thạnh	TH Thới Tam	Tiểu học
1551	Xã Đông Thạnh	TH Tam Đông	Tiểu học
1552	Xã Đông Thạnh	TH Tam Đông 2	Tiểu học
1553	Xã Đông Thạnh	TH Hoàng Hoa Thám	Tiểu học
1554	Xã Đông Thạnh	TH Thới Thạnh	Tiểu học
1555	Xã Đông Thạnh	TH Võ Văn Thặng	Tiểu học
1556	Xã Đông Thạnh	TH Trần Văn Danh	Tiểu học
1557	Xã Đông Thạnh	TH Nguyễn Thị Nuôi	Tiểu học
1558	Xã Đông Thạnh	THCS Phan Đăng Lưu	THCS
1559	Xã Đông Thạnh	THCS Đông Thạnh	THCS
1560	Xã Đông Thạnh	THCS Đặng Công Bình	THCS
1561	Xã Đông Thạnh	THCS Đặng Thúc Vịnh	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1562	Xã Đông Thạnh	TH - THCS Trịnh Thị Dối	Liên cấp
1563	Xã Hiệp Phước	MN Đồng Xanh	Mầm non
1564	Xã Hiệp Phước	MN Tuổi Hoa	Mầm non
1565	Xã Hiệp Phước	MN Sao Mai	Mầm non
1566	Xã Hiệp Phước	MN Hướng Dương	Mầm non
1567	Xã Hiệp Phước	TH Trang Tấn Khương	Tiểu học
1568	Xã Hiệp Phước	TH Dương Văn Lịch	Tiểu học
1569	Xã Hiệp Phước	TH Nguyễn Văn Tạo	Tiểu học
1570	Xã Hiệp Phước	TH Lê Lợi	Tiểu học
1571	Xã Hiệp Phước	TH Lê Văn Lương	Tiểu học
1572	Xã Hiệp Phước	THCS Hiệp Phước	THCS
1573	Xã Hiệp Phước	THCS Hai Bà Trưng	THCS
1574	Xã Hồ Tràm	Trường MN Hướng Dương	Mầm non
1575	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG MẦM NON 1-6	Mầm non
1576	Xã Hồ Tràm	Mầm Non Phước Tân	Mầm non
1577	Xã Hồ Tràm	MN Phước Thuận	Mầm non
1578	Xã Hồ Tràm	MN Hoa Sen	Mầm non
1579	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI	Mầm non
1580	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN	Tiểu học
1581	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYNH MINH THANH	Tiểu học
1582	Xã Hồ Tràm	Trường THCS Phước Tân	THCS
1583	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ TRÀM	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1584	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC BỬU	Tiểu học
1585	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG TIỂU HỌC LẮNG SIM	Tiểu học
1586	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC TÂN	Tiểu học
1587	Xã Hồ Tràm	THCS Phước Thuận	THCS
1588	Xã Hồ Tràm	THCS Phước Bửu	THCS
1589	Xã Hồ Tràm	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN	THCS
1590	Xã Hòa Hiệp	MN Búp Sen Hồng	Mầm non
1591	Xã Hòa Hiệp	TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN ĐẠI NGHĨA	Tiểu học
1592	Xã Hòa Hiệp	TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ	Tiểu học
1593	Xã Hòa Hiệp	TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HIỆP	Tiểu học
1594	Xã Hòa Hiệp	THCS Hòa Hiệp	THCS
1595	Xã Hòa Hội	Trường Mầm non 19 tháng 5	Mầm non
1596	Xã Hòa Hội	Trường Mầm Non Hoà Hội	Mầm non
1597	Xã Hòa Hội	Trường Mầm non Hoà Bình	Mầm non
1598	Xã Hòa Hội	Trường mầm non Hòa Hưng	Mầm non
1599	Xã Hòa Hội	Trường Mầm non Thanh Bình	Mầm non
1600	Xã Hòa Hội	Trường Mầm non Hoa Hồng	Mầm non
1601	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG	Tiểu học
1602	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA HỘI	THCS
1603	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRƯỞNG TÔ	Tiểu học
1604	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HƯNG	Tiểu học
1605	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HỘI	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1606	Xã Hòa Hội	Trường THCS Hòa Hưng	THCS
1607	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THỂ VINH	Tiểu học
1608	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA BÌNH	Tiểu học
1609	Xã Hòa Hội	TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG	THCS
1610	Xã Hóc Môn	MN MỸ HÒA	Mầm non
1611	Xã Hóc Môn	MN TÂN HIỆP	Mầm non
1612	Xã Hóc Môn	MN BÉ NGOAN 1	Mầm non
1613	Xã Hóc Môn	MN 23/11	Mầm non
1614	Xã Hóc Môn	MN BÉ NGOAN	Mầm non
1615	Xã Hóc Môn	MN TÂN XUÂN	Mầm non
1616	Xã Hóc Môn	MN TÂN HÒA	Mầm non
1617	Xã Hóc Môn	TH Nguyễn An Ninh	Tiểu học
1618	Xã Hóc Môn	TH Mỹ Hòa	Tiểu học
1619	Xã Hóc Môn	TH Ấp Đình	Tiểu học
1620	Xã Hóc Môn	TH Tân Hiệp	Tiểu học
1621	Xã Hóc Môn	TH Cầu Xáng	Tiểu học
1622	Xã Hóc Môn	TH Trương Văn Ngải	Tiểu học
1623	Xã Hóc Môn	THCS Nguyễn An Khương	THCS
1624	Xã Hóc Môn	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	THCS
1625	Xã Hóc Môn	THCS Đỗ Văn Dậy	THCS
1626	Xã Hóc Môn	THCS Tô Ký	THCS
1627	Xã Hưng Long	MN Đa Phước	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1628	Xã Hưng Long	MN Phong Lan	Mầm non
1629	Xã Hưng Long	MN Ngọc Lan	Mầm non
1630	Xã Hưng Long	MN Quỳnh Anh	Mầm non
1631	Xã Hưng Long	TH Rạch Già	Tiểu học
1632	Xã Hưng Long	THCS Qui Đức	THCS
1633	Xã Hưng Long	TH Nguyễn Văn Trân	Tiểu học
1634	Xã Hưng Long	TH Qui Đức	Tiểu học
1635	Xã Hưng Long	TH Hưng Long	Tiểu học
1636	Xã Hưng Long	THCS Hưng Long	THCS
1637	Xã Hưng Long	THCS Đa Phước	THCS
1638	Xã Kim Long	MN Sen Hồng	Mầm non
1639	Xã Kim Long	MN Hoàng Oanh	Mầm non
1640	Xã Kim Long	MN Tuổi Ngọc	Mầm non
1641	Xã Kim Long	Tiểu học Kim Long	Tiểu học
1642	Xã Kim Long	Trường THCS Kim Long	THCS
1643	Xã Kim Long	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	Tiểu học
1644	Xã Kim Long	Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	Tiểu học
1645	Xã Kim Long	Trường THCS Cao Bá Quát	THCS
1646	Xã Kim Long	Tiểu học - THCS Phan Đình Phùng	Liên cấp
1647	Xã Long Điền	MN Long Điền	Mầm non
1648	Xã Long Điền	MN Bình Minh	Mầm non
1649	Xã Long Điền	MN Nắng Mai	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1650	Xã Long Điền	MN Hoa Mặt Trời	Mầm non
1651	Xã Long Điền	MN Nam Côn Sơn	Mầm non
1652	Xã Long Điền	Tiểu học Long Điền	Tiểu học
1653	Xã Long Điền	THCS Văn Lương	THCS
1654	Xã Long Điền	Trường Tiểu Học Long Liên	Tiểu học
1655	Xã Long Điền	Trường THCS Phạm Hữu Chí	THCS
1656	Xã Long Điền	Trường Tiểu Học Cao Văn Ngọc	Tiểu học
1657	Xã Long Điền	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi	THCS
1658	Xã Long Điền	Tiểu học Đặng Văn Dực	Tiểu học
1659	Xã Long Điền	THCS Huỳnh Tịnh Của	THCS
1660	Xã Long Hải	MN Họa Mi	Mầm non
1661	Xã Long Hải	MN Hoa Phượng	Mầm non
1662	Xã Long Hải	MN Hoàng Lan	Mầm non
1663	Xã Long Hải	MN Sơn Ca	Mầm non
1664	Xã Long Hải	MN Hoa Hồng	Mầm non
1665	Xã Long Hải	MN Ánh Dương	Mầm non
1666	Xã Long Hải	MN Hoàng Yến	Mầm non
1667	Xã Long Hải	Mầm non Hoa Sen	Mầm non
1668	Xã Long Hải	TH Phước Hưng	Tiểu học
1669	Xã Long Hải	THCS Nguyễn Thị Định	THCS
1670	Xã Long Hải	Tiểu Học Nguyễn Bình Khiêm	Tiểu học
1671	Xã Long Hải	THCS Nguyễn Trãi	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1672	Xã Long Hải	Tiểu học Lương Thế Vinh	Tiểu học
1673	Xã Long Hải	Tiểu học Trần Quốc Toản	Tiểu học
1674	Xã Long Hải	Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Tiểu học
1675	Xã Long Hải	Tiểu học Võ Văn Kiệt	Tiểu học
1676	Xã Long Hải	Tiểu học Lê Lợi	Tiểu học
1677	Xã Long Hải	THCS Nguyễn Công Trứ	THCS
1678	Xã Long Hải	Tiểu học Lê Hồng Phong	Tiểu học
1679	Xã Long Hải	THCS Trần Nguyên Hãn	THCS
1680	Xã Long Hải	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Tiểu học
1681	Xã Long Hải	Tiểu học Lý Tự Trọng	Tiểu học
1682	Xã Long Hải	Tiểu học Kim Đồng	Tiểu học
1683	Xã Long Hải	THCS Nguyễn Huệ	THCS
1684	Xã Long Hải	Tiểu học Chu Văn An	Tiểu học
1685	Xã Long Hải	THCS PHẠM HỒNG THÁI	THCS
1686	Xã Long Hải	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Tiểu học
1687	Xã Long Hải	Tiểu học Phước Tỉnh	Tiểu học
1688	Xã Long Hải	Trường THCS Hùng Vương	THCS
1689	Xã Long Hòa	Trường mầm non Long Tân	Mầm non
1690	Xã Long Hòa	Trường Mầm non Họa Mi	Mầm non
1691	Xã Long Hòa	Trường TH Long Hòa	Tiểu học
1692	Xã Long Hòa	Trường THCS Long Hòa	THCS
1693	Xã Long Hòa	Trường Tiểu học và THCS Long Tân	Liên cấp

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1694	Xã Long Sơn	Trường Mầm non Hướng Dương	Mầm non
1695	Xã Long Sơn	Trường Mầm non Tuổi Thơ	Mầm non
1696	Xã Long Sơn	Tiểu Học Long Sơn 1	Tiểu học
1697	Xã Long Sơn	Tiểu Học Long Sơn 2	Tiểu học
1698	Xã Long Sơn	THCS Bạch Đằng	THCS
1699	Xã Minh Thạnh	TRƯỜNG MẦM NON MINH TÂN	Mầm non
1700	Xã Minh Thạnh	Trường Mầm non Minh Thạnh	Mầm non
1701	Xã Minh Thạnh	Trường MN Hoa Mai	Mầm non
1702	Xã Minh Thạnh	Trường TH Minh Hòa	Tiểu học
1703	Xã Minh Thạnh	Trường TH Minh Thạnh	Tiểu học
1704	Xã Minh Thạnh	Trường THCS Minh Thạnh	THCS
1705	Xã Minh Thạnh	Trường TH Minh Tân	Tiểu học
1706	Xã Minh Thạnh	Trường TH Hòa Lộc	Tiểu học
1707	Xã Minh Thạnh	Trường THCS Minh Tân	THCS
1708	Xã Ngãi Giao	Trường MN Hoa Mai	Mầm non
1709	Xã Ngãi Giao	MN Sao Mai	Mầm non
1710	Xã Ngãi Giao	Trường MN Hoa Sữa	Mầm non
1711	Xã Ngãi Giao	MN Ánh Dương	Mầm non
1712	Xã Ngãi Giao	Trường Tiểu học Suối Nghệ	Tiểu học
1713	Xã Ngãi Giao	Trường THCS Trần Hưng Đạo	THCS
1714	Xã Ngãi Giao	Trường Tiểu học Bình Ba	Tiểu học
1715	Xã Ngãi Giao	THCS Phan Bội Châu	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1716	Xã Ngãi Giao	Tiểu học Ngãi Giao	Tiểu học
1717	Xã Ngãi Giao	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Tiểu học
1718	Xã Ngãi Giao	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	THCS
1719	Xã Ngãi Giao	Trường THCS Châu Đức	THCS
1720	Xã Nghĩa Thành	MN Trúc Xanh	Mầm non
1721	Xã Nghĩa Thành	MN Hoa Hồng	Mầm non
1722	Xã Nghĩa Thành	Trường Tiểu học Sông Cầu	Tiểu học
1723	Xã Nghĩa Thành	Trường Tiểu học Nghĩa Thành	Tiểu học
1724	Xã Nghĩa Thành	Trường THCS Võ Trường Toản	THCS
1725	Xã Nghĩa Thành	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	Tiểu học
1726	Xã Nghĩa Thành	Trường THCS Quang Trung	THCS
1727	Xã Nhà Bè	MN Vàng Anh	Mầm non
1728	Xã Nhà Bè	MN Tuổi Ngọc	Mầm non
1729	Xã Nhà Bè	MN Họa Mi	Mầm non
1730	Xã Nhà Bè	MN Hoa Lan	Mầm non
1731	Xã Nhà Bè	MN Mạ Non	Mầm non
1732	Xã Nhà Bè	MN Vành Khuyên	Mầm non
1733	Xã Nhà Bè	MN Hoa Sen	Mầm non
1734	Xã Nhà Bè	MN Thị trấn Nhà Bè	Mầm non
1735	Xã Nhà Bè	MN Sơn Ca	Mầm non
1736	Xã Nhà Bè	TH Nguyễn Hồng Thố	Tiểu học
1737	Xã Nhà Bè	TH Nguyễn Bình	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1738	Xã Nhà Bè	TH Trần Thị Ngọc Hân	Tiểu học
1739	Xã Nhà Bè	TH Bùi Văn Ba	Tiểu học
1740	Xã Nhà Bè	THCS Nguyễn Văn Quỳ	THCS
1741	Xã Nhà Bè	TH Lâm Văn Bền	Tiểu học
1742	Xã Nhà Bè	TH Nguyễn Trực	Tiểu học
1743	Xã Nhà Bè	TH Tạ Uyên	Tiểu học
1744	Xã Nhà Bè	TH Lê Quang Định	Tiểu học
1745	Xã Nhà Bè	TH Bùi Thanh Khiết	Tiểu học
1746	Xã Nhà Bè	THCS Lê Thành Công	THCS
1747	Xã Nhà Bè	TH Nguyễn Việt Hồng	Tiểu học
1748	Xã Nhà Bè	THCS Phước Lộc	THCS
1749	Xã Nhà Bè	THCS Nguyễn Bình Khiêm	THCS
1750	Xã Nhà Bè	THCS Lê Văn Hưu	THCS
1751	Xã Nhà Bè	THCS Nguyễn Thị Hương	THCS
1752	Xã Nhuận Đức	Mầm non Phạm Văn Cội 1	Mầm non
1753	Xã Nhuận Đức	Mầm non Nhuận Đức	Mầm non
1754	Xã Nhuận Đức	Mầm non Trung Lập Hạ	Mầm non
1755	Xã Nhuận Đức	Mầm non Phạm Văn Cội 2	Mầm non
1756	Xã Nhuận Đức	TH Lê Văn Thế	Tiểu học
1757	Xã Nhuận Đức	THCS Nhuận Đức	THCS
1758	Xã Nhuận Đức	TH Trung Lập Hạ	Tiểu học
1759	Xã Nhuận Đức	THCS Trung Lập Hạ	THCS

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1760	Xã Nhuận Đức	TH Nhuận Đức	Tiểu học
1761	Xã Nhuận Đức	TH Nhuận Đức 2	Tiểu học
1762	Xã Nhuận Đức	TH Phạm Văn Cội	Tiểu học
1763	Xã Nhuận Đức	THCS Phạm Văn Cội	THCS
1764	Xã Phú Giáo	Trường MN Hòa Mi	Mầm non
1765	Xã Phú Giáo	Trường MN Phước Vĩnh	Mầm non
1766	Xã Phú Giáo	Trường MN Tam Lập	Mầm non
1767	Xã Phú Giáo	Trường TH Phước Vĩnh A	Tiểu học
1768	Xã Phú Giáo	Trường TH Phước Vĩnh B	Tiểu học
1769	Xã Phú Giáo	Trường THCS Nguyễn Trãi	THCS
1770	Xã Phú Giáo	Trường TH An Bình A	Tiểu học
1771	Xã Phú Giáo	Trường THCS An Bình	THCS
1772	Xã Phú Giáo	Trường TH An Bình B	Tiểu học
1773	Xã Phú Giáo	Trường TH-THCS Tam Lập	Liên cấp
1774	Xã Phú Giáo	Trường THCS Trần Hưng Đạo	THCS
1775	Xã Phú Hòa Đông	Mầm non Phú Hòa Đông	Mầm non
1776	Xã Phú Hòa Đông	Mầm non Nguyễn Thị Dậu	Mầm non
1777	Xã Phú Hòa Đông	Mầm non Tân Thạnh Đông	Mầm non
1778	Xã Phú Hòa Đông	Mầm non Tân Thạnh Tây	Mầm non
1779	Xã Phú Hòa Đông	TH Phú Hòa Đông	Tiểu học
1780	Xã Phú Hòa Đông	TH Phú Hòa Đông 2	Tiểu học
1781	Xã Phú Hòa Đông	TH Tân Thạnh Tây	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1782	Xã Phú Hòa Đông	THCS Tân Thạnh Tây	THCS
1783	Xã Phú Hòa Đông	TH Tân Thạnh Đông	Tiểu học
1784	Xã Phú Hòa Đông	TH Tân Thạnh Đông 2	Tiểu học
1785	Xã Phú Hòa Đông	TH Tân Thạnh Đông 3	Tiểu học
1786	Xã Phú Hòa Đông	THCS Phú Hòa Đông	THCS
1787	Xã Phú Hòa Đông	THCS Tân Thạnh Đông	THCS
1788	Xã Phú Hòa Đông	TH và THCS Tân Trung	Liên cấp
1789	Xã Phước Hải	MN Phước An	Mầm non
1790	Xã Phước Hải	MN Phước Điền	Mầm non
1791	Xã Phước Hải	MN Phước Hội	Mầm non
1792	Xã Phước Hải	MN Phước Hải	Mầm non
1793	Xã Phước Hải	MN Lộc An	Mầm non
1794	Xã Phước Hải	Tiểu học Nguyễn Hùng Mạnh	Tiểu học
1795	Xã Phước Hải	Trường Tiểu học Long Mỹ	Tiểu học
1796	Xã Phước Hải	THCS Minh Đạm	THCS
1797	Xã Phước Hải	Tiểu học Phước Hội	Tiểu học
1798	Xã Phước Hải	THCS Châu Văn Biểc	THCS
1799	Xã Phước Hải	Tiểu học Lộc An	Tiểu học
1800	Xã Phước Hải	THCS Lộc An	THCS
1801	Xã Phước Hải	Tiểu học Phước Hải 1	Tiểu học
1802	Xã Phước Hải	Tiểu học Phước Hải 2	Tiểu học
1803	Xã Phước Hải	Tiểu học Phước Hải 3	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1804	Xã Phước Hải	THCS Phước Hải	THCS
1805	Xã Phước Hòa	Trường MN Phước Hòa	Mầm non
1806	Xã Phước Hòa	Trường MN Vĩnh Hoà	Mầm non
1807	Xã Phước Hòa	Trường TH Phước Hòa A	Tiểu học
1808	Xã Phước Hòa	Trường TH Vĩnh Hòa B	Tiểu học
1809	Xã Phước Hòa	Trường TH Vĩnh Hòa A	Tiểu học
1810	Xã Phước Hòa	Trường THCS Vĩnh Hòa	THCS
1811	Xã Phước Hòa	Trường TH Phước Hòa B	Tiểu học
1812	Xã Phước Hòa	Trường THCS Phước Hòa	THCS
1813	Xã Phước Thành	Trường MN An Thái	Mầm non
1814	Xã Phước Thành	Trường MN Tân Hiệp	Mầm non
1815	Xã Phước Thành	Trường MN Phước Sang	Mầm non
1816	Xã Phước Thành	Trường TH Tân Hiệp	Tiểu học
1817	Xã Phước Thành	Trường TH An Thái	Tiểu học
1818	Xã Phước Thành	Trường TH Phước Sang	Tiểu học
1819	Xã Tân An Hội	Mầm non Thị Trấn Củ Chi 3	Mầm non
1820	Xã Tân An Hội	Mầm non Thị Trấn Củ Chi 1	Mầm non
1821	Xã Tân An Hội	Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2	Mầm non
1822	Xã Tân An Hội	Mầm non Tây Bắc	Mầm non
1823	Xã Tân An Hội	Mầm non Phước Hiệp	Mầm non
1824	Xã Tân An Hội	Mầm non Tân An Hội 1	Mầm non
1825	Xã Tân An Hội	Mầm non Tân An Hội 2	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1826	Xã Tân An Hội	TH Huỳnh Văn Cọ	Tiểu học
1827	Xã Tân An Hội	TH Nguyễn Thị Rành	Tiểu học
1828	Xã Tân An Hội	TH Lê Thị Pha	Tiểu học
1829	Xã Tân An Hội	TH Nguyễn Văn Lịch	Tiểu học
1830	Xã Tân An Hội	TH Thị Trần Củ Chi	Tiểu học
1831	Xã Tân An Hội	TH Tân Thành	Tiểu học
1832	Xã Tân An Hội	TH Phước Hiệp	Tiểu học
1833	Xã Tân An Hội	THCS Phước Hiệp	THCS
1834	Xã Tân An Hội	TH Thị Trần Củ Chi 2	Tiểu học
1835	Xã Tân An Hội	THCS Tân An Hội	THCS
1836	Xã Tân An Hội	THCS Thị Trần 2	THCS
1837	Xã Tân Nhựt	MN Ba By	Mầm non
1838	Xã Tân Nhựt	MN Hoàng Anh	Mầm non
1839	Xã Tân Nhựt	MN Hoàng Anh 2	Mầm non
1840	Xã Tân Nhựt	MN Hoa Anh Đào	Mầm non
1841	Xã Tân Nhựt	Trường Tiểu học Nguyễn Cửu Phú	Tiểu học
1842	Xã Tân Nhựt	TH Tân Túc	Tiểu học
1843	Xã Tân Nhựt	TH Tân Kiên	Tiểu học
1844	Xã Tân Nhựt	TH Tân Nhựt	Tiểu học
1845	Xã Tân Nhựt	TH Tân Nhựt 6	Tiểu học
1846	Xã Tân Nhựt	TH Tân Túc 2	Tiểu học
1847	Xã Tân Nhựt	TH Lương Thế Vinh	Tiểu học

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1848	Xã Tân Nhựt	THCS Nguyễn Hữu Trí	THCS
1849	Xã Tân Nhựt	THCS Tân Túc	THCS
1850	Xã Tân Nhựt	THCS Tân Kiên	THCS
1851	Xã Tân Nhựt	THCS Tân Nhựt	THCS
1852	Xã Tân Vĩnh Lộc	MN Quỳnh Hương	Mầm non
1853	Xã Tân Vĩnh Lộc	MN Quỳnh Hương 2	Mầm non
1854	Xã Tân Vĩnh Lộc	MN Hoa Thiên Lý	Mầm non
1855	Xã Tân Vĩnh Lộc	MN 30-4	Mầm non
1856	Xã Tân Vĩnh Lộc	MN Hoa Thiên Lý 1	Mầm non
1857	Xã Tân Vĩnh Lộc	MN Hoa Thiên Lý 2	Mầm non
1858	Xã Tân Vĩnh Lộc	TH Võ Văn Vân	Tiểu học
1859	Xã Tân Vĩnh Lộc	TH Phạm Văn Hai	Tiểu học
1860	Xã Tân Vĩnh Lộc	TH An Hạ	Tiểu học
1861	Xã Tân Vĩnh Lộc	TH Vĩnh Lộc B	Tiểu học
1862	Xã Tân Vĩnh Lộc	TH Lại Hùng Cường	Tiểu học
1863	Xã Tân Vĩnh Lộc	TH Trần Quốc Toàn	Tiểu học
1864	Xã Tân Vĩnh Lộc	THCS Phạm Văn Hai	THCS
1865	Xã Tân Vĩnh Lộc	THCS Vĩnh Lộc B	THCS
1866	Xã Tân Vĩnh Lộc	THCS Võ Văn Vân	THCS
1867	Xã Thái Mỹ	Mầm non Thái Mỹ	Mầm non
1868	Xã Thái Mỹ	Mầm non Phước Thạnh	Mầm non
1869	Xã Thái Mỹ	Mầm non Trung Lập Thượng	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1870	Xã Thái Mỹ	TH Phước Thạnh	Tiểu học
1871	Xã Thái Mỹ	THCS Nguyễn Văn Xơ	THCS
1872	Xã Thái Mỹ	TH Thái Mỹ	Tiểu học
1873	Xã Thái Mỹ	TH An Phước	Tiểu học
1874	Xã Thái Mỹ	THCS Phước Thạnh	THCS
1875	Xã Thái Mỹ	TH Trung Lập Thượng	Tiểu học
1876	Xã Thái Mỹ	THCS Trung Lập	THCS
1877	Xã Thanh An	Trường MN Thanh Tân	Mầm non
1878	Xã Thanh An	Trường MN Thanh An	Mầm non
1879	Xã Thanh An	Trường MN An Lập	Mầm non
1880	Xã Thanh An	Trường TH An Lập	Tiểu học
1881	Xã Thanh An	Trường THCS An Lập	THCS
1882	Xã Thanh An	Trường TH Định Hiệp	Tiểu học
1883	Xã Thanh An	Trường THCS Định Hiệp	THCS
1884	Xã Thanh An	Trường TH Thanh An	Tiểu học
1885	Xã Thanh An	Trường THCS Thanh An	THCS
1886	Xã Thanh An	Trường TH Thanh Tân	Tiểu học
1887	Xã Thanh An	Trường TH Định Phước	Tiểu học
1888	Xã Thạnh An	MN Thạnh An	Mầm non
1889	Xã Thạnh An	TH Thạnh An	Tiểu học
1890	Xã Thường Tân	Trường MN Hiếu Liêm	Mầm non
1891	Xã Thường Tân	Trường MN Hoa Anh Đào	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1892	Xã Thường Tân	Trường MN Thường Tân	Mầm non
1893	Xã Thường Tân	Trường TH Thường Tân	Tiểu học
1894	Xã Thường Tân	Trường TH Hiếu Liêm	Tiểu học
1895	Xã Thường Tân	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lạc An	Liên cấp
1896	Xã Trừ Văn Thố	Trường Mầm Non Cây Trường	Mầm non
1897	Xã Trừ Văn Thố	Trường Mầm non Hòa Mi	Mầm non
1898	Xã Trừ Văn Thố	Trường TH Trừ Văn Thố	Tiểu học
1899	Xã Trừ Văn Thố	Trường THCS Trừ Văn Thố	THCS
1900	Xã Trừ Văn Thố	Trường TH và THCS Cây Trường	Liên cấp
1901	Xã Vĩnh Lộc	MG Hoa Phượng	Mầm non
1902	Xã Vĩnh Lộc	MN Hoa Phượng Hồng	Mầm non
1903	Xã Vĩnh Lộc	MN Hoa Phượng 1	Mầm non
1904	Xã Vĩnh Lộc	TH Đồng Đen	Tiểu học
1905	Xã Vĩnh Lộc	TH Vĩnh Lộc 1	Tiểu học
1906	Xã Vĩnh Lộc	TH Vĩnh Lộc 2	Tiểu học
1907	Xã Vĩnh Lộc	TH Vĩnh Lộc A	Tiểu học
1908	Xã Vĩnh Lộc	TH Huỳnh Văn Bánh	Tiểu học
1909	Xã Vĩnh Lộc	THCS Đồng Đen	THCS
1910	Xã Vĩnh Lộc	THCS Vĩnh Lộc A	THCS
1911	Xã Xuân Sơn	Mầm non Tuổi Thơ	Mầm non
1912	Xã Xuân Sơn	Mầm non Vành Khuyên	Mầm non
1913	Xã Xuân Sơn	Mầm non Hoa Sen	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1914	Xã Xuân Sơn	Tiểu học Lê Văn Tám	Tiểu học
1915	Xã Xuân Sơn	Trường THCS Lê Lợi	THCS
1916	Xã Xuân Sơn	Tiểu học Kim Đồng	Tiểu học
1917	Xã Xuân Sơn	Trường THCS Lý Thường Kiệt	THCS
1918	Xã Xuân Sơn	Trường TH-THCS Nguyễn Trung Trực	Liên cấp
1919	Xã Xuân Thới Sơn	MN CÚC HỌA MI	Mầm non
1920	Xã Xuân Thới Sơn	MN HƯỚNG DƯƠNG	Mầm non
1921	Xã Xuân Thới Sơn	MN NHỊ XUÂN	Mầm non
1922	Xã Xuân Thới Sơn	MN 19/8	Mầm non
1923	Xã Xuân Thới Sơn	MN XUÂN THỚI ĐÔNG	Mầm non
1924	Xã Xuân Thới Sơn	TH Lý Chính Thắng 2	Tiểu học
1925	Xã Xuân Thới Sơn	TH Nhị Tân	Tiểu học
1926	Xã Xuân Thới Sơn	TH Dương Công Khi	Tiểu học
1927	Xã Xuân Thới Sơn	TH Nhị Xuân	Tiểu học
1928	Xã Xuân Thới Sơn	TH Tân Xuân	Tiểu học
1929	Xã Xuân Thới Sơn	TH Lê Văn Phiên	Tiểu học
1930	Xã Xuân Thới Sơn	TH Trần Văn Mười	Tiểu học
1931	Xã Xuân Thới Sơn	TH và THCS Tạ Uyên	Liên cấp
1932	Xã Xuân Thới Sơn	THCS Võ Văn Tần	THCS
1933	Xã Xuân Thới Sơn	THCS Nguyễn Hồng Đào	THCS
1934	Xã Xuân Thới Sơn	THCS Tân Xuân	THCS
1935	Xã Xuyên Mộc	TRƯỜNG MẦM NON BỤNG RIỀNG	Mầm non

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1936	Xã Xuyên Mộc	MN Bông Trang	Mầm non
1937	Xã Xuyên Mộc	MN Xuyên Mộc	Mầm non
1938	Xã Xuyên Mộc	TRƯỜNG TIỂU HỌC BÔNG TRANG	Tiểu học
1939	Xã Xuyên Mộc	Trường THCS Bông Trang	THCS
1940	Xã Xuyên Mộc	TRƯỜNG TIỂU HỌC BUNG RIỀNG	Tiểu học
1941	Xã Xuyên Mộc	THCS Bung Riềng	THCS
1942	Xã Xuyên Mộc	TRƯỜNG TIỂU HỌC XUYỀN MỘC	Tiểu học
1943	Xã Xuyên Mộc	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ XUYỀN MỘC	THCS
1944	Trực thuộc Sở	MN Thành Phố	Mầm non
1945	Trực thuộc Sở	MN 19/5 Thành phố	Mầm non
1946	Trực thuộc Sở	MN Nam Sài Gòn	Mầm non
1947	Trực thuộc Sở	Trường THPT Lý Thái Tổ	THPT
1948	Trực thuộc Sở	Trường THPT Lê Lợi	THPT
1949	Trực thuộc Sở	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	THPT
1950	Trực thuộc Sở	Trường THPT Phước Hòa	THPT
1951	Trực thuộc Sở	Trường THPT Dĩ An	THPT
1952	Trực thuộc Sở	Trường THPT Võ Minh Đức	THPT
1953	Trực thuộc Sở	Trường THCS-THPT Minh Hòa	THPT
1954	Trực thuộc Sở	Trường THPT Bình An	THPT
1955	Trực thuộc Sở	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	THPT
1956	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	THPT
1957	Trực thuộc Sở	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1958	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	THPT
1959	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	THPT
1960	Trực thuộc Sở	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	THPT
1961	Trực thuộc Sở	Trường THPT Thường Tân	THPT
1962	Trực thuộc Sở	Trường THPT Phước Vĩnh	THPT
1963	Trực thuộc Sở	Trường THPT Bến Cát	THPT
1964	Trực thuộc Sở	Trường THPT Dầu Tiếng	THPT
1965	Trực thuộc Sở	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	THPT
1966	Trực thuộc Sở	Trường THPT Trần Văn On	THPT
1967	Trực thuộc Sở	Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tây Sơn	THPT
1968	Trực thuộc Sở	Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	THPT
1969	Trực thuộc Sở	Trường THPT Tây Nam	THPT
1970	Trực thuộc Sở	Trường THPT Tân Phước Khánh	THPT
1971	Trực thuộc Sở	Trường THPT Thái Hòa	THPT
1972	Trực thuộc Sở	Trường THPT An Mỹ	THPT
1973	Trực thuộc Sở	Trường THPT Bàu Bàng	THPT
1974	Trực thuộc Sở	Trường THPT Long Hòa	THPT
1975	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	THPT
1976	Trực thuộc Sở	Trường THPT Thanh Tuyền	THPT
1977	Trực thuộc Sở	THPT Vũng Tàu	THPT
1978	Trực thuộc Sở	THPT Châu Thành	THPT
1979	Trực thuộc Sở	Trường THPT Trần Phú - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
1980	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Du - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
1981	Trực thuộc Sở	THPT Phú Mỹ	THPT
1982	Trực thuộc Sở	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
1983	Trực thuộc Sở	THPT Hắc Dịch	THPT
1984	Trực thuộc Sở	THPT Trần Văn Quan	THPT
1985	Trực thuộc Sở	Trường THPT Võ Thị Sáu - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
1986	Trực thuộc Sở	THPT Hòa Hội	THPT
1987	Trực thuộc Sở	THPT Hòa Bình	THPT
1988	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Bình Khiêm	THPT
1989	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
1990	Trực thuộc Sở	Trường THPT Phước Bửu	THPT
1991	Trực thuộc Sở	THPT Xuyên Mộc	THPT
1992	Trực thuộc Sở	THPT Long Hải - Phước Tỉnh	THPT
1993	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
1994	Trực thuộc Sở	THPT Minh Đạm	THPT
1995	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
1996	Trực thuộc Sở	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
1997	Trực thuộc Sở	THPT Đinh Tiên Hoàng	THPT
1998	Trực thuộc Sở	THPT Trần Nguyên Hãn	THPT
1999	Trực thuộc Sở	Trường THPT Ngô Quyền	THPT
2000	Trực thuộc Sở	Trường THPT Võ Thị Sáu - Côn Đảo	THPT
2001	Trực thuộc Sở	Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2002	Trực thuộc Sở	THPT Dương Bạch Mai	THPT
2003	Trực thuộc Sở	Trường THPT Bà Rịa	THPT
2004	Trực thuộc Sở	THPT Bưng Riềng	THPT
2005	Trực thuộc Sở	Trường phổ thông dân tộc nội trú Bà Rịa - Vũng Tàu	THPT
2006	Trực thuộc Sở	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	THPT
2007	Trực thuộc Sở	THPT Hoàng Thế Thiện	THPT
2008	Trực thuộc Sở	THPT Quốc tế Việt Úc	THPT
2009	Trực thuộc Sở	THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	THPT
2010	Trực thuộc Sở	THPT Bùi Thị Xuân	THPT
2011	Trực thuộc Sở	THPT Trưng Vương	THPT
2012	Trực thuộc Sở	THPT Giồng Ông Tố	THPT
2013	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT
2014	Trực thuộc Sở	THPT Lê Quý Đôn	THPT
2015	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Trãi	THPT
2016	Trực thuộc Sở	THPT Hùng Vương	THPT
2017	Trực thuộc Sở	THPT Mạc Đĩnh Chi	THPT
2018	Trực thuộc Sở	THPT Bình Phú	THPT
2019	Trực thuộc Sở	THPT Lê Thánh Tôn	THPT
2020	Trực thuộc Sở	THPT Lương Văn Can	THPT
2021	Trực thuộc Sở	THPT Ngô Gia Tự	THPT
2022	Trực thuộc Sở	THPT Tạ Quang Bửu	THPT
2023	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Huệ	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2024	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Khuyến	THPT
2025	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Du	THPT
2026	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Hiền	THPT
2027	Trực thuộc Sở	THPT Võ Trường Toản	THPT
2028	Trực thuộc Sở	THPT Thanh Đa	THPT
2029	Trực thuộc Sở	THPT Võ Thị Sáu	THPT
2030	Trực thuộc Sở	THPT Gia Định	THPT
2031	Trực thuộc Sở	THPT Phan Đăng Lưu	THPT
2032	Trực thuộc Sở	THPT Gò Vấp	THPT
2033	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Công Trứ	THPT
2034	Trực thuộc Sở	THPT Phú Nhuận	THPT
2035	Trực thuộc Sở	THPT Tân Bình	THPT
2036	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Chí Thanh	THPT
2037	Trực thuộc Sở	THPT Trần Phú	THPT
2038	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Thượng Hiền	THPT
2039	Trực thuộc Sở	THPT Thủ Đức	THPT
2040	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Hữu Huân	THPT
2041	Trực thuộc Sở	THPT Tam Phú	THPT
2042	Trực thuộc Sở	THPT Củ Chi	THPT
2043	Trực thuộc Sở	THPT Quang Trung	THPT
2044	Trực thuộc Sở	THPT An Nhơn Tây	THPT
2045	Trực thuộc Sở	THPT Trung Phú	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2046	Trực thuộc Sở	THPT Trung Lập	THPT
2047	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Hữu Cầu	THPT
2048	Trực thuộc Sở	THPT Lý Thường Kiệt	THPT
2049	Trực thuộc Sở	THPT Bình Chánh	THPT
2050	Trực thuộc Sở	THPT Ten Lơ Man	THPT
2051	Trực thuộc Sở	THPT Marie Curie	THPT
2052	Trực thuộc Sở	THPT Trần Khai Nguyên	THPT
2053	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn An Ninh	THPT
2054	Trực thuộc Sở	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	THPT
2055	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Thái Bình	THPT
2056	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Trung Trực	THPT
2057	Trực thuộc Sở	THPT Hàn Thuyên	THPT
2058	Trực thuộc Sở	THPT Hoàng Hoa Thám	THPT
2059	Trực thuộc Sở	THPT Phước Long	THPT
2060	Trực thuộc Sở	THPT Bà Điểm	THPT
2061	Trực thuộc Sở	THPT Tân Phong	THPT
2062	Trực thuộc Sở	THPT Trường Chinh	THPT
2063	Trực thuộc Sở	THPT Phú Hòa	THPT
2064	Trực thuộc Sở	THPT Tân Thông Hội	THPT
2065	Trực thuộc Sở	THPT Tây Thạnh	THPT
2066	Trực thuộc Sở	THPT Long Trường	THPT
2067	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2068	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Hữu Tiến	THPT
2069	Trực thuộc Sở	THPT Bình Khánh	THPT
2070	Trực thuộc Sở	THPT Cần Thạnh	THPT
2071	Trực thuộc Sở	THPT Trần Hưng Đạo	THPT
2072	Trực thuộc Sở	THPT Hiệp Bình	THPT
2073	Trực thuộc Sở	THPT Trần Quang Khải	THPT
2074	Trực thuộc Sở	THPT Vĩnh Lộc	THPT
2075	Trực thuộc Sở	THPT Phước Kiển	THPT
2076	Trực thuộc Sở	THPT An Nghĩa	THPT
2077	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	THPT
2078	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Văn Linh	THPT
2079	Trực thuộc Sở	TT GDKTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	THPT
2080	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Thị Diệu	THPT
2081	Trực thuộc Sở	THPT Bình Hưng Hòa	THPT
2082	Trực thuộc Sở	THPT Bình Tân	THPT
2083	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Tất Thành	THPT
2084	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Văn Tăng	THPT
2085	Trực thuộc Sở	THPT Trần Văn Giàu	THPT
2086	Trực thuộc Sở	THPT Phạm Văn Sáng	THPT
2087	Trực thuộc Sở	THPT Đào Sơn Tây	THPT
2088	Trực thuộc Sở	THPT Tân Túc	THPT
2089	Trực thuộc Sở	THPT Vĩnh Lộc B	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2090	Trực thuộc Sở	THPT Dương Văn Dương	THPT
2091	Trực thuộc Sở	THPT Võ Văn Kiệt	THPT
2092	Trực thuộc Sở	Phổ thông Năng khiếu TDTT Bình Chánh	THPT
2093	Trực thuộc Sở	THPT Lê Trọng Tấn	THPT
2094	Trực thuộc Sở	THPT Linh Trung	THPT
2095	Trực thuộc Sở	THPT Dương Văn Thì	THPT
2096	Trực thuộc Sở	THPT Bình Chiểu	THPT
2097	Trực thuộc Sở	THPT Hồ Thị Bi	THPT
2098	Trực thuộc Sở	THPT Phong Phú	THPT
2099	Trực thuộc Sở	THPT Thủ Thiêm	THPT
2100	Trực thuộc Sở	THPT Ngô Quyền	THPT
2101	Trực thuộc Sở	THPT Thạnh Lộc	THPT
2102	Trực thuộc Sở	THPT An Lạc	THPT
2103	Trực thuộc Sở	THPT Lê Minh Xuân	THPT
2104	Trực thuộc Sở	THPT Đa Phước	THPT
2105	Trực thuộc Sở	THPT Nam Sài Gòn	THPT
2106	Trực thuộc Sở	THPT Nguyễn Hữu Thọ	THPT
2107	Trực thuộc Sở	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	THPT
2108	Trực thuộc Sở	THCS và THPT Diên Hồng	THPT
2109	Trực thuộc Sở	THPT Lương Thế Vinh	THPT
2110	Trực thuộc Sở	THPT Phạm Phú Thứ	THPT
2111	Trực thuộc Sở	THCS và THPT Thạnh An	THPT

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2112	Trực thuộc Sở	THPT chuyên Lê Hồng Phong	THPT
2113	Trực thuộc Sở	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	THPT
2114	Trực thuộc Sở	Phổ thông NK TDTT Nguyễn Thị Định	THPT
2115	Trực thuộc Sở	THPT Năng Khiếu TDTT	THPT
2116	Trực thuộc Sở	THPT Trần Hữu Trang	THPT
2117	Trực thuộc Sở	THPT Long Thới	THPT
2118	Trực thuộc Sở	TH, THCS và THPT Lê Thị Riêng	THPT
2119	Trực thuộc Sở	THPT Võ Nguyên Giáp	THPT
2120	Trực thuộc Sở	THPT Phan Văn Hớn	THPT
2121	Trực thuộc Sở	THPT Thoại Ngọc Hầu	THPT
2122	Trực thuộc Sở	THPT Hà Huy Tập	THPT
2123	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	GDTX
2124	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 1	GDTX
2125	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX Chu Văn An	GDTX
2126	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX Tiếng Hoa	GDTX
2127	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 5	GDTX
2128	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Hóc Môn	GDTX
2129	Trực thuộc Sở	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thanh niên xung phong	GDTX
2130	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX Gia Định	GDTX
2131	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX Bà Rịa - Vũng Tàu	GDTX
2132	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX - hướng nghiệp Vũng Tàu	GDTX
2133	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX - dạy nghề - giới thiệu việc làm Châu Đức	GDTX

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2134	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX - dạy nghề - giới thiệu việc làm Xuyên Mộc	GDTX
2135	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX Long Điền - Đất Đỏ	GDTX
2136	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	GDTX
2137	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDTX và bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương	GDTX
2138	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Thuận An	GDTX
2139	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Dĩ An	GDTX
2140	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Uyên	GDTX
2141	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát	GDTX
2142	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Giáo	GDTX
2143	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Dầu Tiếng	GDTX
2144	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Bàu Bàng	GDTX
2145	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Thành phố Thủ Đức	GDTX
2146	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3	GDTX
2147	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 4	GDTX
2148	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	GDTX
2149	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7	GDTX
2150	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 8	GDTX
2151	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 10	GDTX
2152	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	GDTX
2153	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	GDTX
2154	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Phú	GDTX
2155	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình	GDTX

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2156	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	GDTX
2157	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Thạnh	GDTX
2158	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Gò Vấp	GDTX
2159	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Tân	GDTX
2160	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Nhà Bè	GDTX
2161	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Củ Chi	GDTX
2162	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Cần Giờ	GDTX
2163	Trực thuộc Sở	Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Bình Chánh	GDTX
2164	Trực thuộc Sở	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho Người khuyết tật	Chuyên biệt
2165	Trực thuộc Sở	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh	Chuyên biệt
2166	Trực thuộc Sở	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	Chuyên biệt
2167	Trực thuộc Sở	Trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	Chuyên biệt
2168	Trực thuộc Sở	Trường giáo dục chuyên biệt Thảo Điền	Chuyên biệt
2169	Trực thuộc Sở	Trường giáo dục chuyên biệt 15/5 Quận 11	Chuyên biệt
2170	Trực thuộc Sở	Trường Chuyên biệt Ánh Dương Quận 12	Chuyên biệt
2171	Trực thuộc Sở	Trường Chuyên biệt Bình Minh	Chuyên biệt
2172	Trực thuộc Sở	Trường Giáo dục chuyên biệt Niềm Tin quận Phú Nhuận	Chuyên biệt
2173	Trực thuộc Sở	Trường Giáo dục chuyên biệt Hy vọng quận Gò Vấp	Chuyên biệt
2174	Trực thuộc Sở	Trường Chuyên biệt Bình Tân	Chuyên biệt
2175	Trực thuộc Sở	Trường Giáo dục chuyên biệt Tương Lai	Chuyên biệt
2176	Trực thuộc Sở	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	Chuyên biệt
2177	Trực thuộc Sở	Trường Tương Lai Quận 3	Chuyên biệt

STT	Địa bàn	Tên Đơn vị	Cấp học
2178	Trực thuộc Sở	Trường chuyên biệt 1 tháng 6	Chuyên biệt
2179	Trực thuộc Sở	Trường chuyên biệt Tương Lai Quận 5	Chuyên biệt
2180	Trực thuộc Sở	Trường Hy Vọng Quận 6	Chuyên biệt
2181	Trực thuộc Sở	Trường Hy Vọng Quận 8	Chuyên biệt
2182	Trực thuộc Sở	Trường chuyên biệt Quận 10	Chuyên biệt
2183	Trực thuộc Sở	Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật huyện Củ Chi	Chuyên biệt
2184	Trực thuộc Sở	Trung tâm giáo dục kỹ thuật - tổng hợp và hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm	Chuyên biệt
2185	Trực thuộc Sở	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên biệt
2186	Trực thuộc Sở	Trung tâm Thông tin và Chương trình giáo dục	Chuyên biệt
2187	Trực thuộc Sở	Trường nuôi dạy trẻ Khuyết tật	Chuyên biệt
2188	Trực thuộc Sở	Trường nuôi dạy trẻ khiếm thị Hữu Nghị	Chuyên biệt

Phụ lục 2

DỰ KIẾN KẾT QUẢ SẮP XẾP MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ VÀ ĐẶC KHU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Địa bàn	Trước sắp xếp										Sau sắp xếp										Số lượng giảm	Tỷ lệ	Ghi chú
		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng				
		Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp			
1	Đặc khu Côn Đảo	3	41	1	37	1	25	0	0	5	103	1	41	1	37	1	25	0	0	3	103	2	40.00%	
2	Phường An Đông	4	45	5	94	2	82	0	0	11	221	4	45	3	94	2	82	0	0	9	221	2	18.18%	
3	Phường An Hội Đông	5	45	6	255	3	161	0	0	14	461	3	45	6	255	3	161	0	0	12	461	2	14.29%	
4	Phường An Hội Tây	2	29	3	107	2	95	0	0	7	231	2	29	3	107	2	95	0	0	7	231	0	0.00%	
5	Phường An Khánh	5	40	4	100	2	70	0	0	11	210	2	40	4	100	2	70	0	0	8	210	3	27.27%	
6	Phường An Lạc	9	105	8	299	4	181	0	0	21	585	6	105	6	257	3	147	1	76	16	585	5	23.81%	
7	Phường An Nhơn	3	31	2	69	2	92	0	0	7	192	1	30	1	69	1	92	0	0	3	191	4	57.14%	
8	Phường An Phú	2	22	5	241	1	114	0	0	8	377	1	22	5	241	1	144	0	0	7	407	1	12.50%	
9	Phường An Phú Đông	4	53	3	147	2	112	0	0	9	312	3	53	3	147	2	112	0	0	8	312	1	11.11%	
10	Phường Bà Rịa	5	78	5	133	5	98	0	0	15	309	4	78	3	113	3	74	1	34	11	299	4	26.67%	
11	Phường Bàn Cờ	5	39	5	118	4	70	0	0	14	227	3	39	2	118	2	70	0	0	7	227	7	50.00%	
12	Phường Bảy Hiền	6	67	7	185	4	168	0	0	17	420	3	67	3	185	2	168	0	0	8	420	9	52.94%	
13	Phường Bến Cát	4	51	7	237	4	169	0	0	15	457	2	51	5	237	4	169	0	0	11	457	4	26.67%	
14	Phường Bến Thành	5	50	6	149	2	62	0	0	13	261	3	50	5	149	1	62	0	0	9	261	4	30.77%	
15	Phường Bình Cơ	2	23	2	79	1	31	0	0	5	133	1	23	2	79	1	31	0	0	4	133	1	20.00%	
16	Phường Bình Đông	4	75	6	197	4	102	0	0	14	374	4	75	5	197	2	102	0	0	11	374	3	21.43%	
17	Phường Bình Dương	4	50	4	206	3	130	0	0	11	386	3	50	4	206	2	130	0	0	9	386	2	18.18%	
18	Phường Bình Hòa	3	32	2	118	1	80	0	0	6	230	2	32	2	118	1	80	0	0	5	230	1	16.67%	
19	Phường Bình Hưng Hòa	5	67	10	347	3	220	0	0	18	634	2	67	7	347	3	220	0	0	12	634	6	33.33%	
20	Phường Bình Lợi Trung	5	67	4	82	3	84	0	0	12	233	3	67	3	82	2	84	0	0	8	233	4	33.33%	
21	Phường Bình Phú	4	58	3	100	4	162	0	0	11	320	4	58	3	100	4	162	0	0	11	320	0	0.00%	
22	Phường Bình Quới	2	24	2	61	3	59	0	0	7	144	1	24	1	34	1	40	1	46	4	144	3	42.86%	
23	Phường Bình Tân	3	45	6	344	5	257	0	0	14	646	2	45	4	335	3	257	0	0	9	637	5	35.71%	
24	Phường Bình Tây	5	55	6	130	3	93	0	0	14	278	4	55	3	130	2	93	0	0	9	278	5	35.71%	
25	Phường Bình Thạnh	5	65	6	184	2	90	0	0	13	339	3	65	4	184	2	90	0	0	9	339	4	30.77%	
26	Phường Bình Thới	5	57	5	102	2	60	0	0	12	219	3	57	3	102	2	60	0	0	8	219	4	33.33%	
27	Phường Bình Tiên	5	51	5	119	3	108	0	0	13	278	3	51	3	119	3	108	0	0	9	278	4	30.77%	
28	Phường Bình Trị Đông	2	27	6	193	3	187	0	0	11	407	1	27	3	193	3	187	0	0	7	407	4	36.36%	
29	Phường Bình Trưng	8	78	5	192	4	114	0	0	17	384	5	78	5	192	4	114	0	0	14	384	3	17.65%	
30	Phường Cát Lái	5	46	3	92	4	114	0	0	12	252	3	46	1	33	1	72	2	104	7	255	5	41.67%	
31	Phường Cầu Kiệu	4	35	3	61	2	51	0	0	9	147	2	35	1	61	1	51	0	0	4	147	5	55.56%	
32	Phường Cầu Ông Lãnh	4	51	4	110	3	102	0	0	11	263	2	51	2	88	2	74	1	50	7	263	4	36.36%	
33	Phường Chánh Hiệp	2	20	4	116	2	54	0	0	8	190	1	20	3	116	2	54	0	0	6	190	2	25.00%	
34	Phường Chánh Hưng	8	88	8	196	5	159	0	0	21	443	5	88	6	175	4	139	1	41	16	443	5	23.81%	

STT	Địa bàn	Trước sắp xếp										Sau sắp xếp										Số lượng giảm	Tỷ lệ	Ghi chú
		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng				
		Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp			
35	Phường Chánh Phú Hòa	2	19	2	78	2	57	0	0	6	154	1	19	1	78	1	57	0	0	3	154	3	50.00%	
36	Phường Chợ Lớn	7	79	7	185	3	155	0	0	17	419	3	79	6	185	3	155	0	0	12	419	5	29.41%	
37	Phường Chợ Quán	5	52	4	96	1	43	0	0	10	191	3	52	3	96	1	43	0	0	7	191	3	30.00%	
38	Phường Dĩ An	4	68	9	464	5	355	0	0	18	887	3	68	6	464	5	355	0	0	14	887	4	22.22%	
39	Phường Diên Hồng	7	66	5	118	2	76	0	0	14	260	3	66	4	118	2	76	0	0	9	260	5	35.71%	
40	Phường Đông Hòa	3	40	7	247	4	191	0	0	14	478	2	40	6	247	3	191	0	0	11	478	3	21.43%	
41	Phường Đông Hưng Thuận	7	55	9	294	5	189	0	0	21	538	4	55	8	294	4	189	0	0	16	538	5	23.81%	
42	Phường Đức Nhuận	4	34	4	110	2	66	0	0	10	210	2	34	3	110	2	66	0	0	7	210	3	30.00%	
43	Phường Gia Định	8	81	6	188	4	158	0	0	18	427	4	81	4	188	3	158	0	0	11	427	7	38.89%	
44	Phường Gò Vấp	3	38	2	73	1	49	0	0	6	160	2	38	1	73	1	49	0	0	4	160	2	33.33%	
45	Phường Hạnh Thông	6	72	5	160	4	119	0	0	15	351	3	72	3	160	3	119	0	0	9	351	6	40.00%	
46	Phường Hiệp Bình	7	76	8	273	3	151	0	0	18	500	4	76	4	222	1	53	2	149	11	500	7	38.89%	
47	Phường Hòa Bình	2	18	3	63	2	52	0	0	7	133	2	18	2	63	1	52	0	0	5	133	2	28.57%	
48	Phường Hòa Hưng	5	67	5	115	4	99	0	0	14	281	4	70	4	115	3	99	0	0	11	284	3	21.43%	
49	Phường Hòa Lợi	2	21	4	145	1	58	0	0	7	224	1	21	3	145	1	58	0	0	5	224	2	28.57%	
50	Phường Khánh Hội	4	32	3	58	1	36	0	0	8	126	2	32	1	58	1	36	0	0	4	126	4	50.00%	
51	Phường Lái Thiêu	3	37	6	224	4	195	1	36	14	492	2	37	5	187	2	136	2	132	10	492	3	21.43%	
52	Phường Linh Xuân	8	82	7	250	3	126	0	0	18	458	3	82	6	250	3	126	0	0	12	458	6	33.33%	
53	Phường Long Bình	5	52	4	147	2	80	0	0	11	279	2	52	3	129	1	38	1	71	7	290	4	36.36%	
54	Phường Long Hương	3	37	4	70	3	48	0	0	10	155	3	37	2	71	2	48	0	0	7	156	3	30.00%	
55	Phường Long Nguyên	2	34	4	89	2	62	0	0	8	185	2	34	2	90	2	62	0	0	6	186	2	25.00%	
56	Phường Long Phước	3	30	2	78	2	55	0	0	7	163	2	30	0	0	0	0	2	133	4	163	3	42.86%	
57	Phường Long Trường	2	23	2	71	2	50	0	0	6	144	1	23	1	71	1	50	0	0	3	144	3	50.00%	
58	Phường Minh Phụng	6	46	6	117	3	88	0	0	15	251	4	46	4	118	2	88	0	0	10	252	5	33.33%	
59	Phường Nhiều Lộc	6	45	6	131	3	81	0	0	15	257	2	45	2	131	1	81	0	0	5	257	10	66.67%	
60	Phường Phú An	3	31	4	103	3	102	0	0	10	236	2	31	3	103	2	102	0	0	7	236	3	30.00%	
61	Phường Phú Định	7	74	7	182	3	112	0	0	17	368	5	74	5	182	3	112	0	0	13	368	4	23.53%	
62	Phường Phú Lâm	3	66	5	213	1	27	0	0	9	306	3	66	4	213	1	95	0	0	8	374	1	11.11%	
63	Phường Phú Lợi	5	47	6	208	2	115	0	0	13	370	3	47	6	208	2	115	0	0	11	370	2	15.38%	
64	Phường Phú Mỹ	2	32	6	238	4	172	0	0	12	442	2	32	5	238	4	172	0	0	11	442	1	8.33%	
65	Phường Phú Nhuận	6	53	5	85	2	77	0	0	13	215	3	50	2	80	2	77	0	0	7	207	6	46.15%	
66	Phường Phú Thạnh	2	29	5	198	3	120	0	0	10	347	1	29	3	168	2	92	1	58	7	347	3	30.00%	
67	Phường Phú Thọ	4	33	4	95	2	70	0	0	10	198	2	24	3	95	2	71	0	0	7	190	3	30.00%	
68	Phường Phú Thọ Hòa	6	78	4	172	4	209	0	0	14	459	5	78	4	172	4	209	0	0	13	459	1	7.14%	
69	Phường Phú Thuận	2	38	3	100	0	0	0	0	5	138	2	38	3	100	0	0	0	0	5	138	0	0.00%	
70	Phường Phước Long	4	46	6	212	2	114	0	0	12	372	2	46	4	212	2	114	0	0	8	372	4	33.33%	

STT	Địa bàn	Trước sắp xếp										Sau sắp xếp										Số lượng giảm	Tỷ lệ	Ghi chú
		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng				
		Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp			
71	Phường Phước Thắng	5	56	5	169	3	129	0	0	13	354	5	60	5	172	3	128	0	0	13	360	0	0.00%	
72	Phường Rạch Dừa	7	77	6	186	4	159	0	0	17	422	5	81	6	194	4	165	0	0	15	440	2	11.76%	
73	Phường Sài Gòn	3	30	2	72	1	40	0	0	6	142	2	30	2	72	1	40	0	0	5	142	1	16.67%	
74	Phường Tam Bình	5	62	6	262	4	198	0	0	15	522	3	62	4	262	3	198	0	0	10	522	5	33.33%	
75	Phường Tam Long	4	47	4	85	3	64	0	0	11	196	4	47	2	64	1	50	1	35	8	196	3	27.27%	
76	Phường Tam Thắng	6	67	6	197	4	145	0	0	16	409	5	67	5	197	4	145	0	0	14	409	2	12.50%	
77	Phường Tân Bình	3	35	4	108	1	56	0	0	8	199	2	35	2	108	1	56	0	0	5	199	3	37.50%	
78	Phường Tân Định	3	31	3	75	3	97	0	0	9	203	2	31	1	34	2	77	1	61	6	203	3	33.33%	
79	Phường Tân Đông Hiệp	3	32	6	312	2	130	0	0	11	474	2	32	4	312	2	130	0	0	8	474	3	27.27%	
80	Phường Tân Hải	2	15	4	56	2	50	0	0	8	121	1	15	2	62	1	50	0	0	4	127	4	50.00%	
81	Phường Tân Hiệp	2	18	2	156	2	99	0	0	6	273	1	18	2	156	2	99	0	0	5	273	1	16.67%	
82	Phường Tân Hòa	4	40	5	111	6	158	0	0	15	309	2	40	3	111	4	158	0	0	9	309	6	40.00%	
83	Phường Tân Hưng	5	74	4	177	3	142	0	0	12	393	3	74	3	177	3	142	0	0	9	393	3	25.00%	
84	Phường Tân Khánh	4	35	7	281	3	233	0	0	14	549	2	35	3	257	2	179	1	78	8	549	6	42.86%	
85	Phường Tân Mỹ	2	30	4	133	2	98	0	0	8	261	1	30	4	133	2	98	0	0	7	261	1	12.50%	
86	Phường Tân Phú	3	48	4	106	3	105	0	0	10	259	2	48	2	106	2	105	0	0	6	259	4	40.00%	
87	Phường Tân Phước	2	12	3	72	2	41	0	0	7	125	1	12	0	0	0	0	2	115	3	127	4	57.14%	
88	Phường Tân Sơn	1	12	3	100	0	0	0	0	4	112	1	12	2	100	0	0	0	0	3	112	1	25.00%	
89	Phường Tân Sơn Hòa	4	32	3	74	1	53	0	0	8	159	2	32	2	69	1	51	0	0	5	152	3	37.50%	
90	Phường Tân Sơn Nhất	6	55	4	104	2	76	0	0	12	235	3	52	2	104	2	76	0	0	7	232	5	41.67%	
91	Phường Tân Sơn Nhì	3	31	3	159	3	123	0	0	9	313	2	31	3	159	2	123	0	0	7	313	2	22.22%	
92	Phường Tân Tạo	6	72	3	171	1	68	0	0	10	311	3	72	3	171	1	68	0	0	7	311	3	30.00%	
93	Phường Tân Thành	2	21	4	82	2	52	0	0	8	155	1	22	2	85	1	57	0	0	4	164	4	50.00%	
94	Phường Tân Thới Hiệp	5	70	4	265	3	205	0	0	12	540	3	70	4	265	3	205	0	0	10	540	2	16.67%	
95	Phường Tân Thuận	4	54	4	152	2	100	0	0	10	306	3	54	2	152	2	100	0	0	7	306	3	30.00%	
96	Phường Tân Uyên	4	39	3	87	1	59	2	51	10	236	2	39	1	87	1	59	2	51	6	236	4	40.00%	
97	Phường Tăng Nhơn Phú	9	81	8	259	5	242	0	0	22	582	3	81	6	259	5	242	0	0	14	582	8	36.36%	
98	Phường Tây Nam	3	26	3	91	0	0	0	0	6	117	2	26	2	91	0	0	0	0	4	117	2	33.33%	
99	Phường Tây Thạnh	1	12	1	61	1	63	0	0	3	136	1	12	1	61	1	63	0	0	3	136	0	0.00%	
100	Phường Thạnh Mỹ Tây	6	57	5	134	3	94	0	0	14	285	3	57	3	134	2	94	0	0	8	285	6	42.86%	
101	Phường Thới An	6	69	4	186	3	132	0	0	13	387	3	69	4	186	2	132	0	0	9	387	4	30.77%	
102	Phường Thới Hòa	1	13	3	165	2	131	0	0	6	309	1	13	3	165	2	131	0	0	6	309	0	0.00%	
103	Phường Thông Tây Hội	3	46	4	167	3	132	0	0	10	345	2	46	4	167	3	132	0	0	9	345	1	10.00%	
104	Phường Thủ Dầu Một	6	61	7	217	5	172	0	0	18	450	3	61	5	217	4	172	0	0	12	450	6	33.33%	
105	Phường Thủ Đức	5	52	5	184	5	166	0	0	15	402	4	52	5	184	4	166	0	0	13	402	2	13.33%	
106	Phường Thuận An	3	30	7	151	3	132	0	0	13	313	2	30	3	151	2	132	0	0	7	313	6	46.15%	

STT	Địa bàn	Trước sắp xếp										Sau sắp xếp										Số lượng giảm	Tỷ lệ	Ghi chú
		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng				
		Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp			
107	Phường Thuận Giao	1	9	8	317	3	222	0	0	12	548	1	9	5	317	3	222	0	0	9	548	3	25.00%	
108	Phường Trung Mỹ Tây	2	16	4	170	2	135	0	0	8	321	1	16	3	170	2	135	0	0	6	321	2	25.00%	
109	Phường Vĩnh Hội	3	38	5	85	2	42	0	0	10	165	2	38	3	85	2	42	0	0	7	165	3	30.00%	
110	Phường Vĩnh Tân	2	19	2	65	2	66	0	0	6	150	1	19	1	65	1	66	0	0	3	150	3	50.00%	
111	Phường Vững Tàu	10	94	8	229	6	157	0	0	24	480	6	95	6	229	4	157	0	0	16	481	8	33.33%	
112	Phường Vườn Lài	7	60	6	96	1	45	0	0	14	201	3	60	3	96	1	45	0	0	7	201	7	50.00%	
113	Phường Xóm Chiếu	5	59	6	105	3	80	0	0	14	244	3	59	3	105	2	80	0	0	8	244	6	42.86%	
114	Phường Xuân Hòa	7	74	4	95	4	160	0	0	15	329	4	74	2	95	3	160	0	0	9	329	6	40.00%	
115	Xã An Long	3	26	2	30	0	0	1	25	6	81	1	26	1	30	0	0	1	25	3	81	3	50.00%	
116	Xã An Nhơn Tây	3	35	5	101	3	58	0	0	11	194	3	35	2	101	2	58	0	0	7	194	4	36.36%	
117	Xã An Thới Đông	3	30	4	44	3	35	0	0	10	109	2	30	2	44	2	35	0	0	6	109	4	40.00%	
118	Xã Bà Điểm	4	59	7	305	5	287	0	0	16	651	3	59	2	98	2	142	4	352	11	651	5	31.25%	
119	Xã Bắc Tân Uyên	3	30	2	44	1	30	1	36	7	140	2	30	1	65	1	45	0	0	4	140	3	42.86%	
120	Xã Bàu Bàng	2	29	2	67	1	45	0	0	5	141	1	29	1	67	1	45	0	0	3	141	2	40.00%	
121	Xã Bàu Lâm	2	23	3	46	2	33	0	0	7	102	2	23	1	46	1	33	0	0	4	102	3	42.86%	
122	Xã Bình Chánh	5	56	7	187	3	124	0	0	15	367	3	56	3	187	3	124	0	0	9	367	6	40.00%	
123	Xã Bình Châu	2	27	3	62	1	39	0	0	6	128	2	27	2	62	1	40	0	0	5	129	1	16.67%	
124	Xã Bình Giã	3	30	3	69	3	50	0	0	9	149	2	30	2	69	2	50	0	0	6	149	3	33.33%	
125	Xã Bình Hưng	6	82	6	194	3	110	0	0	15	386	4	82	4	194	2	110	0	0	10	386	5	33.33%	
126	Xã Bình Khánh	3	34	6	87	2	50	0	0	11	171	2	39	3	87	2	50	0	0	7	176	4	36.36%	
127	Xã Bình Lợi	4	36	5	109	3	66	0	0	12	211	2	36	3	109	2	66	0	0	7	211	5	41.67%	
128	Xã Bình Mỹ	4	59	4	113	3	84	0	0	11	256	2	59	2	113	1	84	0	0	5	256	6	54.55%	
129	Xã Cần Giờ	4	33	5	54	2	38	0	0	11	125	2	33	2	54	1	38	0	0	5	125	6	54.55%	
130	Xã Châu Đức	3	41	4	64	2	47	0	0	9	152	2	41	2	64	2	47	0	0	6	152	3	33.33%	
131	Xã Châu Pha	3	24	3	50	2	34	0	0	8	108	2	24	2	50	1	34	0	0	5	108	3	37.50%	
132	Xã Củ Chi	7	85	8	224	5	199	0	0	20	508	3	85	3	224	3	199	0	0	9	508	11	55.00%	
133	Xã Đất Đỏ	5	54	4	95	4	68	0	0	13	217	5	54	3	95	2	68	0	0	10	217	3	23.08%	
134	Xã Dầu Tiếng	5	46	3	64	1	50	1	22	10	182	2	46	2	64	1	50	1	22	6	182	4	40.00%	
135	Xã Đông Thạnh	4	69	8	345	4	195	1	0	17	609	4	69	3	190	1	61	4	303	12	623	5	29.41%	
136	Xã Hiệp Phước	4	59	5	169	2	78	0	0	11	306	3	59	5	169	2	78	0	0	10	306	1	9.09%	
137	Xã Hò Tràm	6	67	6	113	4	77	0	0	16	257	5	67	3	82	1	52	2	61	11	262	5	31.25%	
138	Xã Hòa Hiệp	1	16	3	60	1	45	0	0	5	121	1	16	1	60	1	45	0	0	3	121	2	40.00%	
139	Xã Hòa Hội	6	48	6	77	3	57	0	0	15	182	3	49	4	77	2	57	0	0	9	183	6	40.00%	
140	Xã Hóc Môn	7	92	6	196	4	117	0	0	17	405	4	92	4	196	3	117	0	0	11	405	6	35.29%	
141	Xã Hưng Long	4	40	4	120	3	87	0	0	11	247	2	40	3	120	2	87	0	0	7	247	4	36.36%	
142	Xã Kim Long	3	41	3	50	2	32	1	24	9	147	3	41	2	66	1	44	0	0	6	151	3	33.33%	

STT	Địa bàn	Trước sắp xếp										Sau sắp xếp										Số lượng giảm	Tỷ lệ	Ghi chú
		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng		Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Liên cấp		Tổng cộng				
		Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp			
143	Xã Long Điền	5	47	4	96	4	67	0	0	13	210	3	45	2	76	2	50	1	37	8	208	5	38.46%	
144	Xã Long Hải	8	82	14	266	7	180	0	0	29	528	4	82	8	266	6	180	0	0	18	528	11	37.93%	
145	Xã Long Hòa	2	24	1	28	1	22	1	31	5	105	1	24	0	0	0	0	2	81	3	105	2	40.00%	
146	Xã Long Sơn	2	21	2	43	1	23	0	0	5	87	1	22	1	44	1	24	0	0	3	90	2	40.00%	
147	Xã Minh Thạnh	3	33	4	69	2	34	0	0	9	136	2	33	2	69	1	34	0	0	5	136	4	44.44%	
148	Xã Ngãi Giao	4	55	4	115	4	81	0	0	12	251	4	55	4	115	3	81	0	0	11	251	1	8.33%	
149	Xã Nghĩa Thành	2	24	3	55	2	39	0	0	7	118	2	25	2	55	2	39			6	119	1	14.29%	
150	Xã Nhà Bè	9	102	10	272	6	193	0	0	25	567	5	102	7	272	5	193	0	0	17	567	8	32.00%	
151	Xã Nhuận Đức	4	46	5	106	3	51	0	0	12	203	3	46	3	106	1	51	0	0	7	203	5	41.67%	
152	Xã Phú Giáo	3	42	4	98	3	71	1	17	11	228	2	42	2	98	1	71	1	17	6	228	5	45.45%	
153	Xã Phú Hòa Đông	4	58	6	169	3	121	1	46	14	394	2	58	2	186	2	144	0	0	6	388	8	57.14%	
154	Xã Phước Hải	5	54	7	100	4	68	0	0	16	222	4	57	4	100	2	65	0	0	10	222	6	37.50%	
155	Xã Phước Hòa	2	34	4	78	2	50	0	0	8	162	2	34	2	78	2	50	0	0	6	162	2	25.00%	
156	Xã Phước Thành	3	22	3	36	0	0	0	0	6	58	1	22	1	36	0	0	0	0	2	58	4	66.67%	
157	Xã Tân An Hội	7	61	8	187	3	90	0	0	18	338	4	61	3	187	1	90	0	0	8	338	10	55.56%	
158	Xã Tân Nhựt	4	46	7	198	4	140	0	0	15	384	3	46	4	198	3	140	0	0	10	384	5	33.33%	
159	Xã Tân Vĩnh Lộc	6	65	6	271	3	184	0	0	15	520	3	65	4	271	3	184	0	0	10	520	5	33.33%	
160	Xã Thái Mỹ	3	28	4	90	3	77	0	0	10	195	2	28	2	75	1	49	1	43	6	195	4	40.00%	
161	Xã Thanh An	3	26	5	57	3	34	0	0	11	117	2	26	2	57	1	34	0	0	5	117	6	54.55%	
162	Xã Thạnh An	1	7	1	15	0	0	0	0	2	22	1	7	1	15	0	0	0	0	2	22	0	0.00%	
163	Xã Thường Tân	3	22	2	25	0	0	1	44	6	91	1	22	1	18	0	0	1	51	3	91	3	50.00%	
164	Xã Trừ Văn Thố	2	25	1	35	1	28	1	25	5	113	1	25	1	50	1	38	0	0	3	113	2	40.00%	
165	Xã Vĩnh Lộc	3	36	5	269	2	152	0	0	10	457	2	36	4	269	2	152	0	0	8	457	2	20.00%	
166	Xã Xuân Sơn	3	22	2	50	2	33	1	18	8	123	2	22	1	50	1	33	1	18	5	123	3	37.50%	
167	Xã Xuân Thới Sơn	5	78	7	234	3	140	1	19	16	471	5	78	3	153	0	0	3	240	11	471	5	31.25%	
168	Xã Xuyên Mộc	3	26	3	53	3	40	0	0	9	119	2	26	2	53	1	40	0	0	5	119	4	44.44%	

Phụ lục 3

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP – GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
1	Khu vực trung tâm	TT GDNN-GDTX Quận 1	1	2	25	26	13	305	Từ 1 - 3km	3	35	1108	Ba trung tâm có tổng quy mô 35 lớp với khoảng 1.108 học viên, khoảng cách giữa các đơn vị chỉ 1–3 km, phạm vi tuyển sinh giao thoa và cùng phục vụ khu vực trung tâm Thành phố. Trong đó, Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3 có quy mô lớn hơn, các đơn vị còn lại có quy mô	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	1	2
		TT GDNN-GDTX Quận 3	1	1	23	10	16	623								
		TT GDTX Lê Quý Đôn	1	2	11	7	6	180								

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													nhỏ. Việc hợp nhất sẽ hình thành một trung tâm có quy mô phù hợp, tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ, đồng thời vẫn bảo đảm thuận lợi cho người học trong tiếp cận giáo dục thường xuyên			
2	Khu vực Chợ Lớn	TT GDNN-GDTX Quận 5		2	13	5	6	155	Từ 1 - 2 km	3	30	1148	Ba trung tâm có khoảng cách 1–2 km, cùng phục vụ	Hợp nhất thành 01	1	2

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
		TT GDTX Chu Văn An	1	2	56	18	24	993								
		TT GDTX Tiếng Hoa	1			11							khu vực Chợ Lớn và có phạm vi tuyển sinh tương đồng. Trung tâm GDTX Chu Văn An có quy mô đào tạo lớn, trong khi Trung tâm GDNN-GDTX Quận 5 có quy mô nhỏ; Trung tâm GDTX Tiếng Hoa thực hiện các chương trình giáo dục đặc thù. Việc hợp nhất tạo điều kiện tập trung nguồn lực, đồng thời tiếp tục duy trì các	Trung tâm GDNN-GDTX		

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													chương trình đào tạo đặc thù trong cơ cấu của trung tâm mới			
3	Khu vực Tây Nam	TT GDNN-GDTX Quận 6	1	2	25	32	30	1049	Khoảng 5.5km	2	45	1674	Hai trung tâm có khoảng cách khoảng 5,5 km, tổng quy mô 45 lớp với 1.674 học viên, cùng phục vụ khu vực phía Tây Nam Thành phố. TT GDNN-GDTX Quận 8 có phạm vi tuyển sinh tương đồng với TT GDNN-GDTX Q6. Việc hợp nhất nhằm tinh gọn	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	1	1
		TT GDNN-GDTX Quận 8	1	1	42	9	15	625								

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													đầu mối, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và vẫn bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của người học			
		TT GDNN-GDTX Quận 10	1	2	67	17	20	983					Hai trung tâm có khoảng cách khoảng 2–3 km, cùng phục vụ khu vực nội thành phía Tây, có phạm vi tuyển sinh và đối tượng phục vụ tương đồng. Tổng quy mô sau sắp xếp đủ lớn để tổ chức hoạt động ổn định, đồng thời góp phần	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	1	1
		TT GDNN-GDTX Quận 11	1	3	24	10	12	418	Khoảng 2km	2	32	1401				

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ, bảo đảm thuận lợi cho người học tiếp cận giáo dục thường xuyên.			
4	Khu vực Nam Thành phố	TT GDNN-GDTX Quận 4	1	1	14	10	13	460	Từ 4 - 13km	3	55	2438	Ba trung tâm thuộc cùng không gian phát triển phía Nam, khoảng cách 4–13 km. Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7 có quy mô lớn, trong khi TT GDNN-GDTX Quận 4 và TT GDNN-	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	1	2
		TT GDNN-GDTX Quận 7	1	0	42	31	34	1731								
		TT GDNN-GDTX Nhà Bè	1	2	14	3	8	247								

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
5	Khu vực Gia Định	TT GDNN-GDTX Bình Thạnh	1	0	24	9	10	380	Từ 2 - 6km	3	39	1546	GDTX Nhà Bè có quy mô nhỏ. Việc hợp nhất phù hợp với định hướng tổ chức mạng lưới theo khu vực, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhưng vẫn bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của người học	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	1	2
		TT GDNN-GDTX Gò Vấp	1	1	34	12	21	884					Ba trung tâm có khoảng cách 2–6 km, tổng quy mô khoảng 1.500 học viên, cùng phục vụ khu vực Gia Định có dân			

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
		TT GDTX Gia Định	1	1	19	10	8	282					số đông và nhu cầu học tập thường xuyên lớn. Việc hợp nhất tạo điều kiện hình thành trung tâm hạt nhân của khu vực, phát huy hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và kinh nghiệm tổ chức đào tạo			
6	Khu vực Phú Nhuận - Tân Bình	TT GDNN-GDTX Phú Nhuận	1	2	29	15	17	626	Khoảng 3,5km	2	40	2031	Hai trung tâm có khoảng cách khoảng 3,5 km, tổng quy mô 40 lớp với khoảng 2.031 học viên, địa bàn giáp ranh và phạm vi	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	1	1
		TT GDNN-GDTX	1	2	33	27	23	1405								

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
		Tân Bình											tuyển sinh có nhiều điểm giao thoa. Trung tâm GDNN-GDTX Tân Bình có quy mô lớn hơn. Việc hợp nhất góp phần tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác cơ sở vật chất			
7	Khu vực Tây Thành phố	TT GDNN-GDTX Bình Tân	1	3	29	12	28	1051	-	3	28	1051	TT có quy mô đào tạo lớn, phục vụ địa bàn có dân số đông, tốc độ đô thị hóa nhanh và nhu cầu học tập thường xuyên lớn. Trung	Giữ nguyên	3	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													tâm có đủ điều kiện về quy mô đào tạo, cơ sở vật chất và đội ngũ để hoạt động độc lập. Việc giữ nguyên nhằm bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và phát huy hiệu quả nguồn lực đã đầu tư			

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
		TT GDNN-GDTX Tân Phú	1	2	42	18	38	1698	-		38	1698	TT có quy mô lớn, phục vụ địa bàn có mật độ dân cư cao, nhu cầu học văn hóa, giáo dục nghề nghiệp và học tập suốt đời ngày càng tăng. Trung tâm có quy mô đào tạo lớn, đủ điều kiện hoạt động độc lập. Việc giữ nguyên nhằm bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và đáp ứng yêu cầu phát	Giữ nguyên		

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													triển nguồn nhân lực của địa phương			
		TT GDNN-GDTX Bình Chánh	1	2	43	11	41	1721	-		41	1721	TT GDNN-GDTX Bình Chánh có quy mô lớn, phục vụ địa bàn có diện tích rộng, dân số đông và nhu cầu học tập cao. Trung tâm đủ điều kiện hoạt động độc lập; việc giữ nguyên nhằm bảo đảm quyền tiếp	Giữ nguyên		

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													cận giáo dục, phát huy hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và nguồn lực đầu tư hiện có			
8	Thành phố Thủ Đức	TT GDNN-GDTX Thủ Đức		4	81	22	67	2861	-	1	67	2861	Trung tâm GDNN-GDTX Thủ Đức có quy mô lớn, phục vụ địa bàn rộng, dân số đông và nhu cầu học tập đa dạng. Với quy mô hiện có và phạm vi phục vụ độc lập, việc giữ nguyên trung tâm là phù hợp nhằm bảo đảm khả năng đáp ứng nhu	Giữ nguyên	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													cầu giáo dục thường xuyên của khu vực			
9	Khu vực Bắc Thành phố	TT GDNN-GDTX Quận 12	1	2	67	19	105	5031	-	3	105	5031	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12 có quy mô lớn nhất hệ thống (105 lớp, 5.031 học viên), đáp ứng nhu cầu học tập của địa bàn có dân số đông và tốc độ đô thị hóa cao. Với quy mô đào tạo, cơ sở vật chất và đội ngũ hiện có, Trung tâm	Giữ nguyên	2	1

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													đủ điều kiện hoạt động độc lập, giữ vai trò nòng cốt của khu vực phía Bắc Thành phố			
		TT GDNN-GDTX Hóc Môn	1	2	39	6	24	962	Khoảng 3km		47	1839	Hai trung tâm có khoảng cách khoảng 3km, tổng quy mô 47 lớp với 1.839 học viên, cùng phục vụ khu vực phía Bắc Thành phố. Hai đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, quy mô đào tạo tương đối cân đối và phạm vi phục	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX		
		TT GDTX Thanh niên xung phong	1	3	20	25	23	877								

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													vụ có nhiều điểm giao thoa. Việc hợp nhất nhằm tinh gọn đầu mối, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và nguồn lực đầu tư, đồng thời vẫn bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của người học.			
10	Khu vực Nam Bình Dương	TT GDNN-GDTX Dĩ An	1	2	42	8	29	1251	-	2	29	1251	TT có quy mô lớn, phục vụ địa bàn có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa cao, dân số đông và nhu cầu học tập thường xuyên lớn.	Giữ nguyên	2	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													Với quy mô đào tạo, cơ sở vật chất và đội ngũ hiện có, Trung tâm đủ điều kiện hoạt động độc lập. Việc giữ nguyên đơn vị nhằm bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và phát huy hiệu quả nguồn lực đã đầu tư			

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
		TT GDNN-GDTX Thuận An	1	2	35	2	28	1168	-		28	1168	TT có quy mô lớn, phục vụ địa bàn có mật độ dân cư cao, tập trung nhiều khu công nghiệp và lực lượng lao động. Trung tâm đáp ứng tốt nhu cầu học tập thường xuyên và đào tạo nghề của người dân. Việc giữ nguyên đơn vị nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ và phù hợp với	Giữ nguyên		

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương			
11	Khu vực Trung tâm Bình Dương	TT GDNN-GDTX Bến Cát	1	1	35	8	23	965	Khoảng 15km	3	35	1483	Hai Trung tâm có khoảng cách địa lý khoảng 15km, cùng phục vụ khu vực phát triển công nghiệp phía Bắc Thành phố, có phạm vi tuyển sinh và đối tượng phục vụ tương đồng. Hai địa bàn được kết nối thuận lợi	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	2	1
		TT GDNN-GDTX Bàu Bàng	1	2	9	11	12	518								

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													theo Quốc lộ 13, nhu cầu đào tạo văn hóa, giáo dục nghề nghiệp và học tập suốt đời có nhiều điểm tương đồng. Việc hợp nhất hai trung tâm nhằm tinh gọn đầu mối, tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, đội ngũ và năng lực quản lý, đồng thời vẫn bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của người học trên địa bàn			

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
		TT GDTX và Bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương	1	2	62	21	45	2046	-		45	2046	Đơn vị hiện có quy mô lớn, cơ sở vật chất và đội ngũ đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động độc lập; đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của địa phương. Vì vậy, đề xuất giữ nguyên đơn vị và chuyển đổi sang mô hình Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo Đề án nhằm phát	Giữ nguyên, chuyển thành TT GDNN-GDTX		

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													huy hiệu quả nguồn lực hiện có và bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân khu vực trung tâm Bình Dương			
12	Khu vực Đông Bình Dương	TT GDNN-GDTX Tân Uyên	1	2	30	10	39	1798	-	1	39	1798	Trung tâm có quy mô 28 lớp với 1.701 học viên, phục vụ khu vực phát triển mạnh về công nghiệp và đô thị. Khoảng cách đến các trung tâm lân cận từ 25–35 km, nếu sắp nhập sẽ làm mở rộng đáng kể phạm vi	Giữ nguyên	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													phục vụ và ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận giáo dục của người học. Vì vậy, đề xuất giữ nguyên trung tâm để bảo đảm mạng lưới giáo dục thường xuyên phù hợp với quy hoạch phát triển khu vực			
13	Khu vực Tây Bắc Bình Dương	TT GDNN-GDTX Dầu Tiếng		1	26	7	22	881	-	1	22	881	Trung tâm có quy mô 22 lớp với 881 học viên, phục vụ địa bàn có diện tích tự nhiên lớn, dân cư phân tán. Khoảng cách	Giữ nguyên	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													đến các trung tâm lân cận từ 30–50 km, việc sáp nhập sẽ làm tăng khoảng cách di chuyển của người học và không bảo đảm thuận lợi trong tiếp cận giáo dục. Do đó, đề xuất giữ nguyên trung tâm để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và duy trì mạng lưới giáo dục thường xuyên trên địa bàn			

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
14	Khu vực Vũng Tàu	TT GDTX Bà Rịa - Vũng Tàu	1	2	20	11	22	840	Từ 2 - 18km	3	48	1816	Ba trung tâm có khoảng cách 2–18 km, tổng quy mô 48 lớp với khoảng 1.816 học viên, cùng phục vụ khu vực đô thị và ven biển. Trung tâm GDTX Bà Rịa - Vũng Tàu có quy mô lớn hơn, trong khi hai trung tâm còn lại có quy mô nhỏ. Việc hợp nhất phù hợp với không gian phát triển du lịch, dịch vụ và kinh tế biển, đồng	Hợp nhất thành 01 Trung tâm GDNN-GDTX	1	2
		TT GDTX Long Điền - Đất Đỏ	1		27	8	11	370								
		TT GDTX - Hướng nghiệp Vũng Tàu	1	1	17	7	15	606								

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													thời nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ			
15	Khu vực Đông Nam	TT GDTX - Dạy nghề - Giới thiệu việc làm Xuyên Mộc	1	1	16	6	18	615	-	1	18	615	Trung tâm phục vụ địa bàn có diện tích rộng, phát triển du lịch, dịch vụ và kinh tế biển. Việc giữ nguyên và chuyển đổi thành Trung tâm GDNN-GDTX nhằm bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và phù hợp với định	Giữ nguyên, chuyển thành TT GDNN-GDTX Xuyên Mộc	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													hướng phát triển kinh tế - xã hội của khu vực			
16	Khu vực Tây Bà Rịa	TT GDTX - Dạy nghề - Giới thiệu việc làm Châu Đức	1	1	24	6	20	615	-	1	20	615	Trung tâm phục vụ địa bàn có diện tích rộng, định hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và đô thị. Việc giữ nguyên và chuyển đổi thành Trung tâm GDNN-GDTX nhằm bảo đảm	Giữ nguyên, chuyển thành TT GDNN-GDTX Châu Đức	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
													quyền tiếp cận giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của khu vực			
17	Khu vực Củ Chi	TT GDNN-GDTX Củ Chi	1	2	48	10	34	1573	-	1			Khu vực cửa ngõ Tây Bắc; định hướng phát triển công nghiệp, logistics, nông nghiệp công nghệ cao	Giữ nguyên, định hướng chuyển đổi thành Trường Trung học nghề sau khi có hướng	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
														dẫn của BGDDT		
18	Khu vực Cần Giờ	TT GDNN-GDTX Cần Giờ	1	2	36	15	14	435	-	1			Địa bàn ven biển, khoảng cách xa trung tâm; nhu cầu đào tạo nhân lực phục vụ kinh tế biển và du lịch sinh thái	Giữ nguyên, định hướng chuyển đổi thành Trường Trung học nghề sau khi có hướng dẫn của BGDDT	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
19	Khu vực Phú Giáo	TT GDNN-GDTX Phú Giáo	1	2	33	6	19	1160	-	1			Khu vực phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; phục vụ phía Bắc Thành phố	Giữ nguyên, định hướng chuyển đổi thành Trường Trung học nghề sau khi có hướng dẫn của BGDDĐT	1	0
20	Khu vực Phú Mỹ	TT GDTX Phú Mỹ					12	451	-	1			Trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics; nhu cầu đào tạo nhân lực kỹ thuật cao	Giữ nguyên, định hướng chuyển đổi thành Trường Trung học	1	0

STT	Khu vực	Các đơn vị hiện có	Nhân sự				Quy mô	Học viên	Khoảng cách giữa các trung tâm	Số lượng các đơn vị trước sắp xếp	Tổng số lớp sau sắp nhập	Tổng số học viên sau sắp nhập	Hiện trạng, căn cứ đề xuất	Phương án sắp xếp	Số lượng các đơn vị sau sắp xếp	Số lượng các đơn vị giảm sắp xếp
			GD	PGD	Giáo viên	Nhân viên										
														nghe sau khi có hướng dẫn của BGDDT		



Phụ lục 4

DỰ KIẾN KẾT QUẢ GIẢM NHÂN SỰ KHI SẮP XẾP MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ VÀ ĐẶC KHU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
1	Đặc khu Côn Đảo	5	3	2	40.00%	4	6	
2	Phường An Đông	11	9	2	18.18%	4	6	
3	Phường An Hội Đông	14	12	2	14.29%	4	6	
4	Phường An Hội Tây	7	7	0	0.00%	0	0	
5	Phường An Khánh	11	8	3	27.27%	6	9	
6	Phường An Lạc	21	16	5	23.81%	10	15	
7	Phường An Nhơn	7	3	4	57.14%	8	12	
8	Phường An Phú	8	7	1	12.50%	2	3	
9	Phường An Phú Đông	9	8	1	11.11%	2	3	
10	Phường Bà Rịa	15	11	4	26.67%	8	12	
11	Phường Bàn Cờ	14	7	7	50.00%	14	21	
12	Phường Bảy Hiền	17	8	9	52.94%	18	27	
13	Phường Bến Cát	15	11	4	26.67%	8	12	
14	Phường Bến Thành	13	9	4	30.77%	8	12	
15	Phường Bình Cơ	5	4	1	20.00%	2	3	
16	Phường Bình Đông	14	11	3	21.43%	6	9	
17	Phường Bình Dương	11	9	2	18.18%	4	6	
18	Phường Bình Hòa	6	5	1	16.67%	2	3	
19	Phường Bình Hưng Hòa	18	12	6	33.33%	12	18	
20	Phường Bình Lợi Trung	12	8	4	33.33%	8	12	
21	Phường Bình Phú	11	11	0	0.00%	0	0	

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
22	Phường Bình Quới	7	4	3	42.86%	6	9	
23	Phường Bình Tân	14	9	5	35.71%	10	15	
24	Phường Bình Tây	14	9	5	35.71%	10	15	
25	Phường Bình Thạnh	13	9	4	30.77%	8	12	
26	Phường Bình Thới	12	8	4	33.33%	8	12	
27	Phường Bình Tiên	13	9	4	30.77%	8	12	
28	Phường Bình Trị Đông	11	7	4	36.36%	8	12	
29	Phường Bình Trưng	17	14	3	17.65%	6	9	
30	Phường Cát Lái	12	7	5	41.67%	10	15	
31	Phường Cầu Kiệu	9	4	5	55.56%	10	15	
32	Phường Cầu Ông Lãnh	11	7	4	36.36%	8	12	
33	Phường Chánh Hiệp	8	6	2	25.00%	4	6	
34	Phường Chánh Hưng	21	16	5	23.81%	10	15	
35	Phường Chánh Phú Hòa	6	3	3	50.00%	6	9	
36	Phường Chợ Lớn	17	12	5	29.41%	10	15	
37	Phường Chợ Quán	10	7	3	30.00%	6	9	
38	Phường Dĩ An	18	14	4	22.22%	8	12	
39	Phường Diên Hồng	14	9	5	35.71%	10	15	
40	Phường Đông Hòa	14	11	3	21.43%	6	9	
41	Phường Đông Hưng Thuận	21	16	5	23.81%	10	15	
42	Phường Đức Nhuận	10	7	3	30.00%	6	9	
43	Phường Gia Định	18	11	7	38.89%	14	21	
44	Phường Gò Vấp	6	4	2	33.33%	4	6	
45	Phường Hạnh Thông	15	9	6	40.00%	12	18	

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
46	Phường Hiệp Bình	18	11	7	38.89%	14	21	
47	Phường Hòa Bình	7	5	2	28.57%	4	6	
48	Phường Hòa Hưng	14	11	3	21.43%	6	9	
49	Phường Hòa Lợi	7	5	2	28.57%	4	6	
50	Phường Khánh Hội	8	4	4	50.00%	8	12	
51	Phường Lái Thiêu	14	11	3	21.43%	3	9	
52	Phường Linh Xuân	18	12	6	33.33%	12	18	
53	Phường Long Bình	11	7	4	36.36%	8	12	
54	Phường Long Hương	10	7	3	30.00%	6	9	
55	Phường Long Nguyên	8	6	2	25.00%	4	6	
56	Phường Long Phước	7	4	3	42.86%	6	9	
57	Phường Long Trường	6	3	3	50.00%	6	9	
58	Phường Minh Phụng	15	10	5	33.33%	10	15	
59	Phường Nhiêu Lộc	15	5	10	66.67%	20	30	
60	Phường Phú An	10	7	3	30.00%	6	9	
61	Phường Phú Định	17	13	4	23.53%	8	12	
62	Phường Phú Lâm	9	8	1	11.11%	2	3	
63	Phường Phú Lợi	13	11	2	15.38%	4	6	
64	Phường Phú Mỹ	12	11	1	8.33%	2	3	
65	Phường Phú Nhuận	13	7	6	46.15%	12	18	
66	Phường Phú Thạnh	10	7	3	30.00%	6	9	
67	Phường Phú Thọ	10	7	3	30.00%	6	9	
68	Phường Phú Thọ Hòa	14	13	1	7.14%	2	3	
69	Phường Phú Thuận	5	5	0	0.00%	0	0	

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
70	Phường Phước Long	12	8	4	33.33%	8	12	
71	Phường Phước Thắng	13	13	0	0.00%	0	0	
72	Phường Rạch Dừa	17	15	2	11.76%	4	6	
73	Phường Sài Gòn	6	5	1	16.67%	2	3	
74	Phường Tam Bình	15	10	5	33.33%	10	15	
75	Phường Tam Long	11	8	3	27.27%	6	9	
76	Phường Tam Thắng	16	14	2	12.50%	4	6	
77	Phường Tân Bình	8	5	3	37.50%	6	9	
78	Phường Tân Định	9	6	3	33.33%	6	9	
79	Phường Tân Đông Hiệp	11	8	3	27.27%	6	9	
80	Phường Tân Hải	8	4	4	50.00%	8	12	
81	Phường Tân Hiệp	6	5	1	16.67%	2	3	
82	Phường Tân Hòa	15	9	6	40.00%	12	18	
83	Phường Tân Hưng	12	9	3	25.00%	6	9	
84	Phường Tân Khánh	14	8	6	42.86%	12	18	
85	Phường Tân Mỹ	8	7	1	12.50%	2	3	
86	Phường Tân Phú	10	6	4	40.00%	8	12	
87	Phường Tân Phước	7	3	4	57.14%	8	12	
88	Phường Tân Sơn	4	3	1	25.00%	2	3	
89	Phường Tân Sơn Hòa	8	5	3	37.50%	6	9	
90	Phường Tân Sơn Nhất	12	7	5	41.67%	10	15	
91	Phường Tân Sơn Nhì	9	7	2	22.22%	4	6	
92	Phường Tân Tạo	10	7	3	30.00%	6	9	
93	Phường Tân Thành	8	5	4	50.00%	8	12	

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
94	Phường Tân Thới Hiệp	12	10	2	16.67%	4	6	
95	Phường Tân Thuận	10	7	3	30.00%	6	9	
96	Phường Tân Uyên	10	6	4	40.00%	8	12	
97	Phường Tăng Nhơn Phú	22	14	8	36.36%	16	24	
98	Phường Tây Nam	6	4	2	33.33%	4	6	
99	Phường Tây Thạnh	3	3	0	0.00%	0	0	
100	Phường Thạnh Mỹ Tây	14	8	6	42.86%	12	18	
101	Phường Thới An	13	9	4	30.77%	8	12	
102	Phường Thới Hòa	6	6	0	0.00%	0	0	
103	Phường Thông Tây Hội	10	9	1	10.00%	2	3	
104	Phường Thủ Dầu Một	18	12	6	33.33%	12	18	
105	Phường Thủ Đức	15	13	2	13.33%	4	6	
106	Phường Thuận An	13	7	6	46.15%	12	18	
107	Phường Thuận Giao	12	9	3	25.00%	6	9	
108	Phường Trung Mỹ Tây	8	6	2	25.00%	4	6	
109	Phường Vĩnh Hội	10	7	3	30.00%	6	9	
110	Phường Vĩnh Tân	6	3	3	50.00%	6	9	
111	Phường Vũng Tàu	24	16	8	33.33%	16	24	
112	Phường Vườn Lài	14	7	7	50.00%	14	21	
113	Phường Xóm Chiếu	14	8	6	42.86%	12	18	
114	Phường Xuân Hòa	15	9	6	40.00%	12	18	
115	Xã An Long	6	3	3	50.00%	6	9	
116	Xã An Nhơn Tây	11	7	4	36.36%	8	12	
117	Xã An Thới Đông	10	6	4	40.00%	8	12	

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
118	Xã Bà Điểm	16	11	5	31.25%	10	15	
119	Xã Bắc Tân Uyên	7	4	3	42.86%	6	9	
120	Xã Bàu Bàng	5	3	2	40.00%	4	6	
121	Xã Bàu Lâm	7	4	3	42.86%	6	9	
122	Xã Bình Chánh	15	9	6	40.00%	12	18	
123	Xã Bình Châu	6	5	1	16.67%	2	3	
124	Xã Bình Giã	9	6	3	33.33%	6	9	
125	Xã Bình Hưng	15	10	5	33.33%	10	15	
126	Xã Bình Khánh	11	7	4	36.36%	8	12	
127	Xã Bình Lợi	12	7	5	41.67%	10	15	
128	Xã Bình Mỹ	11	5	6	54.55%	12	18	
129	Xã Cần Giờ	11	5	6	54.55%	12	18	
130	Xã Châu Đức	9	6	3	33.33%	6	9	
131	Xã Châu Pha	8	5	3	37.50%	6	9	
132	Xã Cù Chi	20	9	11	55.00%	22	33	
133	Xã Đất Đỏ	13	10	3	23.08%	6	9	
134	Xã Dầu Tiếng	10	6	4	40.00%	8	12	
135	Xã Đông Thạnh	14	12	2	14.29%	4	6	
136	Xã Hiệp Phước	11	10	1	9.09%	2	3	
137	Xã Hò Tràm	16	11	5	31.25%	10	15	
138	Xã Hòa Hiệp	5	3	2	40.00%	4	6	
139	Xã Hòa Hội	15	9	6	40.00%	12	18	
140	Xã Hóc Môn	17	11	6	35.29%	12	18	
141	Xã Hưng Long	11	7	4	36.36%	8	12	

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
142	Xã Kim Long	9	6	3	33.33%	6	9	
143	Xã Long Điền	13	8	5	38.46%	10	15	
144	Xã Long Hải	29	18	11	37.93%	22	33	
145	Xã Long Hòa	5	3	2	40.00%	4	6	
146	Xã Long Sơn	5	3	2	40.00%	4	6	
147	Xã Minh Thạnh	9	5	4	44.44%	8	12	
148	Xã Ngãi Giao	12	11	1	8.33%	2	3	
149	Xã Nghĩa Thành	7	6	1	14.29%	2	3	
150	Xã Nhà Bè	25	17	8	32.00%	16	24	
151	Xã Nhuận Đức	12	7	5	41.67%	10	15	
152	Xã Phú Giáo	11	6	5	45.45%	10	15	
153	Xã Phú Hòa Đông	14	6	8	57.14%	16	24	
154	Xã Phước Hải	16	10	6	37.50%	12	18	
155	Xã Phước Hòa	8	6	2	25.00%	4	6	
156	Xã Phước Thành	6	2	4	66.67%	8	12	
157	Xã Tân An Hội	18	8	10	55.56%	20	30	
158	Xã Tân Nhựt	15	10	5	33.33%	10	15	
159	Xã Tân Vĩnh Lộc	15	10	5	33.33%	10	15	
160	Xã Thái Mỹ	10	6	4	40.00%	8	12	
161	Xã Thanh An	11	5	6	54.55%	12	18	
162	Xã Thạnh An	2	2	0	0.00%	0	0	
163	Xã Thường Tân	6	3	3	50.00%	6	9	
164	Xã Trù Văn Thố	5	3	2	40.00%	4	6	
165	Xã Vĩnh Lộc	10	8	2	20.00%	4	6	

STT	Địa bàn	Số trường trước sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Số lượng giảm	Tỷ lệ giảm	Số lượng CBQL giảm (dự kiến)	Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục gián tiếp giảm (dự kiến)	Ghi chú
166	Xã Xuân Sơn	8	5	3	37.50%	6	9	
167	Xã Xuân Thới Sơn	16	11	5	31.25%	10	15	
168	Xã Xuyên Mộc	9	5	4	44.44%	8	12	